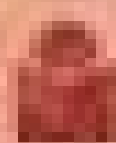


# NGHỆ THUẬT

## tuyển tập truyện dịch



NGHỆ THUẬT 2008

# **TUYỂN TẬP TRUYỆN DỊCH**

Tác giả: **Miêng**

Ebook: **@nguyenthanh-cuibap**

---

*Nguồn text:***Internet**

## TỰA

**"T**raduttore, traditore" ("Dịch là phản"). Biết thế mà vẫn dịch. Biết thế mà vẫn "phản bội", đôi khi không phải một mà hai lần : nhiều truyện ở đây đã đến với độc giả từ một bản không phải là nguyên tác ! Nếu không may bị chất vấn, chắc đương sự chỉ có thể chống chế bằng một luận cứ : tôi không nuôi cao vọng dịch hay và sát, chỉ mong dịch sao cho thoát !

Tôi vẫn mơ cho Miêng một ngày mai. Như một tác giả, chứ không phải dịch giả. Tôi thường trách Miêng mất quá nhiều thời giờ cho việc dịch thuật, xao lãng chuyện sáng tác. Nhưng làm sao có thể ngăn một người muốn luôn luôn sống chân thật, trọn vẹn với tình cảm của mình ? Làm sao có thể cản một con tim xúc động trước những chuyện người, rất người, quá người này, để vượt trên mọi rào chắn ngôn ngữ và văn hoá, cùng chia sẻ với các nhân vật trong truyện một cảnh ngộ hoặc khôi hài, hoặc thơ mộng, hoặc trớ trêu, hoặc bi đát... - nghĩa là loại hoàn cảnh có thể buộc mỗi người trong chúng ta lộ nguyên chân tướng ?

Từ mọi phía, những đầu óc tỉnh thức nói với chúng ta : văn chương bây giờ chỉ còn là một trò chơi ngôn ngữ. Và tất nhiên, trong cái trò chơi ấy, thì dịch văn kẻ khác là loại trò chơi đại dột vào bậc nhất đối với người cầm bút - trừ phi để kiếm tiền. Cứ tưởng tượng một họa sĩ, thay vì say mê sáng tạo những hình thể, màu sắc độc đáo của mình, lại mãi miết sao vẽ các họa phẩm của những bậc thầy đã nổi tiếng ! Giới thiệu các nhà văn đã thành danh, dù ở mức độ quốc tế hay quốc gia, đều là một chuyện thừa tương tự ; và cũng

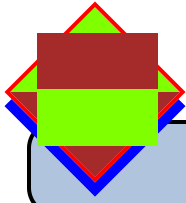
tương tự, nó chỉ có thể làm rõ thêm khoảng cách, trong tư thế tác giả, giữa kẻ dịch và người được dịch.

Thật ra, văn chương bao giờ chẳng là một trò chơi ? Ngay từ khi mới xuất hiện. Chỉ có luật chơi là thay đổi tùy nơi, tùy thời. Song điều may mắn là trước bất cứ một trò chơi gì, luật chơi nào, người ta vẫn có thể bày tỏ một thái độ : "chơi thật" hoặc "chơi chơi". Nếu "chơi thật" là đầu tư tất cả tâm trí vào đấy, vì và chỉ vì trân trọng một khía cạnh nào đó của văn chương, dù biết trước mọi thua thiệt, dù phải lội ngược thời trang, thì Miêng đã chơi rất thật.

Hãy đọc tập truyện dịch này với tất cả sự nghiêm khắc cần thiết về mặt ngôn từ và kỹ thuật chuyển ngữ. Nhưng hãy khoan thai bước vào những cảnh ngộ trong truyện với tất cả tấm lòng, để cùng chia sẻ với các tác giả và người dịch, để sống với những nhân vật trong truyện, một chút gì nòi tình chúng ta hằng gọi là nhân tính.

**Phạm Trọng Luật,**

**Paris 09/2000**



Hwang Sun-Won, 1953 - (Kwabu).

## BÀ GÓA

**B**à Hàn rất hãnh diện là trong đời, không một người đàn ông nào sờ được vào thân thể bà, dù chỉ là một lọn tóc.

Hồi mười lăm tuổi - cái tuổi hầy còn vô tư - bà đã được hứa hôn với con trai cả cụ Kim, bậc danh giá trong làng. Trước lễ cưới ít lâu, người con trai té cây chết. Cụ Hàn bố, cứ nhắc nhở là "trung thần bất sự nhị quân", tôi trung không thờ hai chúa, cho nên "tiết phụ bất tòng nhị phu", gái tiết không thờ hai chồng : kết luận, cụ ra lệnh con để tang chồng ba năm tròn. Mãn tang, cụ gửi con về nhà chồng dĩ nhiên chẳng còn chồng nữa. Cô gái lớn lên và già ở đó, goá bụa và trinh trắng, đầy phẩm hạnh, mòn nhẵn với thời gian như viên sỏi bị nước mài dũa, cho đến năm vào tuổi bảy mươi.

Từ khi nào chỉ có trời mới biết, bà Hàn coi đàn ông là đồ vật bẩn thỉu. Bây giờ cũng vậy, tuy đã thất tuần, bà rất nhạy cảm trước mùi đàn ông và bày tỏ vẻ ghê tởm bằng cách nhú mày. Ai mà có mùi mồ hôi thì được bà mời tránh xa, khỏi phải màu mè.

Bà cũng không thích trẻ con, có lẽ tại thói quen lâu ngày của cuộc đời đơn độc. Từ lâu, bà con trong họ đã vận động thu xếp để bà nuôi một trong những đứa cháu, nhưng bà không nhận.

Trẻ nhỏ - tụi nó đánh hơi thần kỳ - cũng không ưa gì "bà cô" thiếu ngọt ngào này. Một hôm, mấy đứa cháu gái đòi bà kể chuyện...

- Ngày xưa, có nhiều chuyện ghê gớm xảy ra...
- Chuyện gì vậy bà ?
- Ban đêm, họ bắt cóc mấy bà goá.
- Thiệt hả bà ? Mà ai bắt cóc họ vậy ?
- Mấy tụi lưu manh...
- Mà tại sao chứ ?
- Để hiếp họ.
- "Hiếp" là gì bà ?
- À cái đó, tụi con không cần biết, tụi con... Ban đêm bà rất sợ, bà run...
- Bà ? Mà tại sao lại là bà ?
- Bởi vì họ ưa bắt cóc những cô xinh xắn.
- Nhưng bà là bà cô già mà ?
- Thời đó bà rất xinh. Bà phải bôi lọ lên cho thành xấu xí đi.
- Thiệt hả bà ?

Bà lại kể cùng câu chuyện này cho các cháu gái trong dịp khác. Mới đầu thì chúng còn hỏi tới hỏi lui vì tò mò. Nhưng rồi cứ nghe hoài một chuyện, thét chúng nản, cảm thấy bị bà dùng làm thánh giả bất đắc dĩ, chán ngắt, nên tìm cách tránh.

Bà Hàn than phiền là tụi con gái thời nay đũa nào cũng xảo trá vô dụng, rồi rút về phòng nằm dài. Phòng bà luôn luôn ngăn nắp. Bà thường trực tự lau chùi dẫu tìm ra người làm không khó khăn gì. Vì sống một mình, bà bị ám ảnh về mục vệ sinh ngăn nắp, cho chính bà và người chung quanh.

Toàn thị tộc họ Hàn kính trọng bà, niềm kính trọng lớn theo đối với những người có tuổi. Bà là người lớn tuổi nhất trong họ, lại nữa bà là con cháu của chi phái cả họ Hàn.

Tuy đã già nhưng tuổi tác không đánh dấu mấy trên mặt bà. Tầm vóc bề thế của bà làm người ta không chú ý mấy đến lời bà phàn nàn. Thời son trẻ chắc bà không có cái đẹp tẻ nhị và mong manh. Và thường như ở những người đàn bà không hề sinh nở, lưng bà không còng, mắt không xệp nếp, mũi và tai vẫn giữ được vẻ thanh tú. Vết nhăn trên mặt không sâu lắm và gân bàn tay hãy còn mềm mại.

Khi buồn chán, bà thường đi thăm cô em dâu họ xa ở làng dưới.

Cô "em dâu" này, bà Phúc, cũng goá nhưng không còn trinh. Hồi mười bảy tuổi bà đã có chồng, là em bà con của bà Hàn. Người chồng mới mười hai tuổi. Hai năm sau, ông chết vì bệnh dịch.

Người đàn bà goá sống với bố mẹ chồng trong gần hai mươi năm trời. Khi ông bố chồng trút hơi thở cuối cùng, bà cất một túp nhà tranh ở làng dưới để canh tác đất đai. Mặc dù trẻ hơn bà Hàn bốn năm tuổi, nhưng trông bà Phúc lại già hơn chị họ. Nếp nhăn hằn sâu trên khuôn mặt da màu đồng và tay gân guốc như đàn ông.

Khi bà Hàn ở nhà bà Phúc và bà này muốn cắt trái bí, bà Hàn cầm phụ một tay. Hay khi bà Phúc ngồi vào xa bắt đầu kéo sợi, bà

Hàn giúp quần chỉ vào trực. Và nếu bà Phúc mỗi muốn nằm nghỉ thì bà chị họ cũng nằm bên cạnh chốc lát. Bà Hàn chẳng bao giờ quên tự hỏi tại sao cô em dâu họ mặc dầu chỉ có một thân một mình, chẳng phải lo cho ai, lại có thể để căn phòng bừa bộn đến thế.

Một hôm bà Hàn ghé thăm bà Phúc, nằm lại chơi một lát, và dầu trời không lạnh, bà cũng bị cảm. Gia đình cho người đi hốt thuốc Tàu ở ông lang cách đấy hai cây số.

Khi một trong những người cháu vào phòng bà với ấm thuốc trên tay, bà nói bất ngờ :

- Khi thím chết, mày chôn thím trên núi của tổ tiên nhé !
- Sao thím nói gở vậy ? Uống hết thuốc này là thím khoẻ liền mà.

Anh ta trả lời mà trong đầu thì nghĩ đúng rồi, một người già cỡ đó thì cũng như cái đèn sẽ tắt khi hết dầu thôi. Vậy thì tốt hơn hết là nhân cơ hội thuận tiện này phải hỏi ý kiến bà để giải quyết vấn đề cho xong :

- Khi thím mất, nếu mai táng thím cùng trong mộ chú con, thím nghĩ sao ? Ai cũng cho là vị trí mộ phần chú rất lý tưởng.

Bà Hàn tức thì chữa cho thằng cháu cái nhìn nẩy lửa :

- Không bao giờ ! Tao biết đó là chồng tao, nhưng tao không muốn nằm cạnh ông ấy. Tại sao chết rồi tao lại đi gần một thằng đàn ông trong khi tao sống trinh tiết trong gần bảy chục năm trời ? Xương cốt ông hẳn đã mục rữa rồi, không còn dấu vết gì. Trời đất, mộ của một thằng đàn ông ! Khiếp quá ! Tao không bao giờ muốn nghe nói chuyện đó nữa, mày hiểu chưa ?



Mặt bà đỏ rực lên như mặt con gái, không chỉ vì cơn sốt. Rồi bất chợt giật nảy mình, bà la lên :

- Cút khỏi đây ngay ! Mà có cái gì hôi rình vậy ? Tụi đàn ông bây giờ giống nhau quá, đứa nào cũng thối ! À cái mùi này ! Thật chịu không nổi !...

Tay bà làm dấu đuổi anh ta ra, mũi bà nhăn lại. Và không đợi gì thêm, bà quay lưng.

Sau ba ngày, bà Hàn có thể rời khỏi giường bệnh.

Hôm đó là một ngày xuân êm ả. Bà đi thăm cô em dâu. Bà ăn bận ấm áp, khoác áo choàng. Đây là lần ra ngoài đầu tiên từ khi bị cảm.

Đốt lửa trong bếp và quét nền đất xong, bà Phúc đặt bà Hàn nằm chỗ ấm nhất trong phòng.

- Đạo sau này hình như chị bị bệnh hả ?

- Ừ, bệnh ba ngày. Liền sau lần cuối ghé đây.

- Thường thì chị mạnh khỏe mà...

- À không, cũng chẳng còn bao lâu nữa đâu.

- Để chị coi, chị còn thọ hơn em.

- Mà sống lâu như vậy làm chi ? Từ đây tới đó còn vui thú gì nữa ? Nếu chết thì tôi cũng không có gì tiếc rẻ cả...

- Dầu sao, cả đời chị chẳng bao giờ có gì lo âu đau buồn cả.

- Đúng vậy, cả đời tôi không biết xấu hổ là gì.

Bà Phúc tiếp tục xe sợi :

- Một bà goá, mất chồng khi còn trẻ mà sống như chị quả là ngoại lệ.

Bà Phúc ngừng tay chốc lát, vẽ mơ màng.

- Nhưng chị biết không, có một trường hợp khác xa của chị.

Bà vừa nói vừa hướng mắt về phía bà Hàn.

Đất dưới gối vừa được quét sạch. Vậy mà bà Hàn khám phá ra có ít bụi, bà thổi đi, có vẻ phật ý. Cái nhìn của bà lướt từ những trái bầu trái bí chất đống trong góc tới đống giẻ rách rải rác trên chỗ đất ít được sưởi ấm. Làm sao nó có thể để căn phòng trong tình trạng như vậy khi mà nó chỉ một mình ?

Bà Phúc ngần ngừ như thể kể câu chuyện này là không phải, nhưng rồi cũng thốt ra :

Trong đời này, có một bà goá khác... Bà đã kết hôn với một cậu con trai, thực tế chỉ là một thằng bé con. Cậu chồng bé con của cô còn đi học, học chữ Tàu cổ. Cậu viết chữ rất đẹp. Cô ta thích chữ viết của chồng hơn là chính anh chồng. Đối với cô, niềm vui duy nhất của cuộc hôn nhân là cất giữ cẩn thận những chữ viết của chồng.

Mùa hè sau ngày cưới hai năm, cơn dịch thương hàn làm chết nhiều người ở các làng trong vùng. Người chồng cũng không thoát khỏi. Cậu ta chết sau mười ngày bị sốt. Người vợ cố hết sức để cứu chồng : ngay cả chặt một ngón tay cho chồng uống máu tươi theo lời khuyên của các cụ. Nhưng mọi cố gắng đều vô ích. Cô mang

tang chồng trong ba năm. Thỉnh thoảng đem những chữ chồng viết ra vừa lặng lẽ ngấm nghĩa vừa chua xót nghĩ tới thân phận mình.

Bố mẹ chồng cô là điền chủ khá giàu. Để giúp họ, cô làm lưng cực nhọc, ở nhà cũng như ngoài đồng.

Một năm trời đại hạn, mọi người trong gia đình đều phải góp hết sức mình để ngày đêm tưới nước cho đám ruộng gần con suối cạnh làng.

Một bữa khuya, người goá phụ trẻ chợt thức giấc. Cô nghe có tiếng động, hình như có người mở cửa phòng. Cô nằm bất động, cảm lạnh trong bóng tối. Cô cảm nhận rất gần hơi thở khan khan đàn ông. Cô thử ngồi lên : một sức mạnh đè lên ngực cô, sức nặng của hai bàn tay trai tráng. Cô muốn la lên nhưng có cái gì làm cô ngừng ngay lại : đó là mùi nước bùn, đến từ thân thể một người vừa tắm sông. Người goá phụ trẻ cảm thấy không còn sức lực.

Không nghi ngờ gì nữa, đích thị là anh ta rồi ! Từ mùa xuân, nông trại bố mẹ chồng có thêm hai cánh tay giúp sức của một người bà con xa. Mồ côi từ nhỏ, anh ta đi đó đây khắp các vùng xa xôi rồi trở về cố quận. Dù sao nông trại cũng cần người, cậu em trai chồng không thể kham nổi mọi việc một mình. Vậy là họ thuê anh.

Anh có dáng dấp dong dỏng cao, mũi rõ nét. Tánh tình trầm mặc ít lời, không bao giờ dính vào những cuộc trò chuyện tầm phào. Người ta nói anh đã từng làm tá điền ở nông trại nào đó trong một thời gian, nhưng vì không hợp với chủ, anh đã bỏ ông ta giữa ruộng trong một ngày đẹp trời rồi ra đi không thềm nhận tiền, dù là lương của rất nhiều năm.

Thỉnh thoảng cô và anh tình cờ gặp nhau, ví dụ trong sân, cái nhìn của người goá phụ trẻ bắt gặp cái nhìn của người đàn ông. Một cái nhìn rần rỏ như chưa bao giờ cô có thể nhìn thấy trong mắt cậu chồng quá cố. Con tim goá phụ rộn ràng và mặt cô nóng bừng.

Mấy hôm nay người đàn ông rất bận bịu, cùng làm với ông bố chồng công việc dẫn thủy. Đêm đó cũng vậy, anh ta cũng phải lao dịch.

Dưới thân thể của người đàn ông có mùi nước bùn, cô ráng suy nghĩ... Nếu cô chết đi, mọi việc sẽ tự dàn xếp trong chốc lát.

Cô sẽ tự tử, ừ, cô muốn làm thế lắm. Trầm mình, hay treo cổ ? Tốt hơn hết là nuốt chất sút hóa học dùng để rửa chén.

Sáng hôm sau, vào kho chứa đồ, cô dỡ nắp đậy cái bình vẫn đựng sút ra. Nó trống rỗng. Cô trực nhớ là mẹ chồng đã cho bà hàng xóm mượn hôm qua hôm kia gì đó. Vậy là phải chờ tới lần họp chợ tới.

Đêm sau, cô khoá phòng mình bên trong. Dĩ nhiên là giấc ngủ không đến. Cô cố vểnh tai nghe từng tiếng động, không được. Và cô giật thót người khi những con chim đêm tới đậu trên mái trước.

Cuối cùng cô giải quyết bằng cách bỏ móc khoá cửa ra. Nếu vạn nhất người ta tới và cửa bị khoá thì tiếng động của cái móc sẽ làm ồn đến tận phòng bố mẹ chồng. Điều đó còn nguy hơn nữa !

Ngày đông chợ, bà hàng xóm trả lại chất sút đã mượn. Cô nấu hết chần màn trong nhà và giật mình nhận ra là không biết từ bao giờ, cô cứ mang tâm trạng chờ đêm xuống.

Khi nhựa xuân tràn trề trên các cây liễu gần con suối trước nhà, vòng eo của người goá trẻ tròn trịa trông thấy. Cô siết chặt thắt lưng thêm chút nữa.

Một hôm trong bóng đêm, người đàn ông thì thầm :

- Mình đi khỏi đây đi, đi lập nghiệp chỗ khác. Ở những tỉnh mà hợp tác xã lo việc dẫn thủy, đời sống dễ dãi hơn nhiều. Ở đây khi thì nước nhiều quá, khi lại không đủ.

Cô im lặng, vùi trong bóng tối. Nhưng trong thâm tâm cô đã lấy quyết định rồi. Điều gì tốt cho anh ấy cũng sẽ tốt cho cô, và cái xấu cũng vậy.

Họ chọn đêm cuối cùng của tháng, một đêm không trăng. Người đàn ông đi trước và chờ cô ở chân đê, phía ngoài làng. Cô chờ đến tiếng gà gáy lần thứ hai mới rón rén bước ra khỏi phòng.

Cô bước xuống bậc đá ngạch cửa. Rồi với những bước chân chó sói, trong sân, cô hướng về phía cổng. Nhưng thành linh cô khựng lại.

Giọng ông bố chồng trầm trầm và nghiêm khắc từ phòng chính vắng đến tận chỗ cô :

- Bà đừng xía vào. Tôi cũng đã nhận thấy ít lâu nay rồi.

Mẹ chồng đáp lại nhưng cô nghe không rõ. Giọng đàn ông nói tiếp :

- Dù gì đi nữa thì bà cũng im đi ! Nếu không tôi sẽ lấy rìu chẻ vỡ sọ nó ra. Cứ để mặc tôi làm !

Bỗng chốc người goá trẻ cảm thấy lương tâm thức dậy. Cô tự nhủ cô không có quyền bỏ đi tìm hạnh phúc cho riêng mình. Phải chờ tự bố chồng quyết định lấy. Phải không ?

Cô trở về phòng và cảm thấy chưa bao giờ lòng mình thanh thản đến thế. Anh ấy cứ đi đi. Ừ, trong tận cùng thâm tâm, cô hy vọng là chờ lâu quá, người đàn ông sẽ chán nản bỏ đi một mình.

Nhưng người đàn ông quay về trước khi trời sáng. Anh hỗn hển hỏi cô chuyện gì đã xảy ra. Anh tưởng là cô bị ông bố chồng giữ lại. Anh đặt xuống hòn đá to mà anh đã chuẩn bị để chống cự với ông, nếu cần. Vừa sung sướng vì anh trở lại, vừa kinh hoàng, cô khóc gập người, cố ghìm tiếng nấc.

Ngày hôm sau, lợi dụng lúc nghỉ tay, ông bố chồng dặn cô là từ nay thôi đừng ra giếng lấy nước nữa. Ông nói với giọng hết sức dịu dàng làm cô càng khiếp. Cô thích nghe cái câu mà cô đã tình cờ nghe được đêm trước hơn.

Đầu mùa hè, cô khai hoa nở nhụy. May quá vào nửa đêm, chỉ có vàng trắng lười liềm treo trên trời.

Cô sinh nở không khó khăn gì, trên lớp rơm, và tự mình cắt lấy cuống rốn.

Người đàn ông đi vào. Anh dang tay về phía đứa bé hầy còn dính đầy máu và cựa quậy tứ tung dưới ngọn đèn leo lét. Người goá phụ trẻ bất chợt đưa tay ngăn cản anh. Đứa bé này, nhất định phải vắt nó trong góc núi nào đó hoặc bên bờ suối. Họ đã đồng ý với nhau như thế rồi, mặc dầu chưa bao giờ thốt ra tiếng nào. Nhưng cô muốn giữ đứa bé sống, ít nhất cho tới khi bắt buộc phải bỏ rơi nó.

Người đàn ông bắt đầu bọc nó trong rơm, vẽ khó khăn. Cô bèn nảy ra một ý : cô mở tủ lấy ra một đồng giấy - những tờ giấy nháp của cậu chồng quá cố. Cô không tỏ vẻ tiếc rẻ gì, ngược lại còn cảm thấy biết ơn : may sao có giấy này để bọc đứa bé sơ sinh !

Người đàn ông ra khỏi phòng, đứa bé trên tay.

Người goá phụ trẻ nghe tiếng bước chân ở bậc cửa nhà. Ông bố chồng ! Trong chớp mắt, cô thấy lưới rù loé sáng. Chính cô phải nhận nhát rù đó. Vội vàng xô mạnh cửa, cô lao ra đứng chắn giữa ông bố chồng và người đàn ông.

Với vẻ tự tin tuyệt vời, ông bố chồng đưa cho anh cái thư :

- Tới địa chỉ này. Hình như là cháu tao vừa mới sinh mà đứa bé chết. Mà gửi đứa bé cho nó.

Giọng ông trầm tĩnh đáng nể, vậy mà tay cầm lá thư run bần bật dưới trăng.

Một ánh sáng sống động trong mắt người đàn ông. Cầm cái thư không nói lời nào, anh quay lưng bỏ đi.

- Còn mà, vào ngủ đi con.

Lát sau cô nghe tiếng bố chồng tự tay khâu lửa trong lò.

Đêm đó ếch kêu ồm ộp vang rền trong cánh đồng trước nhà không ngớt.

Một tháng sau ông bố chồng nói với cô là ở dưới đó đứa bé mạnh khỏe, không thiếu sữa.

Vào khoảng đũa bé đầy năm, ông báo tin với con dâu là nghe dâu bố thằng bé đã lấy nó lại cách đó mấy hôm. Đêm đó, một vàng trắng lười liềm lơ lửng trên trời và tiếng ếch vang rền suốt đêm trong đám ruộng trước nhà.

Hai mươi năm trôi qua. Bà mẹ chồng chết, rồi năm sau ông bố chồng chết theo. Một ngày trước khi trút hơi thở cuối cùng, ông gọi con dâu đến bên đầu giường :

- Bố đã phạm tội nặng với con. Hồi đó bố chỉ nghĩ tới việc cứu vãn danh dự gia đình. Tiếp theo là bố ân hận... Nên bố đã nhờ người dò la tin tức cha thằng bé khắp nơi. Nhưng bố tìm không ra... Con sẽ đau khổ suốt đời còn lại...

Ông cố giữ hai mi khép chặt nhưng vô ích, nước mắt trào ra.

- Không đâu mà, bố !

Cô nghĩ là chính cô đã làm khổ ông bố già ghê gớm. Cô cúi xuống vùi đầu vào cạnh sườn ông cụ.

Để cho ông cụ máu, cô chặt đứt ngón nhẫn bàn tay mặt : muốn bố lành bệnh, đáng lẽ cô đã phải hiến hết máu mình.

Sau cái chết của bố chồng, cô để căn nhà rộng rãi cho em chồng, cất một căn nhà tranh ở làng dưới và ở đó.

Hè năm ngoái, một hôm đã trễ lắm rồi, sau khi nhở hết mấy luống khoai cuối cùng, bà tính chuẩn bị bữa ăn tối thì nghe tiếng gọi của một người lạ mặt. Sau cánh cửa đan mắt cáo, trong bóng râm buổi tối, một người đàn ông đứng tuổi hỏi bà có thể cho anh ta qua đêm không. Vì căn nhà nằm ngay lối vào làng, thỉnh thoảng khách đi đường xin vào tá túc.



Ăn tối xong, người khách không quên khen món canh khoai. Anh đốt một điếu thuốc rồi hỏi thăm bà Phúc nào đó có sống trong làng này không. Bà goá phụ cảm thấy tim mình thót lên. Với bàn tay run rẩy, bà kêu thêm ngọn đèn. A cái mũi, cái sống mũi rõ nét này ! Không chủ ý, bà thổi tắt đèn đi.

Người khách tưởng là vì tuổi tác, tai bà cụ nghễnh ngãng không nghe nên hỏi lại là bà cụ Phúc có sống trong làng này không. Giọng bà run run :

- Bà ấy chết lâu rồi.

- Cháu cũng nghĩ vậy.

Anh thổi một hơi khói dài.

Bà goá thấy tiếc là đã tắt đèn nhưng lại không có can đảm thắp lại. Bà cũng thấy tiếc là đã trả lời như vậy. Bà có cảm tưởng mấy tiếng đó đã làm bà mất vĩnh viễn những gì quý báu nhất đối với bà. Nhưng lát sau bà lại nghĩ là thôi, như vậy tốt hơn. Kỷ niệm trong cơn hấp hối của bố chồng trở lại trong trí nhớ. "Bố đã phạm tội nặng với con. Hồi đó bố chỉ nghĩ cứu vãn danh dự gia đình. Con sẽ đau khổ suốt đời còn lại"... "Không đâu mà, bố !"

Bà goá bước ra ngoài. Trăng lười liềm sáng trên trời. Tiếng ếch ồm ộp vang rền vắng lên từ các thửa ruộng.

Người khách theo bà ra sân như thể anh ta cũng vậy, cũng không muốn ngủ. Anh ngồi bên cạnh bà goá rất lâu, không nói gì.

- Khi ngồi như vậy, kỷ niệm với cha cháu lại trở về. Cha cháu có thói quen ngồi trong sân những đêm mà ếch kêu rền như đêm nay,

tới nổi khuya cũng không biết. Cháu cũng vậy, cháu cũng có thói quen đó hồi nào không hay.

- Cha cậu mất từ bao giờ ?

- Hôm nay là bảy ngày rồi. Trước khi mất, cha cháu cho biết là cháu có một người mẹ. Trước giờ cháu cứ tưởng cháu mất mẹ từ nhỏ. Cha cháu nói tên làng mẹ cháu ở, và tên mẹ cháu. Khi cái lễ thứ ba làm xong, cháu chạy thẳng tới đây. Mà mẹ cháu lại không còn trên đời nữa... Còn bác, bác biết rõ mẹ cháu chứ ?

- Dĩ nhiên... tôi nghĩ..., bây giờ... trong làng này chắc còn tôi là người duy nhất biết bà cụ. Bốn chục năm rồi đấy ! Khi tôi nghĩ tới ngày đó... ngay cả hôm nay...

- ... Ngay cả hôm nay ?

Bà goá phải cố gắng lắm để tiếp :

- Bà ấy rất đáng yêu.

- Tìm ngôi mộ có khó không bác ?

Bà cụ gật đầu trong bóng đêm :

- Dĩ nhiên... Bốn chục năm rồi... Còn con cái, cậu có mấy con ?

- Cháu có ba trai hai gái. Thành con lớn đã bắt đầu làm việc năm nay, cháu nghĩ vậy là cha cháu cũng sắp được nghỉ ngơi chút đỉnh. Vậy mà cha cháu lại mất rồi. Cha cháu chỉ có cháu và tự giết mình bằng cách làm việc quần quật suốt đời.

Chỉ tới tảng sáng thì bà cụ mới ngủ được, một giấc ngủ đầy mộng mị. Mấy đứa cháu nội đông đúc như đàn ếch trong cánh đồng trước

nhà, chúng nhảy múa vui vẻ chung quanh bà và la hét thật to như đàn ếch. Bà nội thoát được khỏi chúng và đi trốn, mặc dù trong thâm tâm lại không muốn rời xa chúng chút nào. Bà khóc vì tủi lòng và hối tiếc.

Buổi sáng khi bà sửa soạn bữa điểm tâm thì người khách trọ quét sân. Bà nài nỉ anh đừng làm nhưng anh cứ tiếp tục. Anh bảo là đó là việc anh làm mỗi ngày ở nhà, và anh không thể ngồi yên chẳng làm gì.

Rồi anh hỏi bà có muốn anh bỏ khoai nằm ở góc sân vào bao không. Anh lau từng cái một, gỡ đất còn dính rồi bỏ vào bao, xếp vào kho thóc. Bà không thể không nhìn, từ cửa bếp, người đàn ông bản tính tự tin này !

Khi anh sắp từ giã, bà biếu anh hai trái bầu buộc vào nhau bằng một băng vải. Thoạt tiên anh từ chối : anh không thể nhận quà của người mà anh chưa cảm ơn đủ đã cho anh tá túc qua đêm. Nhưng vì bà cụ ép mãi, nói là mấy trái bầu tốt nhất hái từ năm ngoái phải ăn cho hết, anh đành nhận.

Lúc anh bước qua cánh cửa đan mắt cáo, bà gọi :

- À này !

Từ tối qua, bà muốn biết anh ta cư ngụ ở đâu. Nhưng khi anh ngừng bước và quay về phía bà, bà chỉ tiến tới gần và vuốt nhẹ lên lưng anh như phủi bụi. Rồi bà sửa lại ve áo khoác của anh.

Bắt chợt anh la lên và nắm lấy tay bà :

- Trời đất ! Cha cháu nói là mẹ cháu cũng có ngón nhẩn bàn tay trái bị cắt !

Bà cụ run rẩy toàn thân, lấy hết can đảm chìa cho anh xem bàn tay kia.

- Ô, bác hy sinh luôn cả ngón nhẫn bàn tay phải... Hai tay bác cho thấy là đời sống bác thật không dễ chút nào !

Anh tự nhủ là nếu mẹ mình còn sống, hẳn cụ giống hệt bà cụ này.

Người khách quay nhìn lại nhiều lần, ngay cả khi đã ra khỏi làng. Xa hơn, anh còn dừng trên khúc đường ngoằn ngoèo dẫn tới đèo, còn ngoái nhìn lại.

Bà goá không còn sức đứng vững nữa, phải tựa người vào hàng dậu...

- Chị à, vâng, còn có một bà goá trẻ khác, bà goá trẻ như vậy đó.

Hai bàn tay xe sợi - những bàn tay thiếu mất hai ngón - đơ ra một lát như bị đóng đinh.

Miệng hé mở, bà Hàn đã ngủ chỉ có trời mới biết tự lúc nào.

Dịch theo bản tiếng Pháp : **"Une veuve"**,

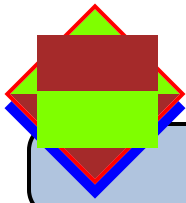
*của Choi Mi-Kyung và Jean-Noel Juttet*

*Paris, Janvier 1998 - Aout 2000*

### **HWANG Sun-Won (1915-2000)**

Viết truyện, tiểu luận và làm thơ. Cùng với vài ba tác giả khác, Hwang Sun-Won được xem là cha đẻ của nền văn học Hàn Quốc hiện đại, và là tác giả đương đại duy nhất được đưa vào chương trình giáo dục. Du học ở Nhật, ông làm quen với Anh ngữ và văn

học Tây Phương tại đại học Waseda ; cũng tại đây, ông bắt đầu viết những truyện ngắn đầu tay. Sinh trưởng ở miền Bắc, ông đã chọn sống ở miền Nam khi đất nước chia đôi. Là nhân chứng của lịch sử Hàn Quốc, từ thời Nhật thuộc, qua cuộc chiến tranh Nam Bắc, cho đến công cuộc kỹ nghệ hoá ngày nay, ông không tha thiết mấy với những vấn đề tư tưởng hay lịch sử, mà chỉ chú trọng đến cuộc sống của thường dân, theo ông có lẽ là nạn nhân hơn là tác nhân của lịch sử. Xuất thân là nông dân, tác phẩm của ông là trí nhớ của đời sống nông thôn, là tâm hồn của một Hàn Quốc muôn thuở đang trên đường lột xác. Tác phẩm của ông phần lớn đã được dịch sang Anh văn, một số ít sang tiếng Pháp ("*La Chienne de Moknomi*", "*Les Étoiles*", "*Le Vieux potier*", "*La Veuve*", "*L'Averse*", "*Ensemble*", "*Petite Ourse*", "*Le sacrifice du coq*"...). Ông vừa tạ thế tại Séoul đêm 14 rạng 15-9-2000.



O'Henry - (After twenty years).

## HAI MƯƠI NĂM SAU

**V**iên cảnh sát đi tuần ngược lên đại lộ một cách oai phong. Về oai phong cổ hủ chứ không cố tình lấy le vì chẳng mấy ai chứng kiến. Lúc đó chỉ mới khoảng mười giờ đêm, nhưng từng đợt gió lạnh và trời muốn mưa làm đường sá vắng hẵn người.

Viên cảnh sát kiểm tra từng nhà, quay tròn cây ma trắc bằng động tác rắc rối ngoạn mục, thỉnh thoảng anh quay lại nhìn dọc đại lộ dài yên tĩnh với cái nhìn đầy cảnh giác. Thân hình vạm vỡ vẻ đàng hoàng tự tin, viên cảnh sát là hình ảnh đẹp đẽ của người giữ an bình xã hội. Ở khu này mọi sinh hoạt ngừng rất sớm. Thẳng hoặc mới thấy ánh đèn tiệm thuốc lá hay một cái bar mở cửa suốt đêm, nhưng phần đông là tiệm tùng nên cửa đã đóng từ lâu rồi.

Khi đến giữa chừng một dãy nhà, viên cảnh sát bỗng dừng chậm bước. Ở lối vào tối thui tiệm bán đồ ngũ kim, một người đàn ông đang đứng tựa vào quầy, điều xì gà chưa đốt trên môi. Khi viên cảnh sát đến bên cạnh, người đàn ông nói vội vàng giọng chắc nịch :

- Mọi việc đều ổn cả, ông cảnh sát ạ. Tôi chỉ chờ người bạn. Đây là cái hẹn đã định trước từ hai mươi năm rồi. Ông thấy có vẻ lạ lùng phải không ? Vậy tôi giải thích cho ông nghe, nếu ông muốn chắc chắn là mọi việc đều bình thường, hợp pháp. Cũng gần khoảng hai mươi năm nay, trước kia có tiệm ăn tên " Big Joe Brady's "ngay chỗ tiệm đồ này đây.

- Tiệm ăn đó đã bị phá năm năm nay rồi. Viên cảnh sát xác nhận.

Người đàn ông đứng chỗ lối vào bật diêm châm thuốc. Ngọn lửa soi rõ khuôn mặt hơi xanh, quai hàm vuông, cặp mắt sắc bén với cái theo trắng nhỏ gần chân mày phải. Cái kẹp cà vạt nam cục kim cương to tướng hơi kỳ. Anh ta nói :

- Tối nay là hai mươi năm rồi, tôi đã ăn tối tại" Big Joe Brady's "ở đây với Jimmy Wells, bạn thân nhất của tôi, người tuyệt vời nhất thế giới. Cậu ấy và tôi cùng lớn lên ở đất Nữ Ớc này y như hai anh em. Lúc đó tôi mười tám và Jimmy hai mươi. Sáng hôm sau tôi phải đi miền Tây kiếm tiền. Ông không thể lôi Jimmy ra khỏi Nữ Ớc được đâu. Cậu ta cho Nữ Ớc là mảnh đất không đâu hơn trên đời. Rồi đêm đó chúng tôi giao ước là sẽ gặp lại hai mươi năm sau, đúng ngày giờ này, bất kể điều kiện sống như thế nào và bao nhiêu xa xôi cách trở phải vượt qua. Tin rằng trong hai mươi năm, số phận mỗi đứa đã được vạch rõ và của cải cũng đã có rồi, dù là gì chẳng nữa.

Viên cảnh sát nói :

- Thú vị nhỉ. Nhưng tôi thấy giữa hai cuộc gặp gỡ có hơi lâu. Anh không bao giờ nhận được tin tức gì của bạn từ khi ra đi sao ?

- Có chứ. Chúng tôi có liên lạc một thời gian. Nhưng vài năm sau bắt tin nhau. Ông coi, miền Tây là một áp-phe khá lớn nên tôi xuôi ngược khắp nơi như thổ công. Tôi biết Jimmy sẽ gặp tôi ở đây nếu cậu ta còn sống, bởi vì cậu luôn luôn là người chân thật và trung thành nhất thế gian. Cậu không quên đâu. Tôi vượt cả ngàn cây số để tới đây tối nay, và sẽ được đền bù nếu bạn tôi cũng tới.

Người đứng chờ rút trong túi ra cái đồng hồ khá đẹp, nắp cẩn hột xoàn. Anh ta nói :

- Mười giờ kém ba phút. Chúng tôi đã chia tay ở đây, trước cửa tiệm ăn lúc đúng mười giờ.

Viên cảnh sát hỏi :

- Anh thành công ở miền Tây lắm phải không ?.

- Còn phải nói ! Giá Jimmy làm được một nửa như tôi ! Cậu ta hơi chậm chạp nhưng là người rất tốt. Tôi đã phải vật lộn với mấy tên cáo già thứ dữ để lập gia tài. Ở Nữ Ớc con người đâm ra ù lì đi. Phải là miền Tây mới làm người ta sắc bén ra.

Viên cảnh sát quay tròn cây ma trắc bước đi vài bước :

- Tôi tiếp tục đi tuần nhé. Hy vọng là bạn anh sắp tới. Anh ta phải đến thật đúng giờ à ?

- Ô, không, tôi để dôi ra cho cậu ta ít nhất là nửa giờ chứ. Nếu Jimmy còn trên quả đất này thì cậu ta sẽ đến khoảng giờ đó. Xin chào ông cảnh sát.

- Chào anh.

Viên cảnh sát trả lời và tiếp tục cuộc tuần tiểu, kiểm tra từng cửa khi đi qua.

Trời đổ cơn mưa bụi thật lạnh và gió thổi từng cơn. Một ít người đi bộ còn trong khu này đang rảo bước, buồn rầu im lặng, cổ áo kéo cao, hai tay thọc sâu trong túi. Ở lối vào tiệm bán đồ ngũ kim, người đàn ông đã vượt cả ngàn cây số để giữ đúng một cái hẹn báp bênh



đến độ vô lý với người bạn thời niên thiếu, đang hút xì gà và chờ đợi.

Anh ta đợi khoảng hai mươi phút thì một người đàn ông cao lớn mặc áo khoác dài, cổ áo dựng đứng tận tai, từ đầu đường kia vội vã tiến tới. Anh ta đến thẳng chỗ người đứng chờ và hơi ngập ngừng hỏi :

- Cậu đây hả, Bob ?

Người đàn ông đứng chờ ở lối vào la lên :

- Cậu đây hả, Jimmy Wells ?

Người mới tới vừa reo vừa cầm hai tay bạn trong tay mình :

- Trời ơi ! Đích thị là Bob, đúng như hai với hai là bốn. Tớ chắc chắn là sẽ gặp cậu ở đây nếu cậu còn sống trên đời. Hừm, ừ, hai mươi năm quả là dài. Cái quán ăn cũ đã biến mất rồi Bob à. Tớ muốn nó còn đó, như vậy tại mình lại có thể ăn tối với nhau. Miền Tây đái ngộ cậu ra sao, hử ông bạn già ?

- Tuyệt. Nó cho tớ tất cả những gì tớ muốn. Cậu thay đổi nhiều đấy, Jimmy. Tớ không bao giờ nghĩ là cậu cao như vậy, ít nhất cũng cao hơn cả ngón tay.

- Ờ, sau hai mươi tuổi tớ có cao thêm chút đỉnh.

- Ở Nữu Ước có thành công không, Jimmy ?

- Tạm tạm thôi. Tớ có việc làm ở một trong các bộ của thành phố. Đi, Bob, tại mình tới một chỗ tớ biết để nói nhiều về thời gian qua cho yên tĩnh.

Tay trong tay, hai người đi ngược lên phố. Người tới từ miền Tây, mà tánh tự cao được phóng đại bằng thành công, bắt đầu kể những nét chính về lịch sử nghề nghiệp mình. Người kia thì chìm kín trong áo khoác, chăm chú lắng nghe.

Ở góc đường có tiệm thuốc tây sáng rực ánh đèn. Khi họ tới dưới ánh sáng chói chang ấy, hai người cùng lúc quay lại chăm chăm nhìn mặt nhau.

Người đến từ miền Tây bỗng dừng lại nói tay ra. Anh ta nói khô khan :

- Anh không phải là Jimmy Wells. Hai mươi năm quả thực là lâu, nhưng không đủ lâu để biến cái mũi khoằm thành mũi tẹt được.

Người cao lớn trả lời :

- Đôi khi thời gian ấy đủ để thay đổi một người chân thực thành kẻ bất lương. Anh đang trong tình trạng bị bắt từ mười phút rồi," công tử "Bob ạ. Chicago nghĩ là anh sẽ đi một vòng gần chỗ chúng tôi nên điện cho biết là họ muốn tán gẫu với anh một chút. Anh bình tĩnh nghe đấy chứ ? Như vậy là hợp lý. Giờ thì, trước khi đến bót, anh hãy đọc cái giấy người ta nhờ tôi trao tận tay anh cái đã. Anh có thể đọc trước cửa kiếng này. Cửa cảnh sát viên Wells gửi cho anh đấy.

Người đến từ miền Tây mở miếng giấy nhỏ người kia vừa đưa. Tay anh ta bất động khi bắt đầu đọc, nhưng khi đọc xong thì nó run lên. Mảnh giấy có vẻ ngắn gọn :

" Bob, tớ đã đến chỗ hẹn đúng giờ. Khi cậu bật diêm châm xì gà thì tớ thấy đó là khuôn mặt mà Chicago đang tìm. Không biết sao tớ

không thể tự mình làm công việc ấy, nên đã tìm một cảnh sát viên mặc thường phục đến để thi hành. Jimmy".

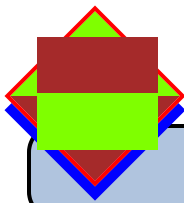
## MIÈNG

*Paris, Mars 1995*

### **O'HENRY (1862-1910)**

Tên thật là William Sydney Porter. O'Henry sinh ở Greensboro (North Carolina), và nổi tiếng nhờ truyện ngắn. Rời ghế nhà trường từ tuổi 15, ông đã làm đủ thứ nghề và học nhiều ngoại ngữ để kiếm sống. Năm 1896, bị nghi ngờ ăn cắp tiền của một nhà băng nơi ông làm việc ở Austin, ông trốn sang Honduras và chỉ trở về khoảng 2 năm sau, khi nghe tin vợ đau nặng. Ông bị kết án 5 năm tù tại nhà lao Columbus (Ohio), song chỉ ở đấy 3 năm 3 tháng nhờ hạnh kiểm tốt. Điều lý thú là chính trong nhà lao mà ông bắt đầu viết truyện ngắn với nhiều bút hiệu. Ra tù, ông định cư tại New York từ năm 1902, và tiếp tục viết. Năm 1903, tờ *"World"* ở New York thuê ông viết mỗi tuần một truyện, đăng ngày Chúa Nhật. Ông nổi tiếng nhờ các truyện ngắn này và xuất bản được tất cả là 10 tuyển tập, từ 1904 cho tới 1910, năm ông mất tại New York. Những quyển nổi tiếng nhất in dưới dạng sách bỏ túi (London, Minster Classics) là : *"Cabbages and Kings"*, *"The Four Millions"*, *"The Voice of the City"*, *"Strictly Business"*, *"Six and Sevens"*, *"Waifs and Strays"*, *"The Ransom of Red Chief"*... Khung cảnh khi thì cuộc đời thô thiển và giản dị của miền Tây và Nam Hoa Kỳ, khi thì cuộc đời trong những thành phố lớn, nhất là New York. Nhân vật thường là những tên vô lại, không đạo đức, được diễn tả một cách sống động, tự nhiên. Đoạn cuối của câu chuyện thường được kết cấu một cách khéo léo, luôn luôn bất ngờ như trong truyện *"After twenty years"*, rút ra từ *"O'Henry Stories"* (London, Minster Classics). Từ 1918, bút hiệu của

ông được dùng cho một giải thưởng tiếng tăm - giải O'Henry - để trao tặng cho truyện ngắn nào được xem là hay nhất trong năm ở Hoa Kỳ.



Jim Phelan - (Curtain).

## BỨC MÀN

"Nhà tù Fenfield, bên phải". Chiếc xe ca chạy chậm lại và du khách dán mắt vào cảnh tượng quái dị : giữa phong cảnh xanh tươi dễ chịu của đồng quê, một toà nhà khổng lồ bằng gạch đỏ sừng sững đứng chen mấy dãy nhà nhỏ san sát nhau càng làm nó tăng thêm vẻ bao la.

"Tù khổ sai, bên trái". Hướng dẫn viên du lịch biết rõ việc mình làm, biết đúng chỗ nào có gì đáng xem trên con đường anh ta đi qua mỗi ngày. Khoảng hai chục cái đầu quay từ nhà tù sang tù nhân, đúng y như những du khách khác đã làm trong các cuộc hành trình khác. Họ há mồm ra nhìn với vẻ ngỡ ngàng, nhú mày hay rùng mình quay mặt đi tùy tính khí mỗi người, trong khi chiếc xe ca từ từ lăn bánh xuống đồi.

Vài trăm người đang làm việc rải rác trên đồng và đường làng. Trang bị bằng cày, cuốc, rìu và bay thợ nề, người của nhà lao đang bù đầu với công việc khổ sai của họ. Chỗ này một nhóm người kéo cây đã đổ, chỗ kia một nhóm khác đang cố kéo cái xe mà chính họ bị móc vào đấy. Nhiều nhóm khác, mỗi nhóm có một người bận đồ xanh trông chừng, đang xây một bức tường sắp xong. Gần đó một đứa con nít chơi đùa và một cô gái đứng bên đường cái, nhìn du khách đi qua.

Thỉnh thoảng một du khách bình phẩm rằng Fenfield đã đổi khác. Họ luôn luôn chờ thấy một bức tường, một bức tường cao khép kín

cái im lặng và điều bí ẩn bên trong nhà lao. Các hướng dẫn viên biết rõ điều ấy, nên luôn luôn giới thiệu nhà tù trước, rồi sau mới cho du khách cái cảm giác rờn rợn với câu "Tù khổ sai, bên trái". Thông thường du khách bị xúc động mạnh khi nhìn thấy tù nhân lác đác khắp nơi - phía bên ngoài bức tường kinh dị đó.

Xe ca vừa chạy nhanh vừa rít lên và du khách hướng cái nhìn về chỗ khác. Tù nhân các nhóm làm việc hơi ngẩng đầu lên. Máy cái trò đó đã quen thuộc quá rồi. Mỗi ngày, nhiều xe ca chạy qua với cùng một thứ khẩu hiệu "Nhà tù Fenfield, bên phải. Tù khổ sai, bên trái". Mỗi ngày, du khách dán cái nhìn vào tù nhân đang làm việc trên đồng, nhìn vào những người cai tù, nhìn vào bức tường chưa hoàn thành.

Bức tường bao một vòng thô ráp chung quanh nhà lao. Có lẽ dài khoảng một dặm. Hàng trăm năm nay, nơi đó vẫn mở ngõ cho mọi người. Tù khổ sai làm việc trên đồng cỏ hay trên đường, trong khi cư dân quanh vùng chăm lo công việc của mình, không ai để ý ai. Rồi từ mấy năm nay, bức tường được bắt đầu xây lên. Chậm chạp trong cái vòng tròn bất thường, nó bò dài ra tới các đầu ranh giới của nhà lao. Cuối cùng, bây giờ nó hầu như gặp lại điểm khởi đầu. Cái vòng tròn gần như toàn vẹn.

"Fenfield... bên mặt... Tù khổ sai... bên trái". Cô gái đứng gần đường cái quay bỏ đi khi một chiếc xe ca khác đang chậm chậm xuống dốc. Cô đi ngang qua trước nhóm người đang làm việc chỗ bức tường và tiến về phía một căn nhà lớn nằm cạnh cửa nhà lao. Nhóm người lo việc xây cất không để ý gì đến cô, có lẽ cô là người qua lại thường xuyên. Cô gái có vẻ người giúp việc, mang giỏ thức ăn và tờ báo ; cả cô cũng vậy, cô cũng có vẻ quen thuộc với khung cảnh này lắm rồi.

Khi đi qua lỗ hồng bức tường, cô chậm bước. Viên cai tù quay lại nói chuyện với tù nhân. Một gói nhỏ từ tay cô gái rớt ra trên đồng đá. Rồi cô quay trở lại lối đi dẫn về nhà.

Lỗ hồng trên tường nhỏ, rộng khoảng hơn hai mươi bộ, hai mươi bộ cuối cùng của một dặm. Một con đường nhỏ băng qua đó, dùng cho cả cư dân quanh vùng và tù nhân. Sắp tới, khi bức tường hoàn thành, cư dân sẽ phải tìm một lối đi khác và sẽ không thấy tù nhân xuất hiện nữa. Nhưng hiện tại con đường cũ vẫn còn đó, điểm tiếp xúc cuối cùng giữa hai thế giới - tù tội và tự do.

Khoảng hai mươi người làm việc trong nhóm xây cất, đang nâng từng tảng đá to, trộn vữa, đẩy xe cút kít. Xa hơn, một người làm việc một mình với cái bay và cái bàn xoa. Chàng thanh niên có lẽ vào khoảng hai mươi bảy tuổi, cao lớn, tóc hoe vàng, mang nẹp xanh trên tay áo và con số thêu xanh trên mũ cát kết. Khi cô người làm đi ngang qua, anh không ngẩng đầu lên. Nhưng khi cô vừa đi khỏi, anh đặt cái bay xuống và băng qua lỗ hồng của tường.

Viên cai tù không để ý gì. Ngay cả cư dân vùng đó cũng thừa biết là một người "mang nẹp xanh" có thể di chuyển đó đây không hề bị theo dõi. Người tù khổ sai nâng vài tảng đá trong đồng đá bỏ lên xe cút kít rồi đẩy đi qua lỗ tường. Sau mấy phút anh lại trát vữa với vẻ chuyên cần, nhưng bàn tay cầm cái bay có dấu một gói con con. Lén lút, nghe ngóng như một con chim hoảng sợ, anh chọn lúc người cai và các tù nhân khác đang bận bịu, nhét nhanh cái gói nhỏ vào dây nịt.

Vài phút sau, cô gái ra khỏi lối đi và bước chầm chậm xuống đường. Cô ngần ngừ một giây rất ngắn gần đồng đá, lấy lại tờ báo rơi dưới đất rồi rảo chân rời xa sau khi liếc một cái tới "anh chàng mang nẹp xanh".

Trên băng đá gần lối đi công cộng, trong khi những du khách đi ngang qua, cô đọc mảnh giấy mà anh đã thả rơi trên đồng đá, anh viết : "Maeve yêu quý, vì Chúa, xin em đừng lo lắng quá như vậy. Ngay cho dù anh có bị ở đây suốt đời chẳng nữa thì mình vẫn còn có thể gặp nhau kia mà. Em yêu, khi thành hôn, mình không hề nghĩ rằng chưa đầy một năm sau anh lại bị tù. Tuy vậy sáu năm nay anh cảm thấy gần như sung sướng ở đây, nhờ vào tình yêu và lòng can đảm của em. Sẽ có, sẽ phải có cách nào đó để mình gặp nhau".

Cô gái làm một cử chỉ sốt ruột rồi vẫn ngồi, với cái nhìn trống vắng, đầu óc cô chú mục nghĩ tới câu chuyện đã xảy ra. Sáu năm trước, đang ở tột đỉnh hạnh phúc thì tai họa giáng xuống đầu họ. Buổi tối liên hoan ai cũng uống nhiều, rồi cãi cọ, một tiếng súng nổ và cuộc điều tra tiến hành. Vụ kiện xử qua loa và được án giảm khinh nhờ lòng khoan hồng. Rồi những năm tinh thần bị dằn vặt với giải pháp tuyệt vọng là đi làm con sen cho người ta để được gần anh.

Họ rất cẩn trọng. Không bao giờ, chưa một lần nào dám liều lĩnh. Một mẩu giấy vứt xuống đất hay một lời nói nhanh ; đôi khi nếu tình hình thuận lợi, họ trao nhau vội vã một cái hôn nồng nàn. Chỉ thế thôi. Tuy nhiên như anh đã nói, là anh hầu như hoàn toàn sung sướng. Nhưng bây giờ - cô làm một cử chỉ nhỏ lần nữa rồi chụp vội mảnh giấy trên đùi, với vẻ bút rút.

Trở lại gần bức tường mọc cao dần lên, người tù mang nẹp xanh quỳ trong một góc vắng để đọc mảnh giấy anh vừa nhặt khi nãy. Maeve viết : "Jack, anh phải nghe em. Đây là cơ hội cuối cùng của anh. Anh không có gì để mất cả, bởi nếu anh bỏ qua dịp này, chúng ta sẽ xa nhau vĩnh viễn. Nếu anh nắm lấy cơ hội và thất bại thì điều tệ nhất có thể xảy ra là sự xa cách thôi. Chiều nay, trước khi mọi



người đi về thì anh đến nhé. Thật là tuyệt vọng, em biết, nhưng chúng ta cũng đang tuyệt vọng lắm rồi".

Người tù khổ sai nhìn quanh một cách lén lút với vẻ gì còn nặng nề hơn là nỗi lo âu trong mắt anh. Anh loáy hoáy viết vội vã trên mảnh giấy còn giữa chừng, rồi ngừng lại, thở dài rít lên và bắt đầu viết tiếp. Còn đủ thời gian vừa đúng cho một lần chuyển đá nửa trước khi các nhóm làm việc đi ăn trưa. Mấy phút sau, tù khổ sai về từ các cánh đồng và bãi đường, nối tiếp nhau vượt qua lối đi của bức tường ; người ta nghe một tiếng gầm nặng nề, tiếng xì xào nổi lên trong nhà lao lớn rồi sự im lặng của buổi trưa rơi xuống Fenfield.

Trong sự yên tĩnh của bữa ăn trưa, Maeve nhặt mảnh giấy thứ hai không khó khăn gì, trước khi nhanh chân trở về với những bận rộn thường ngày trong căn nhà bên cạnh. Nhiều lần trong suốt buổi chiều, những khi nghỉ chốc lát giữa các việc làm, cô cố kìm chế tiếng nước nở khi đọc lại mảnh giấy cuối cùng. Anh viết : "Maeve yêu quý, anh tin chắc là em có lý. Nhưng không cần gì phải vội em ạ. Gượng đã, Maeve ạ, hãy gượng đã. Vẫn còn ngày mai, hay một ngày nào đó, trước khi bức tường hoàn thành. Liều lĩnh hấp tấp có khi là điên rồ. Ngày mai - hay ngày kia - nói với các anh ấy hãy sẵn sàng. J."

Chiều xuống, khi xong mọi việc, Maeve trở lại chỗ lỗ hổng nơi con đường băng qua. Cô nhìn thẳng phía trước, không hề liếc về phía các tù nhân đang làm việc. Rồi, thành linh, cô dừng lại, nhìn sững, kinh hãi.

Phía bên trong lỗ hổng có rất đông người đang làm việc. Tất cả nhân sự tù khổ sai của Fenfield đều ở đó, một đám đông khổng lồ đang ở gần lỗ hổng. Không một người bạn đồ xám nào có mặt trên

đồng hay trên đường. Mọi người đều ở bên trong và bức tường mọc lên rất nhanh. Lỗ hồng khép lại.

Jack ở đó. Cô thấy anh bên kia thành lũy đang mọc dần lên trong khi anh đang làm việc giữa đám đông. Nơi lỗ hồng đã cao lên khoảng bốn bộ rồi, một bức tường dựng lên trước mắt cô. Số người làm việc đông hơn trước gấp năm lần và những tảng đá được đưa lên như có phép lạ.

Maeve nhìn chồng, đưa tay lên giữa chừng rồi buông thõng xuống. Cô kêu lên cục cục ngớ ngẩn vô nghĩa, trong khi chính anh đẩy tảng đá cuối cùng vào chỗ. Hàng cuối cùng trải dài ra hết sức nhanh đến khi chỉ còn một khoảng trống nhỏ, chỉ một ô vuông vừa đủ lòng khuôn mặt anh trong chốc lát. Anh nhìn không nói gì, nhưng đôi mắt như bật lên một tiếng kêu thảng thốt. Rồi tảng đá bịt kín khoảng trống cuối cùng và Maeve im sững, chết lặng trước bức tường khổng lồ khép kín muôn đời sự im vắng và bí ẩn bên trong.

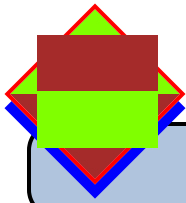
## MIÈNG

*Paris, Aout 1995*

### **PHELAN, Jim (1895-1960)**

Viết truyện và tự truyện. Sinh trong một gia đình nghèo ở Dublin, Jim Phelan lần lượt làm diễn viên, thợ rèn, nhân viên nhà băng, ký giả... Ông sống cuộc đời lang thang, đôi khi phải vào tù. Từ kinh nghiệm sống này ông đã viết *"Letters from the Big House"* (London, Cresset, 1943) một tuyển tập truyện ngắn miêu tả thế giới lao tù với một cái nhìn sắc bén của thảm cảnh đôi khi xen lẫn khôi hài đen, như trong truyện *"The Curtain"* ở đây. Jim Phelan cũng viết *"Bog Blossom Stories"* (London, Sidgwick & Jackson, 1948), nhiều tiểu

thuyết, và một quyển tự truyện "*The Name's Phelan*" (London, Sidgwick & Jackson, 1948).



Milan Kundera- (Bohême, giữa 1959 và 1968).

## EDOUARD VÀ THƯỢNG ĐẾ

1

**C**húng ta hãy bắt đầu câu chuyện của Edouard trong căn nhà nhỏ của người anh cả, ở làng. Người anh nằm dài trên đi văng nói với Edouard :

- Mà có thể đi gặp mẹ đó chẳng có gì sợ cả. Chắc chắn mẹ là một con đàn bà khốn nạn, nhưng tao tin là ngay cả với hạng người đó, họ cũng có ý thức. Chính vì hồi xưa con mẹ chơi đùa tao một cú mà bây giờ chắc mẹ sẽ vui lòng giúp mẹ để chuộc lại lỗi lầm.

Anh của Edouard vẫn không thay đổi : một người tốt và lười. Ngày Staline chết (lâu lắm rồi, thời Edouard chỉ là một đứa bé), có lẽ anh cũng đã đi tới đi lui, rồi nằm ườn gà gật trên đi văng như vậy trong căn phòng sinh viên sát mái. Ngày hôm sau, anh tới trường không hay biết gì, và chợt thấy Cechackowa, cô bạn cùng lớp, đứng giữa đại sảnh trong dáng bất động trắng lệt tựa bức tượng đau khổ, anh đi quanh cô ta ba vòng rồi phá lên cười. Bị xúc phạm, cô ta cho đấy là một sự khiêu khích chính trị và anh của Edouard phải bỏ học, về làng làm việc. Bây giờ ở đây anh có căn nhà, con chó, vợ, hai con và ngay cả nhà nghỉ mát cuối tuần.

Và lúc này anh đang duỗi dài trên đi văng trong căn nhà làng, giải thích cho Edouard :

- Người ta mệnh danh con mẹ là cánh tay trả thù của giai cấp công nhân. Nhưng đừng lấy đó làm ngại. Bây giờ con mẹ là người chín chắn, và luôn luôn yếu đuối với bọn trẻ. Chính vì vậy mà mẹ sẽ giúp mày.

Đạo đó Edouard còn rất trẻ. Cậu vừa xong đại học (ngay nơi người anh bị trục xuất) và đang tìm việc. Theo lời khuyên của anh, sáng hôm sau cậu đến gõ cửa văn phòng bà giám đốc. Cậu gặp một bà cao lớn xương xẩu, tóc đen nhờn, mắt đen, với hàng lông tơ cũng đen dưới mũi. Vẻ xẩu xí này giúp cậu tránh được cái khớp thường có khi đối diện với sắc đẹp phụ nữ, đến nỗi cậu nói chuyện với bà dễ dàng không bối rối, với tất cả dịu dàng lịch lãm. Giọng điệu này rõ ràng làm bà giám đốc hài lòng, và bà xác nhận nhiều lần với vẻ kích động trông thấy :

- Ở đây chúng tôi cần những người trẻ.

Và bà hứa sẽ yểm trợ đơn dự tuyển của cậu.

## 2

Edouard thành giáo viên trong một tỉnh nhỏ ở Bohême như vậy. Anh không khổ cũng chẳng sướng. Anh thường cố phân biệt cái nghiêm trọng và cái không nghiêm trọng, và xếp nghề dạy của mình vào loại không nghiêm trọng. Không phải vì nghề dạy tự nó thiếu tầm quan trọng (vả lại anh gắn bó với nó chỉ vì không kiếm sống bằng cách nào khác được), mà vì anh cho nó là tầm phào so với con người thực của mình. Anh không chọn nó. Nhu cầu xã hội, lời khen thành phần cán bộ, giấy chứng nhận trường trung học, rồi kết quả các cuộc thi tuyển đã áp đặt nó lên anh. Sự liên hợp những sức mạnh này đã thấy anh từ cửa trung học vào cửa đại học (như cần trục thấy cái bao lên xe cam nhông). Anh miễn cưỡng ghi danh (sự

thất bại của ông anh là điểm xấu), nhưng cuối cùng anh cam chịu. Dù vậy, anh hiểu rằng nghề nghiệp là một trong những cái ngẫu nhiên của đời mình - nó dính vào da anh như bộ râu mép giả buồn cười.

Nhưng nếu việc bắt buộc là điều không nghiêm trọng (buồn cười), thì cái nghiêm trọng có khi lại là chuyện tình cò : ở chỗ trọ mới, Edouard gặp một cô gái anh cho là đẹp và bắt đầu dành hết thời giờ cho cô với sự nghiêm chỉnh gần như chân thật. Cô tên Alice và, như anh phải tự xác nhận ngay từ buổi hẹn hò đầu tiên với nỗi buồn vô hạn : cô là người rất dè dặt và đức hạnh.

Trong những lúc đi dạo chiều tối, nhiều lần anh thử ôm vai cô rồi vuốt nhẹ bìa ngực phải từ phía sau, mỗi lần cô đều chộp tay anh đẩy ra. Một tối anh thử lại trò này lần nữa, và khi vừa (một lần nữa) đẩy tay anh ra, cô bất chợt dừng lại, hỏi :

- Anh có tin vào Thượng đế không ?

Đôi tai tế nhị của Edouard thoáng thấy sự nắn nì kín đáo trong câu hỏi, và anh quên khuấy bộ ngực.

- Anh có tin vào Thượng đế không ?

Alice hỏi lại và Edouard không dám trả lời.

Chúng ta đừng trách anh không cam đảm trả lời thẳng thắn. Anh cảm thấy quá lạc lõng trong thành phố mới này và quá thích Alice, nên không thể liều lĩnh làm mất cảm tình của cô chỉ vì một câu trả lời cộc lốc đơn giản.

- Còn em ? Anh hỏi để câu giờ.

- Tin chứ.

Alice đáp và lại nài anh trả lời.

Cho tới bây giờ, chưa lúc nào ý nghĩ tin vào Thượng đế nảy ra trong đầu Edouard. Nhưng anh hiểu là không nên thú nhận điều đó, mà trái lại, phải chụp lấy cơ hội này và biến đức tin thành con ngựa gỗ thật đẹp, rồi ẩn mình vào bụng nó như trong diễn tích, để sau đó kín đáo trượt nhẹ vô tim cô gái. Có điều anh không thể nói với Alice một cách giản dị, ừ, anh tin vào Thượng đế ; anh không phải là người trâng tráo và rất xấu hổ nếu phải nói dối ; anh ghê tởm tính đơn giản thô bỉ của sự nói dối. Nếu nói dối là cần thiết, ít nhất anh cũng muốn giữ lại cái gì giống sự thực nhất. Nên anh trả lời bằng giọng hết sức tự lự :

- Anh cũng không biết phải trả lời em sao về câu hỏi này, Alice à. Dĩ nhiên anh tin vào Thượng đế, nhưng... Anh ngập ngừng và Alice nhướng mắt ngạc nhiên nhìn - Nhưng anh muốn hoàn toàn thẳng thắn với em. Anh có thể hoàn toàn thẳng thắn với em không ?

- Phải vậy chứ. Nếu không chúng ta chẳng có gì chung với nhau cả.

- Thật sao ?

- Thật.

- Thỉnh thoảng anh có vài nghi hoặc. Edouard nói giọng ghen ngào. Có khi anh tự hỏi không biết Thượng đế có thực sự hiện hữu không ?

- Làm sao anh có thể nghi ngờ điều đó ?

Alice nói gần như la lên.

Edouard nín thinh và sau một lúc suy nghĩ, viện dẫn luận cứ muôn đời :

- Khi anh nhìn thấy bao nhiêu đau khổ chung quanh, anh thường tự hỏi có thể nào Thượng đế hiện hữu mà lại cho phép như vậy.

Anh nói với giọng buồn tới nỗi Alice phải cầm tay anh :

- Vâng, đúng thế, đời nhiều đau khổ quá. Em biết lắm chứ. Nhưng chính vì vậy mà càng phải tin vào Thượng đế. Không có Người, tất cả những đau khổ này sẽ là vô ích. Sẽ chẳng có gì có nghĩa cả. Và như vậy thì em cũng không sống nổi nữa.

- Chắc em có lý.

Edouard nói với vẻ trầm ngâm và tháp tùng cô đi nhà thờ chúa nhật sau đó. Anh nhúng tay vào bồn nước phép, làm dấu thánh giá. Tiếp theo là phần làm lễ và thiên hạ hát. Anh cùng hát với họ bài thánh ca mà anh chỉ mơ hồ nhớ giai điệu chứ không nhớ lời. Cho nên anh quyết định thay lời bằng những nguyên âm khác nhau, và hát mỗi nốt chậm hơn một chút xíu, vì thực anh cũng chẳng biết rõ giai điệu lắm. Vậy mà khi nhận thấy mình hát đúng, anh cao hứng để giọng vang lên, bởi lần đầu tiên trong đời, anh khám phá mình có giọng trầm rất ấm. Rồi thiên hạ đọc kinh " Lạy Cha "có mấy bà cụ quỳ xuống. Không cưỡng được cám dỗ, anh cũng quỳ lên mấy tấm đá lát. Anh làm dấu thánh với cử chỉ thái quá, và khi làm điều này, anh nghiệm thấy cảm giác tuyệt vời với ý nghĩ mình có thể làm điều chưa bao giờ làm trong đời, điều anh không thể làm ở trường, không thể làm ngoài đường phố, không làm được bất cứ ở đâu. Anh cảm thấy tự do kỳ diệu.



Khi mọi việc xong xuôi, Alice nhìn anh với ánh mắt nồng nhiệt hỏi :

- Anh còn có thể nói là anh nghi ngờ sự hiện hữu của Thượng đế không ?

- Không.

Edouard đáp, và Alice bảo :

- Em muốn dạy anh yêu kính Người như em yêu kính Người vậy.

Họ dừng lại trên sân thánh đường và tâm hồn anh đầy tiếng cười. Khổ cho anh, đúng lúc ấy bà giám đốc đi ngang qua gần đấy trông thấy hai người.

### 3

Thật là phiền. Thực ra tôi phải nhắc lại (cho ai không nhớ lịch sử) là trong thời gian đó, lui tới nhà thờ không bị cấm nhưng cũng đâu phải không nguy hiểm.

Điều này chẳng có gì khó hiểu cả. Những người đã đấu tranh cho cái họ gọi là cách mạng thì giữ về nó một niềm kiêu hãnh lớn : niềm kiêu hãnh đã đứng bên phía chính nghĩa của chiến tuyến. Mười hay mười hai năm sau (câu chuyện của chúng ta xảy ra vào thời điểm ấy), chiến tuyến bắt đầu biến mất cùng với phe chính nghĩa và phe tà ngụy của nó. Nên chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi người đã theo cách mạng cảm thấy ám ức sốt ruột tìm kiếm chiến tuyến thay thế. Nhờ tôn giáo, họ lại có thể một lần nữa đứng về phía chính nghĩa (trong vai trò kẻ vô thần chống lại người có đức tin), và giữ nguyên vẹn sự cường điệu quen thuộc quý báu về tính ưu việt của mình.

Nhưng thật tình mà nói, cái chiến tuyến thay thế này cũng là món hời cho người khác, trong diện đó có Alice - tiết lộ điều này bây giờ có lẽ cũng không quá sớm ! Cũng như bà giám đốc muốn đứng về phía chính nghĩa, Alice muốn ở vào phía đối lập. Cửa hàng của bà cô đã bị quốc hữu hoá trong những ngày gọi là cách mạng, và Alice ghét những kẻ đã chơi bà cô vố đó. Nhưng làm sao cô có thể bày tỏ lòng thù hận của mình ? Phải vác dao đi trả thù cho cha à ? Đây không phải là phong cách Bohême. Alice có phương thức hay hơn để diễn tả sự chống đối của mình : cô đầu tư lòng tin vào Thượng đế.

Thượng đế tốt lành đã đến cứu rồi cả hai phía, và nhờ Người mà Edouard bị kẹt giữa hai lần đạn.

Sáng thứ hai, khi bà giám đốc tới tìm Edouard trong phòng giáo sư, anh cảm thấy hết sức bất an. Vì chừng anh đã không gọi được bầu không khí thân mật như trong buổi gặp lần đầu, bởi từ ngày đó (do đại dột hay lơ đãng), anh không hề nói lại cuộc trò chuyện lịch sự. Nên bà giám đốc hỏi với nụ cười lạnh nhạt lộ liễu :

- Mình thấy nhau hôm qua phải không ?

- Vâng, mình thấy nhau.

Edouard trả lời. Bà giám đốc nói tiếp :

- Tôi không hiểu được tại sao một thanh niên lại có thể đi nhà thờ.

Edouard so vai về bối rối ngượng nghịu, và bà giám đốc gật gù :

- Một thanh niên.

- Tôi vào thăm mặt trong ba-rốc của thánh đường.

Edouard nói với về xin lỗi. Bà giám đốc mỉm cười :

- A, thì ra vậy. Tôi không hề biết là anh thích kiến trúc.

Đàm đạo kiểu này Edouard không thích chút nào. Anh nhớ lại là anh mình đã đi vòng quanh cô bạn đồng liêu ba lần, rồi phá ra cười nắc nẻ. Vận xui gia đình có vẻ muốn lặp lại làm anh sợ. Thứ bảy, anh điện thoại cho Alice xin lỗi nói là anh sẽ không đi nhà thờ vì bị lạnh.

Tuần sau khi gặp nhau, Alice nói giọng trách móc : " Anh yếu như sữa " và Edouard có cảm tưởng là lời cô gái không chút tình cảm. Nên anh bắt đầu nói với cô (một cách mơ hồ và úp mở thôi, bởi vì anh xấu hổ phải thú nhận nỗi lo sợ và nguyên do thực của nó) về những khó khăn họ gây cho anh ở trường và về bà giám đốc khủng khiếp cứ công kích anh không có lý do. Anh muốn gọi lòng trắc ẩn của cô, nhưng cô bảo : " Em thì..., bà sếp em rất tốt ", và bắt đầu vừa cười, vừa kể những chuyện lật vạt ở sở. Edouard nghe cô líu lo vui vẻ, còn anh thì càng lúc càng u ám.

#### 4

Thưa quý vị, đây là những tuần đau khổ. Edouard ham muốn Alice cực độ. Thân thể cô kích thích anh và thân thể này tuyệt đối nằm ngoài tầm tay anh. Khung cảnh hẹn hò của họ cũng làm khổ thân anh nữa : vòng vo cả một hoặc hai tiếng đồng hồ trong những con đường tối, hay đi xi-nê. Tính đơn điệu và khả năng khiêu dâm ít ỏi của hai loại này (không có gì khác !) khiến Edouard nghĩ kết quả sẽ khả quan hơn nếu anh gặp Alice trong khung cảnh khác. Với vẻ mặt thật vô tội, anh bèn đề nghị Alice đi chơi cuối tuần ở nhà quê, nơi anh mình có nhà nghỉ mát bên bờ sông, trong thung lũng đầy cây cối. Anh say sưa miêu tả cho cô sự quyến rũ trong làn da của

thiên nhiên, nhưng Alice (luôn luôn ngây thơ và tin tưởng trong các địa hạt khác) hiểu anh muốn hướng tới đâu nên từ chối mãnh liệt. Bởi vì đâu phải chỉ một mình Alice kháng cự lại anh - mà chính là ông Chúa (muôn đời thận trọng và cảnh giác) của Alice chứ không ai khác.

Tất cả tinh thể của ông Chúa này chỉ nằm trong một ý nghĩ (ổng chẳng có ham muốn hay ý kiến gì khác ráo), là sự ngăn cấm quan hệ xác thịt ngoài hôn nhân. Như vậy, đây là một ông Chúa khá buồn cười, nhưng ta cũng không nên vì thế mà chế giễu Alice. Trong mười điều răn Moise đã truyền đạt cho nhân loại, thì có tới chín điều không thể bị linh hồn cô để vướng víu hiểm nghèo nào, bởi vì Alice chẳng hề muốn giết ai, cũng không muốn làm ô danh bố mẹ, không thèm thường chồng người ; chỉ có một điều nghe không hiển nhiên mấy, và chính vì thế mới là thách thức thực sự đối với cô : đấy là điều răn thứ bảy, cái điều răn trừ danh mi không được thông dâm. Để hoàn tất, phôi bày, và minh chứng niềm tin đạo của mình, chính là trên điều răn đó, và chỉ trên điều răn đó thôi, mà Alice phải hoàn toàn lưu ý. Vì vậy mà từ một Thượng đế mơ hồ, bàng bạc và trừu tượng, cô đã hoàn thành một ông Chúa hoàn toàn xác định, khả tri và cụ thể : ông Chúa-Chống-Thông-dâm.

Nhưng xin hỏi quý vị, sự thông dâm thực sự bắt đầu từ chỗ nào ? Mỗi người đàn bà thiết lập giới hạn này theo các tiêu chuẩn hoàn toàn huyền bí. Alice sẵn lòng để Edouard hôn, và sau vô số thử thách của anh, cô bằng lòng để vuốt ve vú mình, nhưng ở giữa thân thể thì cô vạch một đường ranh cứng nhắc, không thể vượt qua được, phía bên dưới là lãnh thổ của ngăn cấm thánh thiện, sự không nhân nhượng của Moise, và sự giận dữ của Chúa.

Edouard bắt đầu đọc thánh kinh nghiên cứu những bài viết về thần học ; anh quyết định đối đầu với Alice bằng vũ khí của chính cô. Anh nói :

- Bé Alice của anh ơi, đối với người yêu kính Chúa thì không có gì phải cấm đoán cả. Vì khi ta ao ước điều gì, là ta ước muốn bởi Ông Trên. Chúa chỉ muốn một điều, là chúng ta phải được dẫn dắt bởi tình yêu.

Alice đáp :

- Tất nhiên rồi, song không phải cái thứ tình yêu anh nghĩ đâu.

Edouard nói :

- Chỉ có một tình yêu thôi..

-

-- Nếu thế thì tiện cho anh quá há ? Nhưng quả thật là Chúa đã lập ra những điều răn và chúng ta phải tuân theo mà thôi.

-

-- Đúng, Chúa của Cựu Ước, chứ Chúa của Cơ Đốc thì không.

-

- Alice vặn lại.

- Cái gì ? Chỉ có một Thượng Đế duy nhất.

Edouard tiếp :

- Đúng. Có điều người Do Thái của Cựu Ước lại không quan niệm Thượng Đế như chúng ta. Trước khi Chúa giáng thế, con người trước tiên phải tuân theo hệ thống giới luật và răn đe của thần thánh. Còn linh hồn mình nghĩ gì thì không đáng kể mấy. Nhưng Chúa coi những điều cấm đoán và mệnh lệnh ấy là bề ngoài. Dưới mắt Chúa, điều quan trọng là con người trong thâm sâu của nó như thế nào. Khi con người được thúc đẩy bởi lòng tin và nhiệt tâm thì mọi hành động của nó đều tốt lành và làm Chúa hài lòng. Cho nên Thánh Phao Lồ đã nói : mọi chuyện đều trong sạch đối với người trong trắng.

Alice cãi.

- Với điều kiện là phải trong trắng thật cơ.

- Và Thánh Augustin cũng nói : hãy yêu kính Chúa và làm những gì mi muốn. Em hiểu không Alice ? Hãy yêu kính Chúa, và hãy làm những gì em muốn.

- Nhưng mà em lại không muốn cái điều anh muốn.

Alice trả lời, và Edouard hiểu là lần này cuộc tấn công thần học của anh đã thất bại, nên buông lửng :

- Em không thương anh.

Alice đáp với một sự ngắn gọn đến khiếp :

- Có chứ ! Chính vì vậy mà em không muốn tội mình làm điều không nên làm.

Như tôi đã nói, đây là những tuần lễ đau khổ. Và nỗi dằn vặt càng mãnh liệt hơn nữa khi sự ham muốn Alice của Edouard không chỉ

đơn thuần là một thân xác ham muốn một thân thể khác ; mà ngược lại, khi thân xác kia càng xua đuổi bao nhiêu thì anh lại càng buồn, càng nhớ nhung và càng ao ước chiếm đoạt trái tim cô gái bấy nhiêu. Nhưng cả thân thể lẫn con tim của Alice đều không đoái hoài tới nỗi phiền muộn của anh, cả hai đều lạnh lùng như nhau, khép kín như nhau, và tự mãn với mình.

Ở Alice, điều làm Edouard khó chịu nhất là sự dè chừng khó lay chuyển của cô. Mặc dầu là một thanh niên có thể nói điềm đậm, anh bắt đầu mơ tưởng tới hành động cực đoan nào đó có khả năng kéo Alice ra khỏi thái độ bất khả lung lạc ấy. Và vì rất nguy hiểm nếu khiêu khích cô quá trớn bằng sự phạm thượng hay trơ trẽn (thói quen tự nhiên của anh), anh bèn chọn sự thái quá ngược lại (nên khó khăn hơn) ; mặc dù xuất phát từ thái độ Alice, nó sẽ đẩy thái độ của cô đến cực điểm và làm cô phải xấu hổ về sự dè dặt đến lãnh đạm của mình. Nói cách khác : Edouard bày tỏ lòng sùng đạo một cách quá trớn. Anh không bỏ lỡ dịp nào đi nhà thờ (lòng ham muốn Alice của anh còn mãnh liệt hơn cả nỗi lo sợ phiền toái), và đến đây anh cư xử với sự nhún mình kỳ lạ. Hở chút là anh quỳ ngay xuống trong khi Alice đứng đọc kinh hay làm dấu thánh bên cạnh, vì sợ vớ tuột chỉ.

Một hôm Edouard trách niềm tin của cô tẻ lạnh. Anh lặp lại lời Chúa : "Những kẻ cầu xin ta : Thượng đế, Thượng đế ! không phải ai cũng sẽ vào được nước trời hết đâu". Anh chê niềm tin của cô là hình thức, bề ngoài, mong manh. Anh trách cuộc đời tiện nghi của cô. Anh chê cô quá tự mãn. Anh trách là cô chẳng nhìn thấy gì khác chung quanh ngoài bản thân cô.

Và trong khi nói (Alice không chờ đợi sự công kích này nên chống chế rất yếu ớt), Edouard trông thấy bức thánh giá dựng giữa đường

: chữ thập cũ bằng đồng với tượng Chúa bằng sắt trắng đã rỉ. Mạnh bạo rút tay khỏi tay Alice và dừng lại (để chống trả sự hờ hững của cô gái và đánh dấu bước đầu cuộc tấn công mới của mình), anh làm dấu thánh với vẻ hung hăng rất khoa trương. Nhưng chưa kịp nhận thấy cử chỉ này gây nên hậu quả gì ở Alice, vì đúng vào lúc ấy, anh bắt gặp bà gác dan nhà trường bên kia đường. Bà nhìn anh. Edouard chợt hiểu là mình vừa thua đậm.

## 5

Nỗi lo sợ của Edouard được xác định ngay hai ngày sau, khi bà gác dan chặn anh trong hành lang cao giọng sang sảng rằng anh phải trình diện tại văn phòng bà giám đốc trưa mai :

- Chúng tôi cần nói chuyện với anh, đồng chí ạ.

Edouard lo lắng. Chiều tối, anh tới chỗ hẹn với Alice như thường lệ để tản bộ với cô trong phố, nhưng bỏ lòng sùng đạo mãnh liệt ở nhà. Anh mất tinh thần và muốn chia sẻ với Alice những gì đang xảy ra cho bản thân, nhưng anh không can đảm, bởi anh biết rằng để bảo toàn công việc chẳng thích thú gì (nhưng cần thiết) này, anh sẵn sàng chối bỏ Chúa không chút do dự. Nên anh không nói gì về tai họa bị gọi lên trình diện, và đương nhiên là không thể chờ đợi lời an ủi nào. Ngày hôm sau, anh bước vào văn phòng bà giám đốc với cảm tưởng của người hoàn toàn lẻ loi.

Bốn quan toà chờ Edouard trong phòng : bà giám đốc, bà gác dan, một đồng nghiệp của anh (nhỏ con, mang kiếng) và một ông (tóc xám tro) mà anh chưa từng biết, nghe mọi người gọi là đồng chí thanh tra. Bà giám đốc mời Edouard ngồi rồi nói là họ gọi anh đến để đàm luận hoàn toàn thân tình không chính thức, bởi vì tất cả mọi đồng nghiệp đều rất lo lắng về lối cư xử của anh ngoài phạm vi nhà



trường. Khi nói những điều này, bà nhìn ông thanh tra, và ông thanh tra gật đầu đồng tình ; rồi bà hướng mắt về giáo viên mang kính vẫn nhìn bà chăm chú trong suốt thời gian ấy ; và khi bắt gặp ánh mắt bà, anh này liền bắt đầu một bài diễn văn lê thê. Anh ta nói rằng chúng ta muốn đào tạo một lớp trẻ lành mạnh không thiên kiến, và rằng chúng ta hoàn toàn chịu trách nhiệm về giới trẻ này, bởi vì chúng ta (những giáo chức) phải làm gương cho họ ; vì vậy nên không thể dung thứ sự có mặt của những kẻ theo phái thầy tu giữa chúng ta ; anh ta khai triển dông dài tư tưởng này và chấm dứt với lời tuyên bố rằng thái độ của Edouard là điều tai tiếng cho cả trường.

Mấy phút trước, Edouard tin là mình sẽ chối bỏ ông Chúa mới nhận thức này, và sẽ nói thật rằng việc tới nhà thờ, việc làm dấu thánh nơi công cộng chỉ là trò chơi. Nhưng bây giờ, đối diện với tình huống, anh cảm thấy không thể thú thực ; dù sao anh cũng không thể nói với bốn người rất nghiêm trang và đầy nhiệt tình này là họ đã sôi nổi trước một hiểu lầm, một chuyện tầm phào. Anh hiểu nếu nói điều đó, sẽ vô tình chế giễu sự nghiêm chỉnh của họ ; anh hiểu những người này chỉ chờ đợi lời thoái thác xin lỗi, rồi họ sẵn sàng bỏ qua tất cả. Cũng hiểu rằng (bất ngờ thôi, vì đâu có thì giờ suy nghĩ), điều quan trọng nhất với anh trong lúc này là làm như đấy là sự thật, hay chính xác hơn, giả sao cho giống với ý nghĩ của những người này về anh ; nếu muốn đánh chính ý nghĩ của họ phần nào, thì cũng phải ít nhiều chấp nhận nó. Anh hỏi :

- Thưa các đồng chí, tôi có thể nói thẳng thắn được không ?

Bà giám đốc trả lời :

- Đương nhiên. Chính vì vậy mà đồng chí ngồi đây.

- Và các đồng chí sẽ không ghét tôi chứ ?

Bà giám đốc đáp :

- Cứ nói những gì đồng chí muốn nói.

- Vậy thì, tôi sẽ thú thực hết. Tôi thực sự tin vào Thượng đế.

Edouard nhìn lên các quan toà và xác nhận là họ có vẻ nhẹ nhõm trông thấy, chỉ có bà gác dan kêu rầm lên :

- Ngày nay sao đồng chí ? Ở thời buổi chúng ta à ?

- Tôi biết trước là các đồng chí sẽ nổi giận nếu tôi nói sự thật. Nhưng tôi không biết nói dối. Đừng bắt tôi phải nói những điều dối trá.

Edouard tiếp. Bà giám đốc nói với anh (dịu dàng) :

- Không ai bắt đồng chí nói dối. Đồng chí có lý khi nói hết sự thực. Nhưng điều tôi muốn là phải giải thích làm sao lại đi tin vào Thượng đế, một thanh niên như đồng chí !

Ông nhà giáo lên giọng, hoàn toàn kích động :

- Ngày nay, vào thời điểm mà chúng ta phóng vệ tinh lên mặt trăng !

- Không làm sao được. Tôi đâu muốn tin vào Thượng đế. Thực tình. Tôi không muốn.

- Thế là thế nào, anh không muốn, bởi vì anh tin !

Ông tóc xám can thiệp (với giọng đặc biệt khả ái). Edouard thấp giọng lặp lại lời thú nhận :

- Tôi không muốn tin, lại tin.

Ông giáo mang kiếng cười :

- Sao mà mâu thuẫn quá đi mất !

- Thừa đồng chí, có sao tôi nói vậy. Tôi hoàn toàn hiểu là niềm tin vào Thượng đế tách chúng ta khỏi hiện thực. Còn gì là chủ nghĩa xã hội nếu mọi người tin rằng vũ trụ thuộc quyền năng của Thượng đế ? Sẽ không ai làm gì nữa cả, và mọi người đều phó thác vào Thượng đế.

Bà giám đốc tán thành.

- Đúng thế.

- Chưa ai chứng minh được sự hiện hữu của Thượng đế cả.

Ông giáo mang kính tuyên bố. Edouard tiếp tục :

- Sự khác biệt giữa lịch sử nhân loại và thời tiền sử là con người bây giờ nắm vận mạng mình trong tay và không cần tới Thượng đế nữa.

Bà giám đốc nói :

- Tin vào Thượng đế dẫn tới tin ở định mệnh.

Edouard tiếp :

- Niềm tin vào Thượng đế là tàn tích thời Trung cổ.

Sau đó bà giám đốc nói vài điều gì nữa, rồi ông giáo mang kiếng, rồi Edouard, rồi ông thanh tra, và tất cả những tư duy này bổ túc nhau, hài hoà đến nỗi cuối cùng, ông giáo mang kiếng không chịu nổi, phải ngắt lời Edouard :

- Vậy thì tại sao đồng chí làm dấu thánh trên đường phố, khi đồng chí hiểu tất cả những điều ấy ?

Edouard ngó ông ta với cái nhìn buồn rười rượi đáp :

- Bởi vì tôi tin vào Thượng đế.

Ông giáo mang kính sôi nổi lặp lại :

- Nhưng mà mâu thuẫn quá đi mất !

- Vâng, có mâu thuẫn giữa kiến thức và đức tin. Tôi thú nhận là niềm tin vào Thượng đế dẫn tới mê muội. Tôi công nhận rằng tốt hơn hết là Thượng đế không nên hiện hữu. Nhưng tôi làm gì được khi mà chỗ này, trong tận cùng thâm tâm - vừa nói Edouard vừa chỉ vào tim mình - tôi cảm thấy Người hiện hữu ? Xin các đồng chí hãy hiểu cho ! Có sao tôi nói vậy, tốt hơn hết là nói sự thực, tôi không muốn làm người đạo đức giả, tôi chỉ muốn tôi như thế nào thì các đồng chí hiểu tôi như thế.

Rồi Edouard cúi đầu.

Ông giáo mang kiếng thật thiện cận ; ông ta không biết rằng ngay cả nhà cách mạng triệt để nhất cũng chỉ nhìn thấy ở bạo lực tội ác cần thiết, trong khi thiện tâm của cách mạng chính là cải tạo. Ngay bản thân ông ta, kể chỉ một sớm một chiều đã giác ngộ cách mạng, ông ta chưa hề gọi được sự kính trọng nào ở bà giám đốc, và không mảy may ngờ rằng trong lúc này đây, Edouard - kẻ vừa tự gửi gắm

số phận vào tay những người đang xét xử mình như một đối tượng cải tạo, dù khó khăn song hoàn toàn có thể chinh huấn được - lại có giá trị hơn ông ta gấp ngàn lần. Và chính vì không ngờ điều ấy nên ông ta lại tấn công Edouard mãnh liệt, tuyên bố rằng người không có khả năng chối bỏ niềm tin kiểu trung cổ đều là người thời Trung cổ, không có chỗ đứng trong trường học hiện đại.

Bà giám đốc để ông ta hết lời rồi chĩnh :

- Tôi không muốn lấy đầu ai cả. Đồng chí đã chân thành nói hết sự thật với chúng ta. Đó là điều mà chúng ta phải lưu ý.

Rồi bà quay về phía Edouard :

- Các đồng chí dĩ nhiên có lý khi nói một thầy tu không thể dạy dỗ giới trẻ của chúng ta được. Vậy thì tự đồng chí hãy cho biết đồng chí đề nghị cái gì ?

Edouard nói với vẻ đau khổ :

- Tôi không biết, thưa các đồng chí.

Ông thanh tra lên tiếng :

- Tôi nghĩ thế này. Cuộc chiến đấu giữa cái cũ và mới không chỉ diễn ra trong lớp học, mà còn nơi mỗi cá nhân. Chúng ta đang chứng kiến chính cuộc đấu tranh này ở đồng chí đây. Đồng chí Edouard biết hết, nhưng cảm tính kéo đồng chí lùi lại. Chúng ta phải giúp đỡ đồng chí để lý lẽ chiến thắng.

Bà giám đốc ghi nhận. Rồi nói :

- Tốt lắm. Tôi sẽ đích thân lo liệu cho đồng chí ấy.

Như vậy Edouard đã thành công trong việc tránh được nguy cơ cấp thời ; tương lai nghề giáo của anh nằm riêng trong tay bà giám đốc, điều làm anh rất cuộc thấy hoàn toàn hài lòng : nhớ tới nhận xét của ông anh, là bà giám đốc luôn luôn có chỗ nhược với giới trẻ, và với tất cả tin tưởng bấp bênh của tuổi thanh niên (hôm nay thái quá, ngày mai lại bị xói lở bởi hoài nghi), anh quyết định vượt thắng cuộc thử thách bằng cách chiếm đoạt lòng ưu ái vị nữ chúa của mình, trong tư thế nam nhi.

Sau đó mấy hôm, khi tới văn phòng bà giám đốc như đã thỏa thuận, anh thử lấy giọng điệu thung dung thư thái và không để lộ cơ hội nào chêm vào câu chuyện một nhận xét thân mật, một lời khen tế nhị, hay nhấn mạnh với sự mập mờ kín đáo trên cảnh ngộ đặc biệt của mình : tình cảnh người đàn ông mà số phận đang nằm trong tay một người đàn bà. Nhưng anh đâu được phép tự mình chọn lựa giọng điệu câu chuyện. Bà giám đốc nói năng hết sức khả ái nhưng với vẻ dè dặt tuyệt đối ; bà hỏi anh đọc gì, tự chỉ định một số tựa sách và khuyên nên đọc, bởi rõ ràng là bà muốn thực hiện công tác lâu dài trên phần hồn của anh. Để kết thúc, bà mời anh gặp tại nhà riêng.

Thái độ thận trọng này đã đẩy lui được sự tin tưởng nhờn nhờ của Edouard, và anh bước vào nhà bà giám đốc, đầu cúi xuống, không còn mảy may ý định áp đảo bà bằng vẻ duyên dáng nam nhi. Bà mời anh ngồi vào ghế phôi tơ và bắt đầu cuộc trò chuyện bằng giọng thân mật, hỏi muốn uống gì :

- Chắc là cà phê ?

Anh nói không.

- Vậy thì rượu ?

Anh cảm thấy ngượng nghịu :

- Nếu đồng chí có cô-nhắc.

Và tức thì anh e là đã nói cái gì không đúng chỗ, đúng lúc..

Nhưng bà giám đốc trả lời khả ái :

- Không, tôi không có cô-nhắc, tôi chỉ có một ít rượu vang...

Và bà mang ra một chai đã vỡi phân nửa, chỉ còn lại vừa đủ hai ly.

Rồi nói Edouard không nên xem bà như pháp quan tôn giáo ; tất nhiên ai cũng có quyền có những tin tưởng mà họ cho là đúng ; song hiển nhiên người ta có thể tự hỏi (bà vội nói thêm) người như vậy có chỗ đứng hay không trong ngành giáo dục ; vì vậy nên họ thấy bắt buộc phải mời gọi Edouard (dù là miễn cưỡng) để thảo luận, và rất hài lòng (ít ra là bà và ông thanh tra) vì anh đã nói với họ một cách chân thành không tìm cách chối biến. Sau đó bà đã nói rất lâu với ông thanh tra về Edouard, và họ quyết định sẽ gọi Edouard trong sáu tháng nữa cho cuộc trao đổi khác ; từ đây tới đó, bà giám đốc phải giúp anh tiến hoá bằng ảnh hưởng của mình. Và nhấn mạnh thêm lần nữa rằng sự hỗ trợ bà muốn đem đến cho anh chỉ có thể là sự giúp đỡ thân tình, rằng bà không phải pháp quan tôn giáo cũng không phải công an. Sau đó bà nói về ông giáo đã công kích Edouard nặng nề, và thêm :

- Ông ta cũng vậy, có nhiều chuyện bực dọc, vì thế ông ta rất hờn dạ gây phiền lụy cho người khác. Và cả bà gác dan cũng đi rao khắp nơi là đồng chí ngạo mạn, ngoan cố, bo bo bám giữ quan điểm của

mình. Bà ta cho là đồng chí đáng bị đuổi ra khỏi trường, và không có cách nào làm bà ta đổi ý đâu. Đương nhiên tôi không đồng ý, nhưng mặt khác, cũng nên thông cảm với bà ta. Tôi cũng vậy, tôi không thích giao phó con tôi cho một ông thầy công khai làm dấu thánh giá ngoài đường phố.

Bà giám đốc trình bày với Edouard bằng tràng dài nhiều câu liên tục như vậy, khi thì quyến rũ với hứa hẹn khoan hồng, lúc lại dọa dẫm với khả năng khắc nghiệt của bà, và tiếp theo, để chứng tỏ cuộc gặp gỡ giữa họ quả là câu chuyện thân tình, bà chuyển sang đề tài khác : nói về sách vở, dẫn Edouard tới tủ sách, nghị luận dông dài về quyển "L'Âme enchantée" của Romain Rolland, bực mình vì anh chưa đọc. Rồi hỏi ở trường anh có hài lòng không, và sau câu trả lời đúng quy ước, bà bắt đầu nói với vẻ liến thoắng : nói bà biết ơn số mệnh về nghề nghiệp mình, rằng rất thích công việc ở trường, bởi vì ở đây bà tiếp cận tương lai bằng những liên hệ cụ thể và thường xuyên bằng cách dạy dỗ trẻ nhỏ ; và rằng chung cuộc chỉ có tương lai mới biện minh được những đau khổ hiện hữu đầy rẫy chung quanh chúng ta...

Anh nói thêm :

- Vâng, phải công nhận điều đó.

- .... Nếu không nghĩ là mình phải sống cho cái gì đó lớn hơn đời mình, thì chắc chắn tôi không sống nổi.

Nói những lời này, bỗng dưng bà có vẻ thành thực hẳn, và Edouard không rõ lắm là qua đó bà muốn thổ lộ hay bắt đầu cuộc luận chiến tư tưởng hệ về ý nghĩa cuộc đời ; anh ưng nhìn thấy ở đấy một lời bóng gió cá nhân, và hỏi với giọng ghen ngào kín đáo :



- Còn cuộc đời riêng của đồng chí thì sao ?

Bà giám đốc lặp lại :

- Đời tôi ?

- Vâng, đời đồng chí. Nó không làm đồng chí hài lòng à ?

Nụ cười chua chát nở trên môi bà giám đốc, và Edouard hầu như thương hại. Trông bà xấu xí đến cảm động ; mái tóc đen đóng khung khuôn mặt thuần dài xương xấu với hàng lông đen dưới mũi hình thù râu mép. Bỗng nhiên anh nhận thấy tất cả chuỗi buồn phiền trong đời bà ; anh bắt gặp nét nhục cảm mãnh liệt, cũng đồng thời trông thấy sự xấu xí đã khiến nhục cảm ấy không thể được thỏa mãn ; anh tưởng tượng con người này đã từng cuồng si hoá thân thành bức tượng sống đau khổ ngày Stalin chết, đã từng say mê tham dự không biết bao nhiêu buổi hội họp, say mê chống đối cái ông Jésus khốn khổ như thế nào, và anh chợt hiểu tất cả những thứ ấy chỉ là nơi trú ẩn buồn tẻ cho nỗi ham muốn không thể trôi theo dòng chảy nào như ý. Edouard còn trẻ và khả năng xót thương chưa mòn mỏi. Anh nhìn bà giám đốc với lòng thông cảm. Như thể xấu hổ vì sự im lặng bất ngờ này, bà nói giọng vui vẻ gượng gượng :

- Dầu sao, vấn đề không phải ở đó, Edouard à. Người ta không chỉ sống cho mình mà thôi. Người ta luôn luôn sống cho cái gì đó.

Bà nhìn sâu hơn vào mắt anh :

- Nhưng vấn đề là phải biết cho cái gì. Cho hiện thực hay giả tưởng. Thượng đế là một ý tưởng đẹp. Nhưng tương lai con người, Edouard, mới là hiện thực. Và chính cho cái hiện thực này mà tôi sống, mà tôi đã hy sinh tất cả.

Những câu này cũng vậy, bà tuyên bố với sự vững tin đến độ Edouard không dứt nổi lòng cảm thông đã bất ngờ dấy lên trong anh vài phút trước ; anh thấy thật ngu xuẩn phải dối trá trắng tráo như vậy với người khác, và ngỡ rằng cái chiều thân tình hơn của cuộc đàm luận rốt cuộc đã cho anh cơ hội từ bỏ điều gian trá bất xứng (và lại khó nữa chứ) của mình. Anh vội vàng trấn an :

- Nhưng tôi hoàn toàn đồng ý với đồng chí.. Tôi cũng vậy, tôi thích hiện thực hơn chứ. Đồng chí biết không, lòng sùng đạo của tôi ấy à, chẳng nên xem nó nghiêm trọng đến thế !

Nhưng anh nhận thức tức khắc là không bao giờ nên để chút dấy động tình cảm bất chợt đánh lừa. Bà giám đốc ngạc nhiên nhìn anh nói với giọng lạnh lùng hiển nhiên :

- Thôi, đừng đóng kịch. Cái mà tôi thích là sự bộc trực của đồng chí. Lúc này đồng chí lại đang cố làm cho người ta ngộ nhận về mình.

Không, Edouard không được phép từ bỏ bộ cánh hoá trang tôn giáo mà hôm nào anh đã khoác ; anh đành lòng ngay và cố xóa cảm tưởng xấu vừa gây nên :

- Đâu có, tôi không hề muốn lẫn tránh. Dĩ nhiên, tôi tin vào Thượng đế chứ, và không bao giờ có thể chối bỏ điều này. Chỉ muốn nói là tôi cũng tin vào tương lai nhân loại, vào tiến bộ, vào tất cả những thứ đó nữa. Nếu không tin vậy thì công tác dạy học của tôi dùng để làm gì, trẻ nhỏ ra đời để làm gì, và cả cuộc đời chúng ta dùng để làm gì ? Nhưng đây, tôi tin rằng Thượng đế cũng muốn xã hội phải cải thiện và tiến bộ. Tôi nghĩ có thể tin cùng lúc vào Thượng đế và vào chủ nghĩa cộng sản, có thể dung hoà hai cái đó.

Bà giám đốc nói với giọng quyền uy hết sức mẫu tử :

- Không ! Không thể hoà giải hai thứ đó với nhau được.

Edouard buồn bã nói :

- Tôi biết. Không nên ghét tôi.

- Tôi không ghét đồng chí. Đồng chí còn trẻ nên ương ngạnh bám vào cái mình muốn tin. Không ai có thể hiểu rõ đồng chí bằng tôi. Tôi cũng vậy, cũng đã từng trẻ như đồng chí. Tôi thừa biết tuổi trẻ ra sao. Và chính nét trẻ trung làm tôi thích ở đồng chí. Tôi thấy đồng chí dễ mến.

Cuối cùng nó cũng đến. Không sớm hơn cũng chẳng muộn hơn, mà đúng lúc này, đúng lúc tốt nhất. (Thời cơ này, ta thấy là Edouard không hề lựa chọn, mà chính nó đã dùng anh để tự hoàn tất.) Khi bà giám đốc nói thấy anh dễ thương, anh trả lời với giọng không mấy diễn cảm :

- Tôi cũng vậy, tôi thấy mến đồng chí.

- Thực à ?

- Thực.

Bà giám đốc đáp lại.

- Thôi nào, một bà già như tôi !

Edouard không thể làm gì khác hơn là trả lời :

- Không đúng đâu.

- Đúng chứ.

Edouard chỉ có thể nói rất ân cần :

- Đồng chí không già chút nào. Nói như vậy là ngu xuẩn.

- Đồng chí tin vậy à ?

- Dĩ nhiên. Tôi mến đồng chí lắm.

- Đừng nói dối đấy nhé. Đồng chí biết là không được nói dối.

- Tôi không nói dối. Đồng chí đẹp.

Bà giám đốc bấu môi hoài nghi.

- Đẹp ?

- Vâng, đẹp.

Edouard nói, và như e ngại sự khó tin lộ liễu của lời xác nhận đó, anh vội vàng chống chế bằng luận cứ khác :

- Tôi thích những người tóc nâu như đồng chí.

Bà giám đốc hỏi :

- Đồng chí thích người tóc nâu ?

Edouard trả lời :

- Điên cuồng.

- Vậy thì sao không bao giờ đồng chí đến thăm tôi từ khi tới trường ? Tôi có cảm tưởng là đồng chí muốn tránh mặt.

Edouard đáp :

- Tôi ngại. Mọi người sẽ cho là tôi liếm gót đồng chí. Sẽ không ai tin rằng tôi đến thăm chỉ vì mến đồng chí cả.

Bà giám đốc nói :

- Bây giờ thì đồng chí chẳng có gì phải sợ nữa. Nay người ta đã ra quyết định là mình phải thỉnh thoảng gặp nhau.

Bà nhìn vào mắt anh với đôi ngươi nâu to (phải công nhận là đầu phải không đẹp), và khi anh chào ra về, bà vuốt ve nhẹ nhẹ tay anh, đến nỗi anh chàng đại dốt này từ giã bà với cảm giác lâng lâng của kẻ chiến thắng.

## 7

Edouard chắc mẫm rằng câu chuyện phiền toái này đâm ra có lời cho anh, và chúa nhật sau đó tới nhà thờ với Alice trong vẻ nhớn nhor trơ trẽn ; hơn thế nữa, anh đã lấy lại sự an tâm hoàn toàn, vì (mặc dù ý tưởng này chỉ gợi nơi ta nụ cười tội nghiệp) cuộc viếng thăm bà giám đốc, nghĩ lại, đã cung cấp cho anh bằng cứ hùng hồn về vẻ duyên dáng nam nhi của mình.

Vả lại, chúa nhật đó, Edouard nhận thấy ngay khi vừa tới nhà thờ là Alice có gì thay đổi : họ mới gặp nhau là cô nắm ngay cánh tay anh không buông ra nữa, ngay cả bên trong thánh đường ; bình thường, cô tỏ vẻ kín đáo dè dặt, nhưng hôm ấy cô quay khắp mọi hướng gật đầu tươi cười chào cả chục bạn bè và người quen biết.

Thật lạ lùng, anh chẳng hiểu gì cả.

Hôm sau nữa, khi đi dạo trên những con đường tối, Edouard ngạc nhiên xác nhận là những cái hôn của Alice, bình thường nhạt nhẽo một cách đáng buồn bao nhiêu, nay bỗng dưng trở thành ướt át, ấm áp cuồng nhiệt bấy nhiêu. Khi cùng cô dừng lại áp vào cột đèn, anh thấy đôi mắt đắm đuối nhìn mình.

- Em thương anh, anh biết không - Alice đột ngột nói với giọng nồng nàn, và cô bịt miệng anh ngay - Không, đừng nói gì hết. Em xấu hổ vì em. Em không muốn nghe gì cả.

Họ đi thêm mấy bước nữa rồi dừng và Alice nói :

- Bây giờ thì em hiểu tất cả. Em hiểu vì sao anh trách móc sự hồ hững của em.

Nhưng Edouard chẳng hiểu gì ráo và ửng giữ im lặng ; họ lại đi vài bước nữa rồi Alice bảo :

- Còn anh thì chẳng chịu nói gì cả. Tại sao anh không nói với em ?

- Mà em muốn anh nói với em cái gì ?

- A, đúng là anh - Alice nói với vẻ hững hờ nhưng trầm tĩnh - Người khác thì đã phô trương khoáng đạt rầm rĩ, còn anh thì im. Nhưng chính vì vậy mà em thương anh.

Edouard bắt đầu hiểu chuyện gì nhưng vẫn hỏi :

- Em nói chuyện gì ?

- Về những chuyện đã xảy ra cho anh.

- Mà làm sao em biết ?

- Coi kìa ! Ai mà không biết. Họ gọi anh lên, họ hăm dọa anh, còn anh thì cười vào mũi họ. Anh không chối bỏ gì hết. Ai cũng khâm phục anh.

- Nhưng anh không hề nói gì với ai cả.

- Đừng ngây thơ. Chuyện như vậy thường gây chấn động ngay. Dầu sao cũng đâu phải chuyện đùa. Anh tưởng thời buổi này mà còn dễ kiếm một người có chút can đảm à ?

Edouard thừa biết là ở tỉnh nhỏ, một hiện tượng chẳng đáng gì cũng mau chóng biến thành giai thoại, song anh không ngờ giai thoại lại có thể phát sinh ngay từ những chuyện tầm phào mà bản thân anh cũng không bao giờ xem là quan trọng. Anh chưa hiểu thấu đáo đồng bào cần anh tới mức nào : họ vô cùng yêu kính các thánh tử đạo như mọi người đều biết, bởi vì các vị chứng minh bằng chính sự hiện hữu của mình, rằng cuộc đời chỉ cho phép ta chọn lựa giữa hoặc nhắm mắt tuân lệnh hoặc bị bịt mắt lôi ra pháp trường, và qua đó, xác nhận sự bất động thái mái của họ là đúng đắn. Không ai còn nghi ngờ là Edouard sẽ bị giao cho đao phủ, và mọi người phao tin này với vẻ thán phục mãn nguyện, đến nỗi giờ đây, qua trung gian Alice, Edouard nhìn thấy ngay trước mắt hình ảnh huy hoàng bản thân mình đang bị đóng đinh trên thập tự giá. Anh phản ứng với tất cả điềm nhiên nói :

- Dĩ nhiên là anh không chối gì cả. Nhưng mà tự nhiên thôi. Bất cứ ai cũng xử sự như vậy.

Alice kêu lên :

- Bất cứ ai ? Thử nhìn chung quanh xem cách thiên hạ cư xử ! Hèn lắm ! Họ dám chối cả mẹ đấy !

Edouard im, Alice cũng im. Họ sánh bước, nắm tay nhau. Rồi Alice nói nhỏ :

- Em sẽ làm bất cứ cái gì vì anh.

Đó là câu hứa hề ai nói với Edouard ; câu nói đó là một ân sủng của Trời. Tất nhiên, đâu phải Edouard không biết đây là ân huệ mà anh không xứng đáng. Nhưng anh nghĩ, bởi vì số phận đã từ chối ban cho những gì anh đáng được hưởng, thì bây giờ anh có quyền nhận những cái mình không xứng đáng. Anh nói :

- Chẳng ai làm gì cho anh được nữa !

Alice thì thầm :

- Sao vậy ?

- Họ sẽ đuổi anh khỏi trường, và những kẻ coi anh như người hùng sẽ không vì anh mà rục rịch, dù chỉ một ngón tay. Điều duy nhất chắc chắn là : cuối cùng, anh sẽ hoàn toàn cô độc.

Alice vừa nói vừa lắc đầu :

- Không đâu.

- Thật thế.

Alice lặp lại gần như hét lên :

- Không !

- Mọi người đều đã bỏ rơi anh.

- Em sẽ không bao giờ bỏ rơi anh.



Edouard buồn rầu nói :

- Cả em nữa, cuối cùng rồi em cũng sẽ bỏ rơi anh thôi.

- Không bao giờ !

-

-- Thật thế, Alice à, em đâu có yêu anh. Em chưa bao giờ yêu anh hết cả.

- Không đúng.

Alice nói khẽ, và Edouard miễn nguyện xác nhận là mắt cô sưng ướm.

- Không, Alice à. Mấy chuyện đó anh cảm thấy được mà. Em luôn luôn tẻ lạnh với anh. Khi yêu, không bao giờ người đàn bà cư xử như vậy. Anh biết mà. Và bây giờ em cảm thấy thương hại anh, bởi vì em biết là người ta sắp triệt hạ anh. Nhưng em không yêu anh và anh không muốn em có những ý nghĩ sai lạc trong đầu.

Họ vẫn bước đều, cùng im lặng, tay trong tay. Alice khóc lặng lẽ, nhưng thỉnh thoảng cô dừng lại nói giữa cơn nước mắt :

- Không, không đúng ! Anh không có quyền nói như vậy. Không phải đâu.

- Phải mà.

Và vì Alice vẫn cứ khóc, anh đề nghị cô về nhà quê với anh thứ bảy tới. Nơi anh của anh có căn nhà nghỉ mát, trong thung lũng xinh xắn bên bờ sông, và chỉ có hai đứa với nhau thôi. Mặt đầm lệ, Alice nín thinh chấp thuận.

Chuyện đó xảy ra hôm thứ ba, và khi được mời tới nhà bà giám đốc lần nữa ngày thứ năm, Edouard đến với lòng an nhiên vui vẻ, bởi anh tin chắc sự duyên dáng của mình sẽ biến đổi hoàn toàn vụ việc nhà thờ thành làn khói mỏng manh. Nhưng điều thường xảy ra trong đời là : cứ tưởng tượng sẽ đóng vai mình chọn trong vở kịch nào đó, nhưng lại không ngờ phối cảnh đã bị kín đáo thay đổi, đến nỗi kịch sĩ ta phải thủ diễn vai tuồng khác, hoàn toàn không tập dượt.

Edouard ngồi trong cùng cái ghế hôm trước, đối diện với bà giám đốc ; giữa họ là cái bàn thấp có chai cô-nhắc hai ly hai bên. Và chai cô-nhắc này chính là cách bày biện mới mà một người đàn ông tinh tế chừng mực phải hiểu ngay nó không còn liên hệ gì đến câu chuyện nhà thờ nữa.

Nhưng lúc đầu chàng Edouard ngây thơ quá tự mãn về mình nên không cảm thấy gì ngay. Anh vui vẻ tham dự vào cuộc trò chuyện mào đầu (về đề tài chung chung mơ hồ), nốc cạn ly và lộ vẻ mau chán chuyện một cách không thể nào ngờ nghịch hơn. Sau khoảng nửa tiếng hay một tiếng đồng hồ, bà giám đốc khéo léo luồn đề tài có tính cách riêng tư vào câu chuyện ; bắt đầu nói về mình, lâu ly, và những lời này phải đặt trước Edouard một nhân vật với những nét bà muốn có : một người đàn bà biết điều, đứng tuổi, không sung sướng lắm, nhưng đang hoàng và cam phận, một người đàn bà chẳng những không hối tiếc gì mà còn hài lòng đã sống độc thân, bởi vì nếu lập gia đình thì bà ta đã không nếm được trọn vẹn hương vị độc lập và thoả thích riêng tư trong căn hộ nhỏ xinh xắn - nơi bà thấy rất hạnh phúc và hy vọng Edouard cũng không thấy bức bối.

- Không, ở đây tôi thấy rất dễ chịu.

Edouard nói điều đó với giọng nghèn nghẹn, bởi vì bất chợt anh cảm thấy không thoải mái. Chai cô-nhắc (mà anh đã thiếu cẩn trọng đòi hỏi trong lần gặp đầu) đang hiện diện trên bàn (với sự vội vàng doạ dẫm), bốn bức tường của căn hộ (giới hạn không gian càng lúc càng hẹp, càng lúc càng khép kín), cuộc độc thoại của bà giám đốc (tập trung vào những đề tài càng lúc càng riêng tư), cái nhìn của bà (dán chặt vào anh một cách nguy hiểm), tất cả những thứ đó khiến anh từ từ ý thức được sự thay đổi chương trình ; anh chợt hiểu mình đang bị đặt trong tình trạng mà sự tiến hoá không còn tránh được nữa ; và anh thấy rõ ràng điều nguy hiểm cho nghề nghiệp mình không phải mối ác cảm của bà giám đốc đối với anh, mà trái lại, chính là ác cảm xác thịt của anh trước người đàn bà xương xẩu với hàng lông dưới mũi đang thôi thúc anh uống tiếp. Anh thấy cổ họng nghẹn lại.

Anh vâng lời bà giám đốc và cạn ly, nhưng hiện thời nỗi lo âu mạnh tới nỗi rượu vào cũng vô hiệu. Trái lại, bà giám đốc đã uống nhiều ly, đã hoàn toàn bỏ hẳn thái độ dè dặt thường lệ, và lời lẽ bà chứa đựng nỗi hưng phấn hầu như đe dọa :

- Có một điều tôi thêm muốn ở cậu, đó là sự trẻ trung. Cậu chưa thể hiểu thế nào là thất vọng, là hết ảo tưởng. Cậu còn nhìn thế giới dưới màu sắc của hy vọng và cái đẹp.

Bà chồm tới ngang mặt Edouard trên chiếc bàn thấp, và trong một im lặng buồn bã (với nụ cười đông cứng) bà dán cái nhìn vào anh cặp mắt thật to ; còn anh, lúc ấy, tự nhủ rằng nếu không say được chút nào, thì e buổi tối nay sẽ là một thất bại ghê gớm của mình. Anh trút rượu vào ly nốc nhanh một hơi dài.

- Nhưng tôi muốn nhìn cuộc đời dưới cùng những màu sắc ấy, những màu sắc như ở cậu !

Rồi bà rời ghế, ưỡn ngực lên và nói :

- Có thực là cậu có cảm tình với tôi không ? Thực không ?

Bà đi vòng cái bàn, rồi nắm tay áo Edouard :

- Thật không ?

- Thật !

- Tới đây, mình nhảy.

Bà thả tay áo Edouard tiến tới bấm nút radiô, vặn cho tới lúc bắt được nhạc khiêu vũ. Rồi bà đứng lên, tươi cười trước mặt anh. Edouard cũng đứng lên, ôm bà giám đốc dịu dàng căn phòng theo điệu nhạc. Bà giám đốc đặt nhẹ đầu lên vai anh, rồi thỉnh thoảng ngước lên nhìn vào mắt anh hát làm râm.

Edouard khó chịu tới nỗi rời bà giám đốc nhiều lần để uống. Anh không còn ao ước nào mãnh liệt hơn là chấm dứt trò dập dờn bất tận khiếp đảm này, đồng thời cũng rất sợ lúc chấm hết, bởi vì chắc nó còn hãi hùng hơn nữa. Cho nên anh cứ tiếp tục dịu người đàn bà đang hát nho nhỏ ngang dọc trong căn phòng chật chội, vừa nhảy vừa rình (với nỗi sốt ruột đầy âu lo) cái hậu quả trông đợi ở rượu. Khi cuối cùng có cảm tưởng là mọi giác quan đều đã rời nhòa với hơi cô-nhắc, một tay anh ghì bà giám đốc vào người, còn tay kia thì đặt lên ngực bà.

Vâng, Edouard vừa làm cử chỉ mà chỉ nghĩ tới thôi cũng đủ làm anh ghê rợn từ lúc bắt đầu buổi tối ; không biết anh sẵn sàng trả cái giá nào để khỏi phải làm, và nếu dẫu sao anh cũng đã làm rồi thì, cứ tin tôi đi, chính vì anh bị bắt buộc phải làm ; tình huống anh lạc vào ngay từ ban chiều không cho lối thoát nào nữa ; người ta có thể làm

nó chậm lại, nhưng không có cách nào ngăn cản, đến nỗi khi để tay lên ngực bà giám đốc, anh chỉ tuân hành mệnh lệnh của một tất yếu không tài nào tránh khỏi.

Song hậu quả của thái độ Edouard đã vượt quá mọi dự đoán. Như dưới phép lạ chiếc đĩa thần, bà giám đốc bắt đầu trần trở trong tay anh, rồi áp vào miệng anh cái môi trên lông lá của mình. Sau đó bà ta đẩy anh xuống đi-văng, rồi với cử chỉ co quít hơi thở hỗn hển, bà cắn vào môi và đầu lưỡi làm Edouard đau điếng. Tới đó bà vuột khỏi tay anh nói "Chờ tí !", rồi chạy vào phòng tắm.

Edouard liếm ngón tay thấy lưỡi chảy tí máu. Vết cắn đau đến nỗi làm lắng ngay chút cơn say đã khó nhọc chuốc lấy, và anh lại thấy cổ họng nghèn nghẹn lần nữa với ý thức những gì đang chờ đợi mình. Anh nghe tiếng nước chảy ồn ào từ phòng tắm. Anh chộp chai cô-nhắc đưa lên môi tu ừng ực.

Nhưng bà giám đốc lại xuất hiện ở cửa, mặc chiếc áo ngủ trong suốt (có đăng ten trên ngực), từ từ tiến đến Edouard. Bà ôm anh. Rồi lại tránh ra giọng trách móc :

- Sao cậu còn bận đồ ?

Edouard bỏ áo vét và vừa nhìn bà giám đốc (đang dán vào anh cặp mắt thực to), anh chỉ ngại một điều, là thân xác có thể sẽ phá hoại ý chí anh. Vì thế, nhằm kích thích dục vọng, anh nói với giọng không mấy chắc chắn :

- Cởi hết đồ ra.

Bằng cử chỉ mạnh bạo, bà ngoan ngoãn lột cái áo ngủ với tất cả nhiệt tình, để lộ thân hình mảnh khảnh trắng hếu và chùm lông rậm

đen nổi bật lên trong cảnh chợ vợ tẻ ngắt. Bà tiến tới gần, chậm chậm, và Edouard chợt nhận ra với tất cả hãi hùng những gì đã đoán trước : đúng là thân thể anh hoàn toàn tê liệt bởi lo âu.

Thưa quý vị, tôi biết rằng với thời gian chắc quý vị đã quen với những bất tuân tạm thời của thân thể, và điều đó chẳng mấy may làm quý vị lo âu. Nhưng quý vị không hiểu ư ? Edouard lúc bấy giờ đang ở tuổi thanh xuân mà ! Cho nên mỗi bận phá thói của thân xác đều đẩy anh vào cơn kinh hoảng cùng cực, và anh coi đó như vết nhọc không thể cứu chữa được, dù nhân chứng của những lúc trở trêu ấy là khuôn mặt xinh xắn nào, hay bộ mặt buồn cười xấu xí như bà giám đốc. Rồi họ chỉ còn cách nhau một bước, và anh phát hoảng vì không biết phải làm gì, bất chợt không hiểu sao (đây là hậu quả của cơn xung động hơn là thủ đoạn có suy nghĩ) anh buột mồm nhảy tránh sang bên :

- Đứng, đứng, lạy Chúa, đứng ! Đó là tội lỗi, đó sẽ là tội lỗi !

Nhưng bà giám đốc vẫn tiến tới lắm bẫm :

- Sao lại tội lỗi ? Chẳng có gì là tội lỗi sát !

Edouard tị nạn sau cái bàn mà mấy phút trước họ cùng ngồi với nhau :

- Không, tôi không có quyền, tôi không có quyền.

Bà giám đốc đẩy chiếc phô-toi cản đường tiếp tục tới gần Edouard, cặp mắt to đen vẫn chăm chặp không rời :

- Chả tội lỗi gì cả, chả tội lỗi gì cả !

Edouard đi vòng cái bàn, chỉ còn bộ đi-văng đằng sau anh thôi ; bà giám đốc thì sát bên cạnh rồi. Không thoát được nữa, và chắc là do nỗi tuyệt vọng cực độ của giây phút cùng đường này sai khiến, anh ra lệnh :

- Quỳ xuống !

Bà nhìn không hiểu, nhưng khi giọng nói tuyệt vọng mà cứng rắn lặp lại : "Quỳ xuống", thì bà quỳ xuống trước mặt anh nhiệt tình và ôm chân anh.

- Buông tôi ra ! Anh hét lên. Chấp tay lại !

Một lần nữa bà lại nhìn anh không hiểu.

- Chấp tay lại ! Nghe chưa ?

Bà chấp tay. Anh hạ lệnh :

- Đọc kinh đi !

Bà chấp hai tay lại nhìn lên anh với đôi mắt nhiệt cuồng. Anh la to :

- Đọc kinh đi ! Để Chúa tha tội cho chúng ta !

Hai tay vẫn chấp, bà nhìn Edouard với cặp mắt to đến nỗi ngoài việc lời được chút thì giờ quý báu trong tư thế từ trên cao nhìn xuống này, anh bắt đầu thấy mất đi ý nghĩ khủng khiếp rằng mình chỉ là con mồi, nên tìm lại được sự an tâm. Anh lùi lại để có cái nhìn toàn thể về bà và nhắc lại mệnh lệnh :

- Đọc kinh đi !

Rồi vì bà vẫn tiếp tục im lặng, anh hét :

- Đọc to lên !

Mà thực : người đàn bà quỳ gối, gầy guộc và trần truồng, bắt đầu đọc : "Lạy Cha chúng con ở trên trời, chúng con nguyện danh Cha cả sáng, ý Cha ngự đến..."

Vừa đọc những lời kinh này, bà vừa nhìn lên Edouard như thể chính anh là Đức Chúa Trời. Anh quan sát bà với một thích thú gia tăng : cái bà quỳ trước mặt anh là bà giám đốc đang bị kẻ dưới tay hạ nhục ; cái bà quỳ trước mặt anh là nhà cách mạng vô thần đang bị động tác cầu nguyện lột truồng hạ nhục ; cái bà quỳ trước mặt anh là một người đàn bà cầu nguyện đang bị sự trần truồng của mình hạ nhục.

Hình ảnh điểm nhục ba mặt này làm Edouard ngây ngất, và một việc không chờ đợi lại xảy ra : xác thịt anh chấm dứt trò kháng chiến thụ động : cu cậu cứng lên !

Tới lúc bà giám đốc nói : "Nhưng chớ để chúng con sa chước cám dỗ", anh vội vã vứt hết áo quần. Khi bà vừa xong "Amen", anh cuồn cuộn kéo đứng lên lời tới đi-văng.

## 9

Chuyện đó xảy ra ngày thứ năm, thứ bảy Edouard dẫn Alice về nhà quê, tới nhà anh mình. Anh của Edouard đón tiếp vui vẻ và cho mượn chìa khóa căn nhà nghỉ mát.

Hai kẻ yêu nhau dạo chơi suốt buổi chiều trong rừng và trên đồng cỏ. Họ hôn nhau và Edouard có thể xác nhận, bằng chính đôi tay mẫn nguyện, là đường ranh tưởng tượng vạch ngang rón, để ngăn



cách vùng ngây thơ vô tội với vùng thông dâm tội lỗi, đã hoàn toàn mất hết giá trị. Phản ứng đầu tiên của anh là muốn xác nhận bằng lời cái biến cố chờ đợi đã lâu này, nhưng anh ngần ngừ rồi nghĩ tốt hơn hết nên giữ im lặng.

Có thể Edouard đã nhận thức rất chín chắn : sự trở trái bất ngờ của Alice rõ ràng không dính líu gì đến cố gắng anh đã vận dụng trong nhiều tuần lễ để thuyết phục cô, nó chẳng liên hệ gì đến luận điệu duy lý của anh. Ngược lại, nó chỉ được xây dựng trên tin đồn tuần đạo của Edouard, nghĩa là trên một ngộ nhận, và ngay cả cái kết luận mà Alice rút ra từ sự nhầm lẫn này cũng hoàn toàn phi lý. Bởi vì, chúng ta thử suy nghĩ lại một chút mà xem : tại sao Alice phải vi phạm thánh luật, chỉ vì anh giữ đức tin đến mức có thể lụy thân vì đạo ? Chẳng lẽ cô phải phản bội Chúa trước Edouard, chỉ vì anh đã từ chối phản bội Chúa trước ủy ban điều tra của trường hay sao ?

Trong những điều kiện này, một chút sơ hở nào tuyên bố ra cũng có nguy cơ là lật tẩy cho Alice thấy sự bất nhất của thái độ mình. Vậy nên tốt hơn hết là Edouard im lặng, và sự câm nín của anh chẳng gây chút chú ý nào, vì Alice tự nói một mình đủ rồi, cô vui vẻ không có gì chứng tỏ rằng sự thay đổi trong tâm hồn mình là bi thảm hay đau đớn cả.

Khi đêm xuống, họ trở về căn nhà nghỉ mát, tắt đèn, trải giường ra, rồi hôn nhau, và Alice yêu cầu Edouard tắt đèn. Nhưng vì cửa sổ vẫn để lọt vào cái tranh tối tranh sáng ban đêm, Edouard cũng phải đóng nốt cửa sổ lại theo lời yêu cầu của Alice. Trong bóng tối hoàn toàn, Alice cởi bỏ hết quần áo hiến thân cho anh.

Edouard đã chờ đợi giây phút này trong bao tuần nay, và lạ lùng chưa, bây giờ khi cuối cùng đã hoàn tất, tầm quan trọng của nó lại không tương ứng chút nào với sự chờ đợi lâu lắc của anh. Động tác

làm tình, ngược lại, có vẻ dễ dàng và tự nhiên tới nỗi anh hơi đáng trí và cố xua đuổi một cách vô hiệu ý nghĩ thoáng qua trong đầu : Edouard hình dung lại nỗi khổ tâm mình trước sự lạnh nhạt của Alice trong nhiều tuần dài lê thê vô ích vừa qua, anh hình dung lại tất cả những phiền toái cô đã gây cho anh ở trường, và thay vì biết ơn cô đã tự hiến thân cho mình, anh lại cảm thấy oán hận hằn thù. Anh phần nộ cô đã phản bội ông Chúa-Chống-Thông-dâm của cô, mà trước kia cô cuồng nhiệt sùng bái, một cách quá dễ dãi không ân hận. Anh phần nộ là không một ham muốn, một biến cố, một xáo trộn nào có khả năng dao động sự bình thản của cô ; anh phần nộ là cô đã sống như thế không hề cảm thấy bị xâm xé, mà trái lại quá dễ dàng và đầy tự tin. Dưới ách nặng của sự căm phẫn này, Edouard cố yêu cuồng bạo điên cuồng, để khiến cô phải thốt lên một tiếng kêu, một tiếng rên, một lời phàn nàn, hay chỉ một lời gì, nhưng anh thất bại. Cô bé hoàn toàn câm nín và bất kể mọi nỗ lực của anh, sự quăn quýt của họ chấm dứt một cách khiêm tốn trong yên lặng.

Sau đó cô thu rúc vào lòng anh thiếp ngủ dễ dàng, trong khi Edouard còn tỉnh táo rất lâu để nhận thức là mình không cảm thấy chút hạnh phúc nào. Anh cố hình dung Alice (không phải diện mạo bên ngoài, mà trong thực chất con người) và anh chợt hiểu là anh chỉ biết cô rất tửn tận.

Chúng ta hãy dừng lại chỗ này chốc lát : Alice, như vẫn hiển hiện trước mắt anh cho đến bây giờ, là một sinh vật cứng cáp dù còn ngây thơ, với đường nét khá rõ ràng : trong mắt Edouard, dường như ở cô, sự đơn giản đáng yêu của thân thể hoàn toàn phù hợp với sự giản dị sơ đẳng của đức tin, và sự đơn giản của thân phận là nguyên do của thái độ hành xử. Cho tới lúc ấy, anh vẫn xem cô là một thực thể nhất quán chặt chẽ : mặc dù đã trêu chọc, nguyên rủa,

mưu lừa cô bằng xảo thuật, anh không thể không quý trọng cô (dù là bất đắc dĩ).

Nhưng bây giờ thì cái bầy của tin đồn (cái bầy mà Edouard không dự tính) đã bẻ gãy sự thống nhất của nhân vật này, và anh tự nhủ là những ý tưởng của Alice thực sự chỉ là lớp dát trên số mệnh cô thôi, cũng như thân phận cô chỉ là lớp dát trên thân thể cô, và anh chỉ còn nhìn thấy ở cô sự kết hợp hoàn toàn ngẫu nhiên giữa một thân xác, vài ý tưởng với một dòng đời, một sự lắp ráp vô cơ, võ đoán và mong manh. Edouard hình dung lại Alice (đang thờ sâu bên trũng vai anh) nhìn thấy một bên là thân thể cô và bên kia là những ý tưởng. Anh ham thích thân thể này, còn ý tưởng thì anh thấy buồn cười, và thân xác cùng với những ý tưởng đó không tạo nên sự thuần nhất nào cả ; anh thấy cô như đường vẽ mất hút trong tờ giấy thấm : chẳng còn đường nét nào, hình thù gì rõ ràng.

Vâng, Edouard thực sự ham thích tấm thân này. Sáng hôm sau khi Alice thức dậy, anh buộc cô phải để trần truồng, và cô, mới hôm qua, còn bắt phải đóng cửa sổ, bển lển vì ánh sáng nhợt nhạt các vì sao, thì bây giờ đã quên đi sự thẹn thùng của mình. Anh quan sát cô (tung tăng vui vẻ đi tìm gói trà và bánh nướng ăn sáng), và lát sau cô phát hiện anh có vẻ lo âu. Cô hỏi có chuyện gì. Edouard trả lời là phải đi thăm người anh sau bữa điểm tâm.

Vì ông anh hỏi ở trường mọi việc ra sao, Edouard trả lời là không đến nỗi tệ, ông anh bảo :

- Con mẹ Cechackowa này là một con khốn nạn, nhưng anh đã tha lỗi cho con mẹ từ lâu rồi. Anh tha lỗi vì con mẹ không hiểu con mẹ làm gì. Con mẹ muốn làm hại anh, nhưng chính nhờ con mẹ mà anh được sung sướng như vậy. Anh sống khá hơn với nghề trồng

trọt, và sự tiếp xúc với thiên nhiên cứu anh khỏi những hoài nghi mà dân thành thị hay mắc phải.

- Em cũng vậy, bà này đem lại cho em may mắn.

Edouard nói với về suy tư, và kể cho ông anh nghe là anh yêu Alice, là anh đã giả vờ tin vào Chúa, rằng anh đã phải ra trước hội đồng, rằng cái bà Cechackowa này muốn cải tạo anh, và rằng Alice cuối cùng đã hiến thân cho anh, coi anh như thánh tử đạo. Nhưng anh không kể hết căn kể đã buộc bà giám đốc đọc kinh "Lạy Cha" như thế nào, vì chợt có cảm tưởng bất gặp tia nhìn trách móc trong mắt ông anh. Anh nín im và ông anh bảo :

- Có thể anh có nhiều khuyết điểm, nhưng có một điều anh chắc chắn. Anh không bao giờ đóng kịch và luôn luôn nói với mọi người những gì anh nghĩ, trước mặt.

Edouard rất yêu quý ông anh và về không tán đồng của ông làm anh thấy tổn thương. Anh muốn biện minh và họ lại bắt đầu cãi nhau. Để chấm dứt, Edouard nói :

- Em biết anh luôn luôn là người ngay thẳng và anh hãnh diện về điều đó. Nhưng anh cứ tự hỏi xem : tại sao phải nói sự thật ? Cái gì bắt buộc ta ? Và tại sao phải coi sự chân thành là một đức tính ? Giả dụ anh gặp thằng điên tự cho mình là con cá, cứ một mực cho rằng tất cả mọi người đều là cá. Anh có cãi lý với hắn không ? Anh có cởi hết quần áo trước mặt hắn để chứng minh là anh không có vây không ? Có nói cho hắn nghe trước mặt là anh đang nghĩ gì không ? Nói em nghe đi !

Ông anh nín thinh, Edouard tiếp lời :

- Nếu anh chỉ nói lên sự thật, chỉ nói những gì anh thực sự nghĩ về hắn, điều đó có nghĩa là anh bằng lòng tranh luận đứng đắn với một thằng khùng, là chính anh cũng điên nốt. Với tất cả người chung quanh ta cũng vậy thôi. Nếu anh cứ khẳng khẳng nói sự thật với họ, có nghĩa là anh coi điều họ nói là quan trọng. Và coi là nghiêm trọng cái không lấy gì làm quan trọng cho lắm, tức là đã tự mình đánh mất hết cả sự đứng đắn của mình rồi. Em thì, em phải nói dối để không quan trọng hoá mấy thằng khùng và để tự mình khỏi phát điên !

## 10

Ngày chúa nhật trôi qua và đôi tình nhân quay về ; chỉ có họ trong toa tàu (một lần nữa, cô bé lại lú lo vui vẻ) và Edouard nhớ lại rằng chỉ mới đây anh còn hoan hỉ đến mức nào, với ý nghĩ sẽ tìm thấy trong con người hồn nhiên của Alice sự nghiêm chỉnh mà những ràng buộc đời sống không bao giờ mang lại cho anh, và anh buồn bã hiểu ra (trong khi bánh xe đạp tình tứ vào các điểm nối đường rầy) rằng cuộc phiêu lưu tình ái vừa sống với Alice quả là dấm dớ, nó chỉ nảy nở bởi tình cờ và nhầm lẫn, thiếu đứng đắn và vô nghĩa ; nghe lại những lời, nhìn lại cử chỉ của Alice (cô đang siết tay anh), anh cho đó là những dấu hiệu chẳng nghĩa lý gì, là loại giấy bạc không tiền bảo chứng, là khối nặng của giấy lộn ; anh không thể cho nó giá trị nào hơn là cái giá trị mà Đức Chúa có thể cấp cho lời cầu nguyện của bà giám đốc trần truồng. Và bỗng nhiên Edouard tự nhủ rằng tất cả những con người anh đang chung đụng trong thành phố này thực sự chỉ là những đường vẽ chìm hút trong tờ giấy thấm, là những sinh vật mà thái độ cư xử hoàn toàn có thể đánh đổi được, những sinh vật không có thực chất bền vững. Nhưng điều tệ hại hơn, tệ hại hơn nhiều (anh tự nhủ sau đó) là chính anh cũng chỉ là cái bóng mờ của những nhân-vật-bóng-ma này, bởi vì anh đã vét cạn trí thông minh của mình trong ý đồ duy nhất là thích nghi với và

rập khuôn theo họ ; và cho dẫu anh có khinh thường, bắt chước họ với nụ cười trong bụng, cho dẫu anh có ngằm chế giễu họ (đồng thời biện minh cho cố gắng hoà đồng của mình) bằng cách ấy, sự kiện này cũng không thay đổi được gì hết, bởi vì sự bắt chước, ngay cả với ác ý, cũng chỉ vẫn là sự bắt chước, một cái bóng cười khẩy mỉa mai, cũng chỉ vẫn là một cái bóng, nghĩa là cái gì thứ yếu, phụ thuộc, khốn cùng.

Thực là sỉ nhục, sỉ nhục kinh khủng. Bánh xe vẫn đập tình tứ vào điểm nối đường rầy (cô bé lú lo) và Edouard nói :

- Alice, em có sung sướng không ?
- Có.
- Anh thì, anh tuyệt vọng.
- Anh điên hả ?
- Đáng lẽ chúng ta đừng làm điều ấy. Không nên.
- Anh có chuyện gì vậy ? Chính anh muốn mà !
- Ừ. Đó là cái lỗi lớn nhất của anh, Chúa sẽ không tha thứ anh. Đó là tội lỗi, Alice à.
- Em van anh, có chuyện gì vậy ? Cô gái trầm tĩnh nói. Chính anh cứ lặp đi lặp lại là Chúa muốn tình yêu, trước hết là tình yêu mà !

Khi Edouard nhận thấy Alice đã điềm nhiên chiếm hữu câu ngụ ý biện thần học mà mới đây còn chẳng hiệu quả gì cho cuộc chiến đấu gay go của anh, anh phát cáu.

- Anh nói vậy để thử lòng em. Bây giờ thì anh biết em trung thành với Chúa đến mức nào ! Nhưng ai có thể phản bội Chúa, thì còn có khả năng phản bội con người gấp trăm lần !

Alice luôn luôn tìm ra câu trả lời mới, có sẵn. Nhưng nếu khôn ngoan hơn, thì cô đã chẳng nên nói ra, bởi vì những câu trả lời này chỉ khơi dậy cơn cuồng nộ báo thù của anh. Edouard nói rất lâu, nói nhiều và hay đến nỗi (anh dùng cả những chữ buồn nôn và ghê tởm xác thịt), rốt cuộc, anh cũng rút ra được từ khuôn mặt bình thản và dịu dàng này một tiếng nấc, nước mắt và lời rên rỉ.

Ở nhà ga, anh nói "Vĩnh biệt" với cô bé và bỏ mặc cô ràn rụa. Khi về tới nhà, chỉ vài giờ sau, khi cơn thịnh nộ kỳ quái này cuối cùng dịu xuống, anh mới chợt ý thức tất cả hậu quả anh vừa gây ra : hình dung tấm thân đẹp đẽ mà, mới sáng nay thôi, còn trần truồng nháy nhót trước mặt anh, và khi tự nhủ là chính anh đã tự nguyện xua đuổi nó, thì anh lại thấy ngu xuẩn và muốn cho mình vài cái tát.

Nhưng cái gì đã làm rồi là chuyện đã qua, và ta không thể thay đổi được gì nữa.

Dù sao, để tôn trọng sự thực, tôi phải nói thêm rằng : nếu ý nghĩ tấm thân đẹp đẽ kia từ nay vượt khỏi tầm tay mình đã gây cho Edouard nỗi buồn vu vơ, thì nó cũng là một mất mát mà anh cam chịu nhanh chóng. Sau khi đến thành phố nhỏ này ít lâu, anh đã đau khổ vì thiếu tình yêu xác thịt, nhưng đây chỉ là một thiếu thốn hoàn toàn tạm thời. Edouard không còn khổ sở vì sự thiếu hụt đó nữa. Anh đến thăm bà giám đốc mỗi tuần một lần (thói quen đã giải thoát thân thể anh khỏi lo âu lúc đầu), và anh quyết định sẽ còn tới bà đều đặn khi mà mọi việc ở trường chưa dứt khoát quang đãng. Hơn nữa anh còn thử quyến rũ nhiều bà, nhiều cô khác với sự thành công mỗi ngày một dễ dàng. Sự kiện này khiến anh đâm ra trăn

trọng những lúc cô độc hơn, và anh bắt đầu yêu thích những lúc đi dạo một mình mà thỉnh thoảng anh cũng lợi dụng (xin lưu ý thêm chút đỉnh về chi tiết này) để đánh một vòng tới nhà thờ.

Không, xin quý vị đừng sợ, Edouard không tìm thấy đức tin đâu. Tôi không có ý định thăng hoa câu chuyện bằng một nghịch lý hiển nhiên đến thế. Nhưng với ý nghĩ hầu như chắc chắn là Thượng đế không hiện hữu, Edouard thường trăn trở trong đầu ý nghĩ về Thượng đế, với lòng nuối tiếc.

Thượng đế chính là cái thực thể, trong khi Edouard (nhiều năm đã trôi qua từ sau cuộc phiêu lưu với Alice và bà giám đốc) chưa bao giờ tìm thấy thực tính trong tình yêu, trong nghề nghiệp, trong tư tưởng. Anh quá chân thật để chấp nhận rằng mình đã tìm thấy điều chính yếu trong đời ở những cái không có thực tính, nhưng anh cũng quá yếu đuối để không âm thầm ao ước cái gì có thực chất.

À, thưa quý bà quý ông, thật buồn khi sống mà không thể lấy gì làm nghiêm trọng, dù là sự vật hay con người.

Vì vậy mà Edouard cảm thấy ước vọng có Thượng đế, bởi vì chỉ có Người mới tránh được cái ràng buộc phải hiện, chỉ cần hữu mà thôi ; bởi vì chỉ có Thượng đế (chỉ có Người, duy nhất và không hiện hữu) mới là cái phản đề có thực chất với thế gian này, cái thế gian càng hiện hữu bao nhiêu lại càng không có thực tính bấy nhiêu.

Cho nên thỉnh thoảng Edouard tới ngồi trong nhà thờ hướng đôi mắt mơ màng lên vòm cung thánh đường. Và vào chính lúc đó thì chúng ta từ giã anh : buổi xế đã trôi qua, nhà thờ trở nên vắng lặng, Edouard ngồi trên băng gỗ cảm thấy buồn với ý nghĩ sao Thượng đế không hiện hữu. Nhưng trong giây phút ấy, nỗi buồn man mác đến nỗi thành linh từ trong tận cùng đáy lòng, anh nhìn thấy khuôn mặt



thực và sống của Người. Hãy nhìn xem ! Thật đấy ! Edouard mỉm cười ! Anh cười, một nụ cười sung sướng...

Xin quý vị vui lòng giữ Edouard trong trí nhớ, với nụ cười sung sướng ấy.

**MIÈNG**

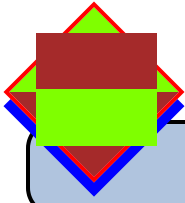
*Dịch theo bản tiếng Pháp của François Kérel*

**"Edouard et Dieu"**

*Paris 1998*

### **KUNDERA, Milan (1929-....)**

Viết truyện và kịch. Gốc Tiệp Khắc, Milan Kundera sinh tại Brno. Tốt nghiệp các ngành điện ảnh, âm nhạc, kịch nghệ ; dạy học tại Trường cao đẳng Phim ảnh ở Praha. Gia nhập Đảng Cộng Sản Tiệp sau chiến tranh, bị trục xuất năm 1948. Sau biến cố 1968, tác phẩm của ông bị cấm ở Tiệp Khắc. Ông định cư tại Pháp từ năm 1975, và dạy học tại "Université de Rennes" (1975-1980), rồi "Ecole des hautes études en sciences sociales" ở Paris (1980 ->). Về văn học, tác phẩm của ông đã nhận được nhiều giải thưởng, cả quốc gia lẫn quốc tế, và được dịch ra nhiều thứ tiếng. Kịch : *"The Owners of the Keys"*, *"Jacques et son maitre"*. Truyện ngắn : *"Laughable loves"*... Truyện dài : *"The Joke"*, *"Life is elsewhere"* (Medicis, Pháp, 1973), *"La Valse aux adieux"* (Premio Letterario Mondello, Ý, 1978), *"Le Livre du rire et de l'oubli"* (Common Wealth Award, Hoa Kỳ, 1981).



Anton Tchekhov - 1887.

## GẶP GỠ

**E**frème Denissov mở màn nhìn vùng đất trơ trụi chung quanh. Cái khát hành hạ, lão quần quai vì đau đớn khắp châu thân. Con ngựa cũng có vẻ mệt mỏi, kiệt sức dưới cái nóng thiêu đốt, và không được ăn uống từ lâu, rũ đầu buồn bã. Con đường dốc lải lải xuống khu rừng thông mênh mông. Những ngọn cây tan loãng tới tận xa tít, cùng màu xanh với bầu trời. Người ta chỉ thấy chim uể oải bay và bầu không khí run rẩy trong những ngày hè oi bức nhất. Khu rừng nổi lên như những ụ đất, càng lúc càng cao và cái thảm xanh quý quái kinh dị này dường như vô tận.

Efrème tới từ làng sinh quán, thuộc tổng trấn Kursk, để quyên tiền cho ngôi nhà thờ bị cháy. Trong xe <sup>[1]</sup> đặt một tranh thánh vẽ trên gỗ, Đức Mẹ Kazan, mà nắng mưa đã làm phồng hở và dộp vảy. Trước bức tranh là hộp quyên tiền bằng sắt trắng, thành vách lõm u lồi, hé một khe khá rộng có thể nhét cái bánh bích qui vào không khó khăn gì.

Một tấm biển trắng đóng đinh sau xe, viết lớn bằng chữ in ngày nào, tháng nào, năm nào, ở làng Malinovtsy," Do thánh ý Chúa, ngọn lửa hoả hoạn đã thiêu hủy nhà thờ ", rằng với sự cho phép và ban ơn của những vị có thẩm quyền, cộng đồng đã quyết định phái "những người tình nguyện" đi quyên tiền về xây lại thánh đường. Bên cạnh xe treo cái chuông buộc vào một thanh ngang, nặng khoảng mười kí lô.

Efrème không định được mình đang ở đâu và khu rừng mênh mông không hứa hẹn có cư dân nào ở gần. Lão dừng một lát, sửa lại đai mông ngựa và cẩn trọng đi xuống con đường dốc. Chiếc xe rung rinh, chuông phát ra những âm thanh làm gián đoạn cái im vắng chết người của một ngày nóng thiêu nóng đốt.

Trong rừng, bầu không khí ngọt ngào mùi nhựa gai thông, mùi rêu và mùi lá mục rục lên đón khách. Người ta chỉ nghe tiếng vo ve nhẹ, ì vang vang, quấy rầy của muỗi và bước chân điếc tai của Efrème. Xuyên qua rừng xanh, các tia nắng lướt mình dọc thân cây và những nhánh chồi bên dưới, rồi tạo nhiều vòng tròn nhỏ trên nền đất râm chùng chắt gai thông. Đó đây một cây dương xỉ hay cây mận còi chĩa lên bên cạnh thân cây ; chung quanh chẳng có gì khác.

Efrème vừa bước bên cạnh xe vừa vỗ về con ngựa. Đôi khi bánh xe vấp vào rần rề cây bò ngang qua đường, cái chuông kêu leng keng phàn nàn như thể ngay cả nó cũng mệt bỏ hơi.

Một giọng cứng nhắc chói tai bỗng vang lên cạnh Efrème :

- Chào ông nội ! Chúc đi đường bình an !

Một nông dân khoảng ba mươi, cặp giò dài, đang nằm cạnh đường, đầu gối lên tổ kiến. Gã bận chiếc sơ mi vải và chiếc quần bó không phải kiểu nhà quê, hai gấu nhét vào ủng đỏ, thấp. Cạnh đầu gối là cái mũ cát-két của nhân viên nhà nước, dơ tới nỗi chỉ một cái dấu nhỏ của chiếc phù hiệu mới cho phép đoán được màu nguyên thủy. Giấc ngủ nơi của gã nông dân có vẻ không yên tĩnh : trong khi Efrème quan sát thì tay chân gã quơ quậy không ngừng như thể bị muỗi xé xác hoặc bị bệnh ghẻ hành hạ. Nhưng mặt mày gã thì coi còn dị hợm hơn quần áo hay cử chỉ nữa. Cả đời, Efrème chưa gặp ai như vậy bao giờ. Xanh xao, tóc thưa thớt, cằm vênh ra, một nhúm

lông điểm phía trên trán, nhìn nghiêng trông mặt gã như vàng trắng lười liềm. Mũi và hai tai nhỏ dị kỳ, mắt không linh động và nhìn chăm chập vào một điểm trong không như mắt kẻ đàn hay người kinh ngạc điều gì. Và để cho sự kỳ dị được trọn vẹn, cái đầu gã bẹp dí xuống hai bên làm lộ nửa vòng tròn bên dưới của sọ. Efrème hỏi :

- Này con chiên, nói nghe, từ đây tới làng còn xa không ?

- Không, không xa lắm. Tới thị trấn Maloié chừng hơn năm cây số thôi [2].

- Tôi khát không chịu nổi.

Gã nông dân lạ lùng nói với một nụ cười :

- Làm sao không khát được. Trời nóng khủng khiếp ! Nóng tới năm mươi độ hay hơn... Người ta tên gì nhỉ ?

- Efrème, anh bạn ạ.

- Còn tớ tên là Kouzma. Đẳng ấy có biết câu ngạn ngữ của mấy mục mai không : " Tôi có Kouzma trong tay, ngày mai sẽ là ngày cưới ".

Đặt chân trên bánh xe, gã leo lên, chu môi hôn bức tranh thánh, hỏi :

- Đẳng ấy đi xa hả ?

- Xa, anh bạn ạ !... Tôi ở tổng trấn Kursk, tận Moscou, mà bây giờ thì vội vàng tới Nijni cho kịp bữa hội chợ.

- Đẳng ấy đi quỳn cho nhà thờ hả ?

- Cho nhà thờ, anh bạn ạ. Cho Nữ Hoàng Kazan của cõi trời...  
Nhà thờ chúng tôi cháy rụi rồi !

- Sao mà bị cháy ?

Lưỡi dày cộm lên vì mệt, Efrème bắt đầu kể hôm trước ngày thánh Elie, sấm sét đã đánh xuống nhà thờ Malinovstsy như thế nào. Chẳng hẹn mà như có định trước : hôm ấy cả dân làng và các tu sĩ đều ở ngoài đồng !

- Những người còn ở trong làng thấy khói, muốn đánh chuông báo động, nhưng phải tin là nhà tiên tri Elie cấm hẳn gì chúng tôi : cửa nhà thờ khoá, và như vậy là cả gác chuông làm mồi cho lửa, không cách nào tới chỗ cái chuông được... Chúng tôi từ đồng trở về thấy toàn thể nhà thờ bị thiêu hủy. Chúa ơi, thấy mà sợ, không ai dám tới gần !

Kouzma vừa nghe vừa đi theo người khách. Gã chưa ăn uống gì mà bước chân thì như người say : hai cánh tay đong đưa, khi thì bước bên cạnh xe, khi thì đi phía trước... Gã dò hỏi :

- Vậy thì họ trả lương cho đẳng ấy hay sao ?

- Lương gì ? Vì linh hồn mà tôi làm. Cộng đồng gửi tôi đi...

- Vậy thì đẳng ấy làm miễn phí à ?

- Bạn muốn ai trả công tôi ? Tôi không đi tự nguyện, cộng đồng cử tôi đi, rồi chính cộng đồng sẽ gặt hái, sẽ gieo mạ và sẽ trả thuế cho tôi... Như vậy thì đâu có miễn phí !

- Đẳng ấy sống bằng cái gì ?

- Tôi nhân danh Chúa xin của bố thí.
- Còn con ngựa thiện này, nó cũng của cộng đồng à ?
- Thì chớ sao...
- Đây, đây... Đẳng ấy có thuốc lá chứ ?
- Tôi không hút thuốc bạn ạ.
- Nếu con ngựa kiệt sức thì đẳng ấy làm sao ? Làm sao đẳng ấy di chuyển ?
- Sao lại kiệt sức ? Nó không kiệt sức đâu...
- Còn nếu... rủi kẻ cướp tấn công đẳng ấy thì sao ?

Kouzma còn ba hoa đặt cả lối câu hỏi nữa : tiền và con ngựa sẽ ra sao nếu Efrème chết ? Nếu cái hộp đầy tới miệng thì người ta bỏ tiền vào đâu ? Rủi cái đáy hộp sút ra thì sao ? Efrème không trả lời được và chỉ vừa thở vừa nhìn người bạn đồng hành, rất đổi ngạc nhiên.

Kouzma nắm tay đẩy cái hộp và liền thoảng :

- Ê, nó đầy quá nè ! Nặng cách gì ! Chắc chắn là nó có cả đồng tiền bằng bạc trong bụng, nhỉ ? Chà, nếu chỉ toàn những đồng bằng bạc ! Đây, đẳng ấy gom góp được nhiều chớ hả ?
- Tôi không đếm, tôi không biết. Người cho tiền đồng, kẻ cho tiền bạc. Nhưng bao nhiêu thì tôi không thấy.
- Còn bạc giấy, có chứ hả ?

- Nhà giàu có cho bạc giấy, cả quý tộc và nhà buôn nữa.
- Những tờ giấy bạc đó, đằng ấy cũng để trong hộp à ?
- Đâu được ! Bạc giấy mỏng manh, dễ rách... Tôi bọc trong túi trước ngực.
- Và đằng ấy có được bao nhiêu ?
- Khoảng hai mươi sáu rúp [3].

- Hai mươi sáu rúp, Kouzma vừa nói vừa so vai, quê tớ ở Katchabrov - muốn hỏi ai thì cứ hỏi đi - nội mấy cái đồ án nhà thờ mà người ta đã cúng ba ngàn rúp rồi ! Tiền của đằng ấy không đủ để mua đình ! Thời buổi này, hai mươi sáu rúp chỉ đáng khạc một cái ! Bạn già ơi, nội giá trà đã là một rúp rưỡi nửa kí lô rồi, mà người ta còn không muốn bán... Đằng ấy thấy thuốc tớ hút đây không ? Với tớ thì được, vì tớ chỉ là nông dân, một người giản dị. Nhưng với một sĩ quan hay sinh viên...

Kouzma thỉnh thoảng chớp hai tay lại và luôn luôn tươi cười :

- Tại bót cảnh sát, cùng lúc với tớ có một người Đức làm việc ở sở hỏa xa. Cái gã ấy, ô bạn già ơi, gã hút xì gà mỗi điều giá mười cô-péc [4]. Hả ? Mười cô-péc ! Họ đốt dễ dàng cả trăm rúp mỗi tháng như không. Ông nội nghĩ sao về chuyện đó ?

Gã suýt nghẹt thở vì kỷ niệm dễ chịu này, và cặp mắt bất động bắt đầu nhấp nháy. Efrème hỏi :

- Vậy là bạn đã nằm bót cảnh sát à ?

- Gì mà họ chỉ mới thả tớ ra hôm qua thôi, Kouzma vừa nói vừa nhìn lên trời, tớ ở đó một tháng tròn.

Chiều xuống. Mặt trời đã lặn rồi mà cái nóng ngột thở vẫn không giảm. Kiệt sức, Efrème ơ hờ nghe người bạn đường. Họ gặp một nông dân và biết là thị trấn Maloié chỉ còn cách xa chừng hơn cây số. Lại thêm một đoạn đường nữa rồi chiếc xe ra khỏi rừng ; một khoảng rừng trống hiện ra, và như được tạo nên bởi quyền năng ảo thuật, một bức tranh sống động tràn ngập ánh sáng và tiếng ồn xuất hiện trước mắt hai người bộ hành. Chiếc xe đựng một đàn bò, cừu và ngựa bị xích chân. Phía sau đàn thú vật là đồng cỏ, lúa mì và đại mạch xanh ngắt, hoa mạch ba góc nở trắng toát. Xa hơn, thị trấn Maloié và ngôi nhà thờ thấp như sát tới đất. Bên kia làng là một khu rừng khác hầu như đen kịt, trải dài ra xa tít. Kouzma nói :

- Moloié đây rồi. Nông dân ở đây sướng như công tử bột, nhưng toàn là một bọn cướp cả đấy.

Efrème bỏ mũ ra và rung chuông. Hai nông dân ở gần giếng bìa làng bước tới cạnh xe. Họ hôn tranh thánh và hỏi những câu quen thuộc như bạn đi đâu, bạn từ đâu tới...

- Này bà con ơ, phải cho người của Chúa uống cái đã, Kouzma bắt đầu liến thoắng vừa vỗ vai hai người, nhanh lên !

- Làm sao mà tao họ hàng với mày được ? Từ bao giờ ?

- Giáp trưởng của anh với của tui là bà con cô cậu. Bà ngoại anh đã kéo râu ông nội tui từ làng Krasnoié !

Suốt thời gian chiếc xe tới làng, Kouzma không ngừng tía lia và níu kéo người qua kẻ lại. Gã giằng cái mũ của người này, thụi vào



bụng người kia, kéo râu người nọ. Gã gọi các bà các cô nông dân là cứng, là nhỏ, là mẹ thương yêu của gã. Đối với các ông thì tùy theo điểm đặc biệt bên ngoài của họ, hoặc là anh tóc hung, chàng ngựa hồng, cậu mũi lõ, thằng chột... Cách pha trò này gợi được tiếng cười vui nhộn thẳng thắn. Chẳng bao lâu gã gặp mấy người quen. Nhiều tiếng kêu nổ ran : " À, bồ đây hả Kouzma Chkvorenn ! Chào thằng bị treo cổ ! Ra tù bao giờ vậy ? "

- Cho người của Chúa uống cái đã, các bồ ơi, Kouzma vừa lập đi lập lại vừa đong đưa hai tay. Nhanh lên ! Nhanh hơn nữa !

Gã làm vẻ quan trọng và hét thật to, tự cho mình vai trò che chở hay hướng dẫn "người của Chúa".

Người ta chỉ định Efrème qua đêm trong căn nhà gỗ của bà cụ Avdotia, dân hành hương hay bộ hành thường trú ngụ ở đây. Efrème thông thả tháo ngựa rồi dẫn tới máng nước gần giếng và tán gẫu với mấy người nông dân cả nửa tiếng đồng hồ. Rồi đi nghỉ. Kouzma đã đợi lão trong căn nhà gỗ.

- A ông bạn đây rồi ! Gã nông dân kỳ dị kêu lên vui vẻ. Tới quán uống trà không ?

- Trà hả ? Tốt quá, Efrème vừa nói vừa gãi, tốt quá, hửn rồi, nhưng tôi không có gì cả bạn ạ. Bạn mời tôi hay sao ?

- Mời đằng ấy à... tiền đâu ?

Thất vọng, Kouzma dậm chân tại chỗ, rồi ngồi xuống, nghĩ ngợi. Về phần Efrème thì vừa thở dài vừa gãi gãi với cử chỉ vụng về, lão đặt bức tranh thánh và hộp quỳên tiền trong "góc đỏ" <sup>[5]</sup> của căn nhà, rồi cởi bỏ quần áo giày vớ, ngồi xuống. Một lát, lão đứng lên,

đặt hộp tiền lên ghế dài, ngồi xuống lại và bắt đầu dùng bữa. Lão nhai chậm chạp như bò cái và húp nước sị sụp.

- Mình nghèo quá ! Kouzma thở ra. Bây giờ mà uống được miếng vodka hay miếng trà thì tuyệt...

Hai cửa sổ nhìn ra đường chỉ để lọt vào chút ánh sáng dè xèn. Bóng tối bao trùm cả làng, những căn nhà gỗ trở nên tối tăm, đường biên của ngôi nhà thờ đã mờ nhạt, trải rộng ra và dường như chui vào lòng đất... Một ánh đỏ yếu ớt của mặt trời lặn phản chiếu lại, lấp lánh nhẹ nhàng trên chiếc thập giá gác chuông.

Xong bữa, Efrème ngồi bất động hồi lâu, tay đan trên gối, dán mắt vào cửa sổ. Lão đang nghĩ ngợi gì ? Trong cái im lặng của chiều, khi người ta chỉ thấy trước mặt mình một cái cửa sổ mờ đục và phía sau là thiên nhiên đang từ từ dịu xuống, khi người ta nghe tiếng sữa khàn khàn của những con chó lạ và tiếng đàn xép the thé, thì khó lòng mà không tưởng nhớ tới gia đình. Chỉ những kẻ sống lang thang, những kẻ phải cách xa người thân, vì sự khốn cùng, một điều bất đắc dĩ, hay một sự gàn dở nào đó, mới hiểu thấm thía là buổi tối yên tĩnh ở một vùng quê xa lạ mới dài dằng dặc và kinh khủng cỡ nào.

Rồi thì, Efrème, đứng trước tượng thánh, ân cần đọc kinh thật lâu. Vừa ngả lưng lên băng ghế để ngủ, lão thở ra một hơi dài và thốt lên, như thể không giữ được :

- Cậu rõ là một người buồn cười... Chỉ có trời mới biết cậu được cấu tạo như thế nào !

- Tại sao vậy ?

- Tại vì... Cậu chẳng giống ai. Cậu cười ngớ ngẩn, cậu nói không lý do, cậu vừa từ bót cảnh sát ra ...

- Đằng ấy chỉ chực có vậy thôi ! Có khối tay bánh bao ở bót cảnh sát đấy ! Đằng ấy này, bót cảnh sát chẳng là cái quái gì cả, tớ ở đó cả năm cũng được, nhưng mà nhà tù thì hoàn toàn khác hẳn. Thiệt tình là tớ đã vào tù ra khám ba lần rồi, và không tuần nào mà ở toà án nông dân, người ta không quát cho tớ một trận... Tụi nó đều chống lại tớ cả, mấy thằng khốn ấy... Cộng đồng muốn đày tớ đi Sibérie. Họ đã tuyên án rồi đấy.

- Chắc hình phạt đó cũng chẳng oan uổng gì !

- Tớ cóc cần ! Người ta có thể sống ở Sibérie như ở mọi nơi khác.

- Còn bố mẹ cậu, còn sống chứ ?

- Ông bà rầy rà tớ quá. Ừ, ông bà còn sống, chưa nghèo...

- Thế còn điều" phải thảo kính với cha mẹ ", thì cậu làm gì ?

- Tớ cóc cần... Đối với tớ thì bố mẹ tớ là kẻ thù ghê gớm nhất của tớ, chính ông bà đánh mất tớ ! Ai đã xui khiến cộng đồng chống lại tớ ? Ông bà chớ ai, với cái ông chú Stéphane của tớ... Không có ai khác vào đấy cả...

- Làm sao cậu biết được, hả đồ ngốc ? Cộng đồng đâu có cần tới ông chú Stéphane mới biết cậu là người như thế nào... Còn tại sao mấy người nông dân ở đây lại gọi cậu là "thằng bị treo cổ ?"

- Tại vì, khi tớ còn trẻ, thiếu chút nữa là mấy cha nông dân giết tớ rồi. Họ đã treo cổ tớ lên cây, mấy thằng chết tiệt đó. Tạ ơn Chúa,

mấy người nông dân Ermolinsk đi ngang qua thấy, đã cứu tớ...

- Một phần tử có hại cho xã hội !

Efrème vừa nói vừa thở ra. Rồi lão quay mặt vào tường, chẳng bao lâu đã ngủ.

Giữa đêm, khi lão thức dậy ra thăm ngựa thì Kouzma không có đó. Một con bò cái trắng đứng trước cửa mở toang, êm ả nhìn vào lối đi và cạ sừng vào khung cửa. Mấy con chó đang ngủ say. Bầu không khí bình yên tĩnh lặng. Xa xa trong bóng tối, giữa cái im vắng ban đêm, một con gà nước gáy to lên và con chim cú nức nở từng tràng dài.

Tới bình minh, khi Efrème tỉnh dậy lần thứ hai thì Kouzma đang ngồi ở bàn, trên chiếc băng dài, vẽ trầm ngâm. Một nụ cười ngây ngô của người say rượu đông cứng lại trên khuôn mặt xanh xao của gã. Những ý nghĩ hân hoan và đầy kích động chắc đang chao lượn trong cái đầu bẹp dí ; gã hỏn hển như thể vừa leo núi.

- A, người của Chúa ! Gã nói khi thấy Efrème thức dậy, rồi tiếp theo với nụ cười ngượng ngịu. Đẳng ấy ăn bánh mì trắng không ?

- Cậu đi đâu về vậy ? Efrème hỏi.

- Hi-i-i, hi-i-i.

Kouzma làm như vậy cả chục lần mà không bỏ nụ cười đông cứng trên mặt, rồi cuối cùng người lão đảo vì cái cười co giật :

- Tớ uống... trà...trà, và rượu...vodka.

Rồi gã bắt đầu dõng dãi kể trong quán rượu, gã đã uống trà và vodka với những người chạy xe hàng ghé qua như thế nào. Vừa nói, gã vừa rút trong túi ra mấy que diêm, một phần tư gói thuốc và vài cái bánh mì trắng nhỏ...

- Đây là diêm Thụy Điển, cầm này ! Pxi... Vừa nói gã vừa lần lượt đốt mấy que diêm và châm thuốc. Thuốc lá Thụy Điển chính cống ! Xem này !

Efrème vừa ngáp vừa gãi, rồi thỉnh thoảng như bị chích, lão nhẩy dựng, vén sơ mi lên và sờ rầm chiếc ngực trần. Rồi cứ dậm chân tại chỗ như gấu, lão cầm từng cái quần cái áo cũ mềm lên khám xét, nhìn dưới chiếc ghế dài, mần mò vào ngực...

- Tiền biến mất rồi !

Lão nói, bất động trong nửa phút nhìn sững cái ghế với vẻ ngờ ngác, rồi bắt đầu tìm kiếm.

- Thánh Nữ Đồng Trinh, tiền biến mất rồi ! Cậu nghe không ? Lão nói với Kouzma. Tiền biến mất rồi !

Kouzma chăm chú ngắm nghía hình vẽ trên hộp diêm, im lặng.

- Tiền đâu ? Efrème vừa hỏi vừa bước tới phía Kouzma.

- Tiền nào ? Kouzma hờ hững hỏi giữa hai kẽ răng, không rời mắt khỏi hộp diêm.

- Thì tiền... mà tôi giữ trên ngực đấy !

- Tại sao đằng ấy quấy rầy tớ vậy ? Nếu mất tiền thì tìm đi chứ !

- Tìm ở đâu ? Tiền đâu ?

Kouzma nhìn khuôn mặt đỏ rựng của Efrème và bắt giắc mặt gã đỏ theo :

- Tiền gì ? Gã vừa la to vừa đứng lên.

- Thì hai mươi sáu rúp ấy !

- Chắc là tao lấy hủ ? Mà làm tao bức quá, thẳng khốn !

- Chẳng có ai là khốn nạn cả. Chỉ cần nói cho tôi biết tiền đâu ?

- Tao lấy hủ ? Tao ? Nói nghe : tao lấy hủ ? Tao sẽ làm cho mà thấy tiền, đồ chết tiệt, sau đó thì mà sẽ không còn nhận ra bố mẹ mà nữa !

- Nếu không phải mà thì tại sao mà che mồm ? Nhất định là mà chứ ai ! Chớ tiền nào mà mà tiệt tưng suốt đêm ở quán, rồi còn mua thuốc lá bằng cách nào ? Mà chỉ là một thằng ngốc, một thằng lố bịch ! Có phải mà gây thiệt hại cho tao đâu. Không, mà gây thiệt hại cho Chúa đấy !

- Tao... tao lấy tiền hủ ? Hồi nào ? Kouzma la lên với giọng chát chúa.

Gã đưa tay lên và giáng quả đấm vào ngay mặt Efrème.

- Này, cho mà đấy ! Muốn nữa không ? Tao đếch cần mà là người của Chúa hay không.

Efrème đành lắc đầu, và không nói không rằng, bắt đầu mang giày.

- Đồ bịp bợm. Kouzma la to, càng lúc càng kích động. Nó uống hết tiền rồi bây giờ đi buộc tội người khác, cái con chó già này ! Tao,

tao sẽ đi kiện ! Mà y sẽ vào tù vì tội vu khống và đừng có hòng được thả ngay !

- Nếu mà y không lấy tiền, thì thôi im đi . Efrème bình tĩnh nói.

- Này, mà y cứ soát tao đi.

- Tại sao mà y lại muốn tao lục soát mà y, nếu mà y không lấy gì cả ? Không phải là mà y thì thôi, được rồi... La lối vô ích : mà y không la to bằng Chúa đâu.

Efrème mang giày xong và ra khỏi nhà. Khi lão trở lại, Kouzma mặt vẫn còn đỏ rực, đang ngồi bên cửa sổ, chầm một miếng thuốc với hai tay run run. Gã gầm gừ :

- Quỷ già à, bọn chúng mà y la cà ở đây rất đông và đánh lừa thiên hạ. Có điều, với tao, mà y vô phước, quỷ già à. Mà y không bị được tao đâu. Tao biết rõ mấy trò này quá rồi. Đi tìm người đại diện đi (5).

- Để làm gì ?

- Để lập biên bản. Cứ đem ra xử trước tòa án nông dân !

- Xét xử chúng ta vô ích. Tiền không phải của tao, nó là của Chúa. Hãy để Chúa phán xét chúng ta.

Efrème đọc kinh, rồi mang tranh thánh cùng hộp quỳ tiền ra khỏi căn nhà gỗ.

Một giờ sau xe lão vào rừng. Làng Maloié, ngôi nhà thờ thấp, khu rừng thưa cùng ruộng đồng lùi xa dần và biến mất trong màn sương

sáng. Mặt trời đã lên nhưng còn ẩn mình sau khu rừng, chỉ ửng vàng các bià mây hướng về phía đông.

Kouzma lẻo đẹo theo xe cách một quãng. Gã có vẻ như người bị xúc phạm nặng nề và bất công. Bị cái háo hức muốn nói gặm nhấm nhưng gã cố làm thinh, chờ chính Efrème phá tan bầu im lặng.

- Gây chuyện với đảng ấy chẳng thú vị gì cho tở, nếu không tở sẽ cho đảng ấy ném đủ mùi, gã nói như nói với chính mình, tở sẽ dạy đảng ấy vu khống người khác, đồ quỷ sói...

Nửa giờ trôi qua trong im lặng. Người của Chúa vừa đọc kinh vừa bước, làm dấu thánh vội vàng, thở ra thật sâu và bắt đầu tìm bánh mì trong xe.

- Tội mình sắp tới Telibéievo rồi, Kouzma bắt đầu, toà hoà giải ở đó. Đảng ấy cứ việc kiện đi.

- Cậu cứ nói để chẳng nói gì cả. Chuyện đó ăn nhằm gì tới ông toà ? Có phải tiền của ông đâu ? wTiền của Chúa. Cậu phải biện minh trước Chúa mà thôi.

- Thằng chả chỉ biết cãi nhãi : Chúa ! Chúa ! Cứ như con quạ. Như vậy nè : nếu tở ăn cắp, phải xét xử tở. Nếu không thì đảng ấy phải trả lời về tội vu khống của mình.

- Làm như thế tôi có thì giờ chạy theo mấy cái toà án !

- Vậy thì đảng ấy không tiếc tiền à ?

- Tại sao tôi lại tiếc ? Không phải tiền của tôi, tiền của Chúa mà...



Efrème miễn cưỡng trả lời, không xao động, và mặt lão lạnh lùng thản nhiên như thể không tiếc tiền hay đã quên sự mất mát rồi. Về lạnh lùng này làm Kouzma bối rối và kích động, bởi đối với gã, đó là điều khó hiểu.

Đáp lại tội lỗi bằng mưu mẹo hay hung bạo là chuyện thường tình, chớ lảng nhục bằng sự thản nhiên như vậy gây nên một nỗi dằn vò làm kẻ xúc phạm trở thành người bị xúc phạm. Nếu Efrème phản ứng như mọi người, nghĩa là nếu lão giận dữ, gây gổ với kẻ phạm tội, nếu lão đâm đơn kiện và quan toà kết án tù Kouzma hay xếp vụ án lại vì "thiếu bằng cứ", thì hẳn Kouzma đã được yên lòng ; còn bây giờ, bước theo chiếc xe, gã có vẻ như người thiếu thốn một cái gì.

- Tớ không lấy tiền của đảng ấy ! Gã nói.

- Cậu không lấy thì thôi, đừng nói tới chuyện đó nữa.

- Khi tới Télibéievo, tớ sẽ gọi người đại diện. Ông ta sẽ làm sáng tỏ vấn đề !

- Không có gì phải làm sáng tỏ cả. Đâu phải tiền của ông ta. Còn cậu, anh bạn ạ, tốt hơn là cậu để tôi yên. Hãy đi đường của cậu đi ! Tôi chán nhìn thấy cậu rồi.

Kouzma nhìn trộm người bạn đồng hành hồi lâu, bối rối, cố tìm hiểu những ý nghĩ trong đầu và cái ý đồ khủng khiếp mà chắc là lão ta phải đang che giấu trong lòng ; cuối cùng gã quyết định đổi giọng :

- Đồ láu cá, ngay cả cười với thằng chả cũng không được nữa, nổi nóng tức thì... Ê đây này, tiền của ông đây này ! Đùa chơi thôi mà !

Gã rút túi ra mấy tờ bạc một rúp và chìa cho Efrème.

Như thể chờ đợi chuyện này, không biểu lộ chút ngạc nhiên hay vui vẻ, Efrème cầm tiền và lẳng lặng nhét vào túi.

- Tớ chỉ muốn đùa một tí, Kouzma vừa tiếp lời, vừa dò xét nét mặt dửng dưng của người kia, tớ muốn làm cho đằng ấy sợ. Tớ tự nhủ ê, mình sẽ làm cho ông già hoảng lên, rồi sáng hôm sau thì trả lại. Có hai mươi sáu rúp tất cả, còn lại chín hay mười... Mấy thằng cha xe hàng lấy hết của tớ... Đừng giận nghe, ông nội ! Không phải tớ uống đâu, mấy thằng ôn dịch xe hàng đấy... Tớ thề trước Chúa !

- Tại sao tôi phải giận ? Tiền của Chúa mà. Cậu xúc phạm Nữ Hoàng của cõi trời chứ có phải tôi đâu...

- Tớ chỉ uống có một rúp thôi, thiệt như sự thật mà...

- Ăn thua gì tới tôi cơ chứ ? Cậu có thể xài hết cho việc nhậu nhẹt, tôi cũng cóc cần. Là một rúp hay một kô-pếch, đối với Chúa cũng như nhau. Cũng cùng một giá.

- Thôi đừng giận mà, ông nội ! Nói thiệt rồi, đừng giận. Thiệt mà !

Efrème giữ im lặng. Kouzma nhấp nhấp mí mắt, khuôn mặt gã có vẻ ngây ngô và thảm hại.

- Tha lỗi cho tớ, vì tình yêu Chúa, gã nói và nhìn vào gáy Efrème với vẻ van nài. Đừng giận, ông nội à. Chỉ là đùa chơi thôi mà !

- A, cuối cùng thì cậu quấy rầy tôi quá, Efrème bực dọc nói, tôi đã nói với cậu rồi, không phải tiền của tôi. Hãy xin Chúa tha tội cho cậu, còn tôi thì chẳng can hệ gì vào đấy cả.

Kouzma nhìn bức tranh thánh, bầu trời, cây cối, như thể tìm kiếm Chúa, rồi mặt gã co lại trong nỗi khiếp hãi. Trước sự im vắng của khu rừng, sắc màu khô khan và nghiêm nghị của bức tranh, sự thần nhiên khác thường và vô nhân đạo của Efrème, gã cảm thấy lẻ loi, vô phương tự vệ, như bị giao cho một Thượng đế độc đoán và giận dữ phán xét.

Gã chạy vượt lên trước Efrème, rồi nhìn thẳng vào mắt lão như để tin chắc rằng gã không phải một mình :

- Tha lỗi cho tôi, nhân danh Chúa, gã nói, toàn thân run rẩy, tha lỗi cho tôi đi, ông nội !

- Để tôi yên nào !

Kouzma nhìn một lần nữa lên trời, cây cối, chiếc xe, bức tranh thánh, rồi sụp xuống chân Efrème. Trong cơn hãi hùng, gã bập bẹ cái gì không đầu đuôi, đập trán xuống đất, ôm ghì lấy chân ông lão và oà khóc như một đứa bé.

- Ông nội thân yêu ! Bạn thân yêu ! Người của Chúa !

Lúc đầu lúng túng, Efrème lùi lại đẩy kẻ van xin ra, rồi tới phiên lão lặng ngắm bầu trời, lo sợ. Cảm thấy lo âu và tội nghiệp đứa ăn cắp, lão thuyết giáo :

- Khoan đã nào, anh bạn, nghe tôi đây ! Nghe những điều tôi sắp nói đây này, đồ ngốc ! Ê, gì mà tử tế như đàn bà vậy ! Này, nếu cậu muốn Chúa tha tội cho, thì ngay khi về tới làng, hãy đi tìm ông giám trưởng... Cậu nghe không đấy ?

Và lão bắt đầu giải thích cho Kouzma nghe phải làm gì để xoá bỏ tội lỗi : trước hết là phải thú tội với ông giám trưởng, làm phép giải

tội, rồi thì thu góp và gửi tới Malinovsty số tiền đánh cắp uống rượu ; và trong tương lai thì phải cư xử trong sạch, chân thật, phải nhã nhặn không say sưa đúng như con chiên. Nghe mấy lời đó, Kouzma dụi dầm ; chẳng bao lâu gã có vẻ như quên mất nỗi buồn ; gã lại chọc phá Efrème, lại liên thoảng... Không một phút ngừng nói, gã lại lôi ra chuyện những công tử bột, chuyện ở bót cảnh sát, chuyện người Đức, chuyện trong tù - tóm lại, những gì gã đã kể hôm trước. Rồi gã cười dòn tan, đập tay lại, bước lùi về nghiêm trọng như thể đang kể điều gì mới mẻ lắm. Gã diễn tả một cách thoải mái, kiểu kẻ từng trải đã mài nhẵn gót giày khắp nơi, điểm câu chuyện bằng những câu khôi hài hay châm ngôn ; coi vậy chớ nghe thì khiếp lắm, bởi vì gã lặp đi lặp lại, thường ngừng giữa chừng để bắt lại ý nghĩ đã lạc lối, rồi nhíu mày, xoay vòng, vung vẩy cánh tay... Và toàn là những điều huênh hoang láo lếu !

Đến trưa, khi xe dừng lại ở Télibéievo, Kouzma vào quán rượu. Efrème nghỉ ngơi suốt hai tiếng đồng hồ mà gã kia vẫn chưa rời khỏi quán. Người ta nghe tiếng gã thề thốt, khoe khoang và đập tay lên quầy, trong khi những nông dân say sưa thì xúm lại chế giễu gã. Và khi Efrème rời làng, một trận xô xát bắt đầu xảy ra trong quán : Kouzma hăm dọa ai đó với giọng chói tai và la to lên là gã sẽ cho gọi cảnh sát.

MIÊNG

Dịch theo bản tiếng Pháp của Génia Canac

*"Une Rencontre",*

Paris, Mai 1998-Aout 2000

**TCHEKHOV, Anton Pavlovitch (1860-1904)**

Viết truyện và kịch. Anton Pavlovitch Tchekhov là một trong những tiểu thuyết gia Nga tiêu biểu của thế kỷ 19, đồng thời cũng được xem là nhà văn cởi mở nhất trước ảnh hưởng của các trào lưu quốc tế. Tốt nghiệp y khoa, ông đã từng hành nghề tại nhiều bệnh viện, cho đến cuối đời. Song ngay từ thời còn đi học, ông đã viết cho nhiều báo trào lộng để kiếm tiền giúp gia đình. Sau đó, ông chuyển từ truyện ngắn sang viết truyện dài và kịch, từ báo trào lộng sang cộng tác với các tạp chí văn học. Về chính trị, ông cũng đổi hướng từ phía bảo thủ sang cánh tả. Vào Hàn Lâm Viện năm 1899, ông từ chức năm 1902, để phản đối việc trục xuất Maxime Gorki. Từ 1896, bệnh lao trở nặng, ông phải sang Pháp và Đức nhiều lần để chữa bệnh, và cuối cùng mất tại vùng Rừng Đen ở Đức. Tác phẩm của ông được dịch ra nhiều thứ tiếng. Truyện : *"La Steppe"*, *"L'Ile Sakharine"*, *"Douchetchka"*, *"Le Récit d'un inconnu"*, *"Le Moine noir"* ... Kịch : *"Ivanov"*, *"La Mouette"*, *"L'Oncle Vania"*, *"Les Trois soeurs"*, *"La Cerisaie"*...

-----

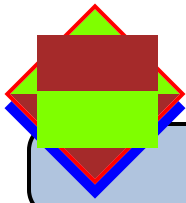
[1] Bản tiếng Pháp : la télègue : xe ngựa 4 bánh ở Nga.

[2] Năm verstes ; 1 verste = 1067 mét.

[3] 1 rouble ăn 100 kopecks, tiền Nga vào thế kỷ 17.

[4] Trong một góc, người ta đặt tranh thánh và ngọn đèn nhỏ, gọi là " góc đỏ ", nơi thiêng liêng của căn nhà. Ăn cắp đồ đạc để chỗ này là nghịch đạo.

[5] Tiếng Nga : Starosta, là người đại diện nông dân, trung gian giữa chủ đất và tá điền.



Alberto Moravia

## ĐỨA BÉ

**K**hi người đàn bà trong ban cứu tế thành phố Rome mang tiền tới cho, cả bà ta cũng hỏi sao chúng tôi sinh chi nhiều con thế. Vợ tôi hôm ấy bần tính, dấm dẩn nói huych toẹt :

- Nếu có tiền, chiều chiều chúng tôi cũng sẽ đi xi-nê... mà vì không có nên đi ngủ sớm. Vậy là có con.

Nghe những lời đó thì bà ta mím môi, kiểu cách bỏ đi. Tôi trách nhà tôi, bởi sự thật không phải lúc nào nói ra cũng tốt, và còn phải biết mình đang nói chuyện với ai chứ.

Khi còn trẻ và chưa lập gia đình, tôi thường giải trí bằng cách đọc mục tin tức của Rome trong báo, kể đủ loại bất hạnh có thể xảy tới cho con người : trộm cắp, sát nhân, tự tử, tai nạn giao thông, vân vân. Và giữa những tai ương này, điều duy nhất tôi cho là không thể nào chịu để xảy đến cho mình, là trở thành cái mà nhà báo gọi là "trường hợp đáng thương", tức là một người gọi lên lòng thương hại của kẻ khác không vì một bất hạnh gì đặc biệt, mà chỉ vì sự hiện hữu của mình thôi ! Tôi vừa nói là hồi đó còn trẻ, và chưa hiểu thế nào là nuôi nấng một gia đình đông đúc. Nhưng bây giờ, tôi nhận thấy một cách hãi hùng rằng từ từ, tôi biến thành một trong những "trường hợp đáng thương" đó. Ví dụ tôi đọc thấy : "Họ sống trong sự khốn cùng đen tối nhất"... Vậy mà hiện tại tôi đang sống trong cảnh tăm tối khốn cùng nhất. Hay là : "Họ ở trong cái nhà chỉ có tên gọi là nhà". Vậy mà tôi sống ở Tormarancio, với vợ và sáu con, trong một

căn phòng chỉ rộng bằng tấm nệm, và khi trời mưa thì nước chảy đầy phòng như trên bến Ripetto. Tôi còn đọc thấy : "Khi người đàn bà bất hạnh biết mình có bầu, bà ta vội lấy một quyết định tội lỗi là hủy diệt cái quả của tình yêu đó đi"... Vậy mà quyết định này, vợ chồng tôi cùng đồng lòng, khi khám phá ra rằng vợ tôi có bầu lần thứ bảy. Tóm lại, chúng tôi định là khi thời tiết cho phép, sẽ mang đứa bé bỏ trong một nhà thờ, trông nhờ vào lòng hảo tâm của người nào bắt gặp nó đầu tiên.

Như mọi lần, nhờ các bà trong ban cứu tế ấy, vợ tôi đi sinh ở bệnh viện, và khi lấy lại sức thì trở về Tormarancio với đứa bé. Bước vào căn phòng của chúng tôi, vợ tôi nói :

- Nhà biết không, mặc dầu bệnh viện luôn luôn là bệnh viện, tui sẵn lòng ở lại đó hơn là về đây.

Với những lời đó, đứa bé làm như hiểu được, bèn tán công bằng những tiếng ré thủng màng nhĩ. Một thằng lỏi khỏe phổi ra gì, và giọng nó tốt đến nỗi ban đêm thức giấc và bắt đầu mè nheo thì không ai trong chúng tôi ngủ lại được.

Vào tháng năm thời tiết bắt đầu ấm áp có thể ở ngoài mà không cần mặc tã, chúng tôi đi Rome. Vợ tôi ôm chặt đứa bé vào ngực, ních cho nó đầy giẻ rách như thể sắp bỏ nó giữa đồng tuyết. Và khi tới thành phố, chắc là để giấu nỗi đau lòng, vợ tôi bắt đầu thao thao bất tuyệt, hỏn hển đứt hơi, tóc tai bay trong gió, mắt lộn tròng. Khi thì bà nói về các nhà thờ khác nhau mà chúng tôi có thể bỏ đứa bé lại đó, giải thích rằng phải là một nhà thờ thường có nhiều người giàu có tới lui - bởi vì nếu đứa bé rơi vào tay người nghèo như chúng tôi thì tốt nhất là cứ giữ nó lại. Khi thì bà nói rằng phải là nhà thờ hiến cho Đức Bà, bởi vì Thánh Mẫu cũng từng có một đứa con

trai nên có thể hiểu được một số chuyện và sẽ nhận lời cầu xin của bà...

Sự liên tưởng này làm tôi mệt và bị kích động dữ dội. Lại nữa là tôi không hãnh diện gì và không thích việc mình đang phải làm chút nào. Nhưng tôi không hé môi, tự nhủ thậm là phải giữ cái đầu thật lạnh, chứng tỏ mình trầm tĩnh và giúp vợ can đảm.

Tôi đưa ra vài nhận xét, với mục đích chính là cắt đứt cái trò tràng giang đại hải ấy, nói :

- Tôi có ý này... nếu mình bỏ nó ở nhà thờ Thánh Pierre ?

Nhà tôi lưỡng lự một chút rồi nói :

- Cái nhà thờ đó thênh thang như là quân trường... dám không ai trông thấy thằng bé lắm... Không, tui muốn thử cái nhà thờ nhỏ khu Condotti. Ở đó toàn là tiệm hàng rất đẹp... biết bao nhiêu người giàu có tới lui... chỗ đó tốt đấy...

Chúng tôi đi xe buýt, và vì có hành khách khác, nhà tôi im. Thỉnh thoảng bà còn quần đũa bé trong chần chặt hơn, hay cần trọng giờ hé ra nhìn mặt nó. Thằng bé ngủ, khuôn mặt xinh xắn trắng hồng vui trong đồng tử lót. Quần áo nó tồi tàn như chúng tôi, chỉ có vẻ dàng hoàng ở đôi găng tay len xanh nhạt thò ra ngoài nên cứ thế như nó muốn khoe.

Chúng tôi xuống đại lộ Goldoni và tức thì vợ tôi bắt đầu cà kê đề ngỗng. Bà dừng lại trước một tiệm kim hoàn, chỉ cho tôi xem những món bày trên tấm nhung đỏ trong tủ và nói :

- Nhìn mấy món đẹp quá nè ... người ta đến khu này chỉ để mua nữ trang và bao nhiêu thứ sang trọng khác... người nghèo như tui



mình thì đừng có mạo hiểm vào đấy... họ thì giữa tiệm này tiệm kia lại vào nhà thờ cầu nguyện một lát... họ đầy lòng từ thiện... một trong bọn họ sẽ trông thấy thằng bé và đem nó đi.

Nhà tôi vừa nói vừa nhìn đồ nữ trang, ép chặt thằng bé vào ngực, mày nhúu lại như thể nói với chính mình, và tôi không dám hó hé gì. Chúng tôi vào nhà thờ : nó nhỏ xíu, tượng dát đá hoa giả màu vàng, ngoài bàn thờ lớn ra còn có rất nhiều bệ nguyện. Nhà tôi liền tuyên bố là nó hoàn toàn khác với hình ảnh nhà tôi nghĩ, và rằng bà không hài lòng về nó chút nào. Vậy mà bà cũng chấm tay vào nước phép và làm dấu thánh giá. Rồi, với đứa bé trong tay, nhà tôi đi chậm chậm một vòng quanh nhà thờ với vẻ bất mãn nghi ngại. Từ vòm nóc đổ xuống một luồng ánh sáng lạnh nhưng sống động, xuyên qua lớp kính màu. Vợ tôi đi từ bệ nguyện này đến bệ nguyện khác, thám thính hết mọi thứ, ghế, bàn thờ, tranh ảnh, coi thử có tiện bỏ đứa bé lại đây không - còn tôi thì lẻo đẻo theo sau cách một quãng, vừa nhìn chừng cửa ra vào. Một cô gái cao lớn ăn vận toàn đồ, tóc vàng óng bước vô. Hơi vương vãi cái rộp chặt bó, cô ta quỳ gối và sau vài giây cầu nguyện, cô làm dấu rồi bỏ đi ra, không thèm nhìn chúng tôi lấy một cái. Theo dõi mọi cử chỉ đó, vợ tôi thỉnh thoảng nói :

- Không, nhất quyết là không... những người tới đây đều như cái cô đó hết, ai cũng vội vã đi chơi và la cà trong các cửa hàng... mình đi thôi !

Và vừa nói, vợ tôi bước ra khỏi nhà thờ.

Chúng tôi ngược lên gần hết Corso, bước rất nhanh, vợ đi trước, tôi theo sau, và ngang tới quảng trường Venise, chúng tôi vào một nhà thờ khác. Nhà thờ này lớn hơn cái trước nhiều, một phần chìm trong bóng râm, đầy màn trướng xếp nếp, đồ mạ vàng và hòm thánh tích đựng những quả tim bằng bạc sáng lấp lánh trong bóng tối. Có

rất đông người và chỉ một cái nhìn thoáng qua cũng đủ biết là họ thuộc thành phần khá giả. Các bà đội mũ, các ông ăn bận chỉnh tề. Một ông linh mục đang giảng đạo, vung vẩy hai tay trên giảng đài. Thiên hạ đứng, dán mắt vào ông ta và tôi nghĩ là rất thuận tiện bởi không ai để ý chúng tôi. Tôi nói nhỏ với vợ :

- Mình thử bỏ nó ở đây ?

Nhà tôi ra dấu đồng ý. Chúng tôi đi tới một bệ nguyện bên hông, rất tối. Không có ma nào và có thể nói là không trông thấy gì ở đó hết. Vợ tôi che mặt đứa bé bằng một vật chắn và đặt nó trên ghế như thể đặt một cái gói cồng kênh cho rảnh tay. Rồi bà quỳ xuống cầu nguyện rất lâu, úp mặt vào lòng bàn tay. Tôi thì không biết làm gì, nhìn vợ vẫn vào hàng trăm con tim bạc đủ cỡ phủ kín tường. Cuối cùng vợ tôi đứng lên với vẻ căng thẳng, làm dấu rồi từ từ rời bệ nguyện. Tôi theo sau cách một quãng. Lúc đó ông cha đạo kêu to lên : "Và Chúa hỏi : Pierre, con đi đâu đấy ?". Tôi rùng mình với cảm tưởng ông đang hỏi mình. Nhưng khi vợ tôi sắp vén tấm trướng cửa, một giọng nói làm cả hai chúng tôi giật nảy người :

- Này bà, bà bỏ quên cái gói gì trên ghế.

Một bà vận toàn đen, một trong những kẻ mê đạo suốt ngày tiêu thì giờ trong các nhà thờ và kho đồ lễ. Vợ tôi nói :

- Aø vâng đúng rồi, cảm ơn... tôi quên mất.

Chúng tôi lấy lại cục nợ và ra khỏi thánh địa, dở sống dở chết.

Ra tới ngoài, bằng giọng của một kẻ bán hàng muốn tổng bồiôi khừ món hàng đi mà không tìm ra người mua, vợ tôi nói :

- Chẳng ai thèm nó cả, tội nghiệp thằng bé của tôi !

Rồi bà bắt đầu chạy lon ton với những bước chân giật giật từng cơn không bén đất.

Chúng tôi đổ ra quảng trường Saints-Apôtres. Nhà thờ mở cửa, khi vào thấy nó rộng mênh mông và tối, vợ tôi thầm thì : "Ở đây tốt đấy". Bằng một bước cả quyết, vợ tôi tiến tới bệ nguyện cạnh bên, đặt đứa bé xuống bệ, rồi làm như bị đất nung chân, bà không làm dấu, không cầu nguyện, không đặt ngay cả một cái hôn lên trán thằng bé, bước vội ra cửa. Nhưng vừa đi được vài bước thì trong nhà thờ dội lên tiếng khóc tuyệt vọng : đã tới giờ thằng bé đòi bú, nó đói. Với tiếng ré chát chúa đó, vợ tôi mất bình tĩnh. Trước tiên nhà tôi chạy ra cửa, rồi chạy ngược trở lại, rồi không cần biết mình đang ở đâu, bà ngồi xuống ghế bồng đứa bé lên và mở cúc áo ra cho nó bú. Vợ tôi vừa mới móc vú ra là thằng bé bám riết với cả hai tay như con sói con, ư hử im lặng. Đúng lúc ấy một giọng giận dữ la lên :

- Không bao giờ được làm mấy trò đó trong nhà Chúa... ra ngay... ra ngay... đi ra đường mà làm !

Trời đất, ông giữ nhà thờ, một ông già nhỏ bé với chòm râu cằm trắng và giọng nói to hơn thân hình. Vợ tôi vừa đứng lên vừa nói, hai tay khép vội ngực áo và đầu thằng bé :

- Vậy mà trong tranh Thánh Mẫu luôn luôn cho con bú.

Ông ta la lên :

- Mà dám so sánh với Đức Mẹ hả ? Đồ mất dạy !

Chán quá, chúng tôi ra ngồi trong cái vườn nhỏ ở quảng trường Venise, vợ tôi cho con bú tiếp cho tới khi nó no nê ngủ lại.

Bây giờ đêm xuống rồi, các nhà thờ đều đóng cửa, chúng tôi mệt lử và đầu óc mê muội không nảy sinh được một điều gì nữa. Với ý nghĩ đã phiền phức nhiều để làm cái việc đáng lẽ không nên làm, tôi cảm thấy tuyệt vọng, bảo :

- Này, khuya rồi và tui không chịu nổi nữa... mình phải quyết định đi thôi !

Vợ tôi trả lời với giọng chua chát :

- Nhưng nó là giọt máu của ông !... và ông muốn bỏ nó như vậy hả, trong một góc, như người ta để một chéو giấy đựng đồ lòng cho mèo vậy !

- Tất nhiên là không, nhưng có những việc người ta có thể làm tức khắc không đắn đo hay là không bao giờ làm cả.

- Thực tình là ông sợ tui đổi ý đem nó về nhà trở lại chứ gì... đàn ông các ông, toàn là những thằng hèn !

Tôi hiểu không phải là lúc nói ngược lại nên trả lời một cách khá ung dung :

- Tui hiểu bà. Nhưng nên biết là dù có việc gì không hay xảy ra cho nó đi nữa thì cũng còn tốt hơn là lớn lên ở Tormarancio, trong một căn phòng không cầu tiêu, không nhà bếp, giữa bao nhiêu vi trùng mùa đông và ruồi muỗi mùa hè.

Và lần này thì vợ tôi không trả lời.

Không biết đi đâu, chúng tôi lấy quốc lộ ngược lên hướng tháp Néron. Tôi để ý thấy xa hơn một chút có con đường dốc nhỏ, hoàn toàn vắng vẻ, trừ một chiếc xe hơi xám cửa đóng, đậu trước cổng

nhà. Tôi nảy ra một ý, tới thẳng chiếc xe vận cái nắm tay : cửa mở.  
Tôi bảo vợ :

- Nhanh lên, lúc này được rồi. Đặt nó lên ghế sau.

Nhà tôi vâng lời đặt đứa bé lên ghế và tôi đóng cửa lại. Mọi việc xảy ra chớp nhoáng trong vòng vài giây đồng hồ không ai trông thấy. Rồi tôi nắm cánh tay vợ, chúng tôi chạy tránh xuống quảng trường Quirinal.

Quảng trường vắng vẻ tối om, thừa thớt vài ngọn đèn đường chiếu sáng dưới vòm các dinh thự, và bên trên dãy lan can là ánh sáng của Rome lấp lánh trong đêm. Vợ tôi bước tới vòi nước dưới cột tháp, ngồi xuống băng ghế, rồi thốt nhiên bật khóc, lưng quay lại tôi như thể bà chỉ một mình. Tôi hỏi :

- Chuyện gì vậy ?

Nhà tôi trả lời :

- Bây giờ bỏ nó rồi thì tui nhớ nó quá... tui thấy thiếu thiếu cái gì ở đây, chỗ ngực mà nó bầu vào đây này.

Tôi nói không chủ định :

- Ô, thì cũng dễ hiểu thôi... nhưng rồi sẽ qua đi.

Vợ tôi nhún vai, cứ khóc. Rồi thỉnh thoảng mắt nhà tôi ráo hoảnh như gió trời thổi khô nước mưa, bà đứng lên giận dữ chỉ cho tôi một trong những lâu đài :

- Bây giờ tui biết phải đi đâu rồi, tui đi gặp ông vua và sẽ kể hết.

Tôi nắm tay nhà tôi la lên :

- Đứng yên ! bà điên sao chứ... bà biết thừa là không còn vua nữa mà !

- Tui đếch cần, tui sẽ nói với người thay thế ông... chắc chắn là phải có ai chứ !

Nhà tôi sắp chạy tới cổng ra vào và chỉ có trời mới biết chuyện khủng khiếp gì sẽ xảy ra, thì dừng một cái, ngoài dự tính, tôi buột miệng :

- Này bà, tui suy nghĩ lại rồi... mình quay tới chiếc xe lấy lại thằng nhỏ... chứ gì nữa, mình sẽ giữ nó... thêm bớt một miếng thì nhằm nhò gì...

Điều đó đương nhiên là ý muốn chính của vợ tôi, nó xoá liền cái ý nghĩ muốn nói chuyện với vua.

- Nhưng liệu nó còn đó không ?

Vừa nói vợ tôi vừa chạy tới con đường có chiếc xe hơi xám. Tôi trả lời :

- Dĩ nhiên là còn. Nãy giờ chưa tới năm phút mà.

Chiếc xe còn đó thật. Nhưng đúng lúc vợ tôi mở cửa xe thì một ông cỡ trung niên béo lùn với vẻ mặt rất hách dịch, xuất hiện ở cổng và la lên :

- Ngừng lại... ngừng lại... bà muốn lấy gì trong xe tôi đây ?

Đang nhào người vào xe ôm đưa bé, nhà tôi trả lời mà không quay đầu lại :

- Tui muốn lấy cái gì của tui !

Ông kia nhấn mạnh :

- Mà bà lấy cái gì ?... xe này là của tôi... bà hiểu không, nó là của tôi...

Phải nhìn thấy vợ tôi lúc đó : bà đứng thẳng lên và tấn công như vậy :

- Coi kìa, ai lấy cái gì của ông ? Đừng sợ, không ai lấy gì của ông đâu... còn xe của ông đấy hả, coi nè, tui nhổ lên nó đấy, ông thấy chưa ?

Và bà nhổ thật lên cánh cửa. Ông kia ngăn ra :

- Nhưng mà kìa, cái gói gì đấy... ?

- Không phải gói gì cả, đây là con trai tui, ông nhìn nè...

Vừa nói nhà tôi vừa dõ lời mặt thẳng bẻ ra chìa tới trước mặt ông ta, tiếp :

- Một thằng con trai xinh xắn như vậy, bộ ông cho là ông có thể đẻ ra một đứa như vậy với vợ ông hả... và đừng tưởng là đụng được tới tui, nếu không tui sẽ la lên gọi cảnh sát và nói là ông muốn bắt cóc con tui...

Tóm lại, nhà tôi nói đủ điều, tới nỗi mà, tội nghiệp ông đó, ông đỏ mặt tía tai và mồm há hốc như thể bị xuất huyết não.

Cuối cùng nhà tôi thông thả bỏ đi, con trong tay, trở lại chỗ tôi đang chờ ở cuối đường.

**MIÊNG**

*Dịch theo bản tiếng Pháp của Claude Poncet :*

*"Le Bébé",*

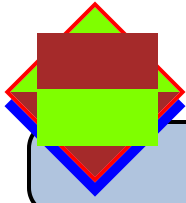
*Paris, Aout 1995*

### **MORAVIA, Alberto (1907-1990)**

Viết truyện, tiểu luận và làm thơ. Tên thật là Alberto Pincherle, có lẽ Alberto Moravia là văn sĩ nổi danh nhất trong các nhà văn Ý đương thời. Sinh tại Rome, ông bước vào văn học và nổi tiếng rất sớm : tập thơ đầu ("*Dicioto liriche*") ra đời ở tuổi 16, và quyển tiểu thuyết đầu tay ("*Les Indifférents*") năm ông mới 19 tuổi, báo hiệu một sự nghiệp lâu dài, với nhiều giai đoạn. Mười hai năm đầu, bị đánh dấu bởi bệnh lao xương và chủ nghĩa phát xít, tác phẩm của ông biểu hiện một thế giới quan khá tiêu cực, một sự thận trọng bắt buộc ; cũng trong thời kỳ này, mối ác cảm của chính quyền buộc ông phải lánh nạn trong vùng phụ cận Rome. Cuộc sống gần gũi với thiên nhiên và thành phần nông dân, rất cuộc, mang lại một kinh nghiệm phong phú cho giai đoạn sau. Khi chủ nghĩa phát xít chấm dứt cùng với bệnh lao, tác phẩm của ông cũng đồng thời được giải thoát khỏi những hạn chế của quan điểm trí thức tư sản lúc trước. Ông viết về nơi chôn nhao cất rồn của mình với cặp mắt của một nông dân thành phố. Từ thập niên 1960, cùng với sự khám phá ra những chân trời mới, về địa dư (Liên Xô, Ấn Độ, Phi Châu...) cũng như về nghệ thuật (điện ảnh, kịch nghệ), người "nông dân của Rome" cũng thoát xác thành nhà văn hiện thực và mạnh bạo của thế giới hiện đại, với tài phân tích tâm lý sắc bén và một khuynh hướng triết lý đậm nét. Tác phẩm của ông được dịch ra nhiều thứ tiếng. Giai đoạn đầu : "*La Belle vie*", "*L'amant malheureux*", "*L'Épidémie*", "*L'Espérance*"... Giai đoạn giữa : "*Agostino*", "*La Désobéissance*",



*"La Belle romaine", "Le Conformiste", "La Ciociara"... Giai đoạn sau :  
"Le Mépris", "L'Ennui", "L'Automate", "L'Attention", "L'Homme"...*



Shiga Naoya - 1904

## CON BÉ VÀ CÂY HOA CẢI DẦU

**H**ôm đó là buổi chiều xuân trong sáng êm đềm. Một con bé đang nhặt củi đóm trên sườn núi.

Chập sau, khi ráng chiều đỏ thắm xuyên qua các tầng cây thưa thớt, con bé đem mớ củi nhặt được xuống đồng cỏ, bắt đầu sắp vào giỏ trên lưng.

Thình lình, con bé có cảm tưởng như nghe như ai gọi mình.

- Hà ?

Con bé buột miệng. Nó đứng lên nhìn chung quanh nhưng chẳng thấy người nào.

- Ai gọi tôi ?

Con bé lại lớn giọng hỏi nữa. Nhưng cũng chẳng ai trả lời.

Sau hai ba lần có cảm tưởng đó, con bé chợt phát hiện là tiếng gọi phát ra từ cây hoa cải dầu nhỏ đơn độc đang ngẩng đầu lên trong đám cỏ dại.

Con bé lau mặt với tấm vải quàng đầu rồi nói :

- Tao nghĩ chắc mày cô độc lắm trong một chỗ như vậy.

Cây hoa trả lời với giọng thân mật :

- Em rất cô độc.

Con bé hỏi với giọng quở trách :

- Vậy sao mày đến đây làm chi ?

- Một hạt dính vào ngực con chim chiến chiến rồi rớt xuống đây.  
Em làm gì được !

Cây hoa nói một cách buồn rầu. Rồi nó nhờ con bé mang nó theo xuống làng dưới chân núi, nơi nó có nhiều đồng loại.

Con bé thấy xót xa cho cây hoa cải dầu, quyết định làm nó thoải mái. Khẽ khàng gỡ khỏi đất, con bé cầm nó trong lòng tay khum khum và xuống đường núi về làng.

Dọc đường, một con suối nhỏ trong veo chảy róc rách. Thời gian trôi qua. Cây hoa nói :

- Tay chị nóng khủng khiếp. Em thấy đầu nặng quá, không ngẩng thẳng lên được.

Theo mỗi bước đi của con bé, cây hoa yếu ớt lắc lư cái đầu rũ gục.

Cả chập lâu, con bé không biết phải làm gì.

Rồi tình linh con bé nảy ra một ý tuyệt vời. Vội vàng ngồi xổm xuống bờ đường, con bé lạng lẽ ngâm rễ cây hoa vào nước.

- Aaa !

Cây hoa thốt lên với giọng hồi sinh, sôi nổi. Nó nhìn lên con bé. Nhân đó con bé nói như truyền lệnh :

- Từ chỗ này, mày cứ đi theo nước.

Lắc đầu một cách khó khăn, cây hoa nói :

- Lỡ bị cuốn đi cách xa chị quá, em sợ chết !

- Không việc gì phải sợ cả.

Con bé vừa nói vừa thả trôi cây hoa.

- Em sợ ! Em sợ !

Bị dòng nước cuốn đi tức khắc, cây hoa ré lên hãi hùng khi thấy nước kéo mình càng lúc càng xa con bé. Nhưng con bé không nói không rằng, vòng tay ra sau lưng sửa lại cái giỏ nhảy nhót trên lưng và chạy theo sau.

Cây hoa thở dài nhẹ nhõm. Rồi vui vẻ từ mặt nước nhìn lên, nó nói với con bé đủ thứ chuyện.

Một con bướm từ đâu bay tới dập dờn vui nhộn. Nó phá phách, vỗ nhẹ cánh nhảy nhót quanh đầu cây hoa. Cây hoa có vẻ khoái chí. Nhưng rồi con bướm rộn ràng bất định đó lại bay đi chỗ khác.

Thấy trên chóp mũi con bé lốm đốm mồ hôi như những hạt trân châu, cây hoa nói với giọng ái ngại :

- Bây giờ tới phiên chị cực quá.

Con bé trả lời ngắn gọn :

- Đừng lo cho tao.

Ngỡ bị mắng, cây hoa im lặng.

Một lát sau con bé giật nẩy mình vì tiếng kêu thét của cây hoa. Rẽ nó bị vướng vào đám cỏ dại nhấp nhô trên giòng nước như một suối tóc dài, cây hoa ráng cựa quậy đầu ra trước ra sau, kiệt sức.

- Được rồi. Yên đó một lát.

Hụt hơi, con bé ngồi xuống tảng đá bên bờ suối.

- Làm sao em yên được với chân căng vướng víu như thế này ? Em thấy chẳng thoải mái chút nào.

Giọng phàn nàn của cây hoa càng lúc càng tha thiết. Con bé đáp :

- Mà như vậy là khỏe rồi.

- Em không khỏe. Dừng lại thì tốt, nhưng kiểu này thì khiếp lắm. Làm ơn, chị làm ơn vớt em lên.

Cây hoa nài nỉ, nhưng con bé không muốn nghe, chỉ mỉm cười nói :

- Mà như vậy được mà.

Chẳng bao lâu sức mạnh giòng nước làm rẽ cây hoa trượt ra. Với giọng khản trương chói tai " Em bị cuốn đi đây này ", một lần nữa cây hoa lại bị cuốn xuôi theo giòng. Giật mình, con bé chạy theo.

Khi còn cách nhau không bao xa, cây hoa rụt rè nói :

- Cực chị quá !

- Không sao cả.

Con bé dịu dàng trả lời. Rồi vì cây hoa không còn lo âu nữa, nó chạy trước cách xa khoảng chừng mười lăm bộ.

Đã trông thấy làng dưới chân núi. Con bé nói to :

- Không còn bao xa nữa.

- Ờ há !

Cây hoa trả lời đằng sau. Chúng không nói gì với nhau một lát. Âm thanh duy nhất là tiếng lách tách, lách tách của đôi dép rơm con bé chạy, trộn lẫn với tiếng róc rách của suối.

"Chaach" ! Tiếng nước toé lên bất ngờ dưới chân con bé. Cây hoa kêu thét lên như thể sắp chết. Con bé giật mình dừng lại nhìn ra sau. Từng cánh hoa lá tái mét vì sợ, cây hoa gượng lên khỏi mặt nước la bải hải "Nhanh lên ! Nhanh lên !". Con bé vội vàng kéo nó ra khỏi nước.

- Chuyện gì vậy ?

Nâng niu cây hoa vào ngực, con bé quay nhìn giòng nước sau lưng.

- Có cái gì phóng ra từ chân chị đấy.

Cây hoa nói giọng hỗn hển :

- Con cóc cáy đấy, chị. Nó ngụp xuống một lần rồi bắt thần ở đâu trời lên trước mặt em. Thiếu chút nữa là dám mặt tụi em chạm vào nhau. Miệng nó nhọn và có vẻ cáu kỉnh như con yêu Hà Bá vậy.

Nghe cây hoa nói, con bé cười vang. Cây hoa nói giọng trách móc :

- Đâu có gì tức cười đâu. Nhưng mà khi em ré, con cóc giật mình đấy. Nó mắt hồn mắt vía lặn xuống.

Nói tới đây thì cây hoa cải dầu cũng cười vang lên.

Chẳng bao lâu, chúng về tới làng.

Con bé tức khắc trồng cây hoa trong đám đất sau nhà.

Không giống trên sườn núi khô cằn đầy cỏ dại, ở đây đất đai màu mỡ. Cây hoa cải dầu lớn nhanh như thổi.

Và ở đó, giữa bạn bè với đồng loại, cây hoa cải dầu mãi mãi sống yên vui hạnh phúc.

## MIÈNG

*Dịch theo bản tiếng Anh của Lane Dunlop :*

*"The Little Girl and The Rapeseed Flower".*

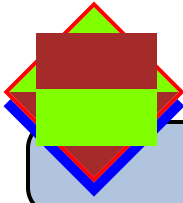
*Paris, Février 1998.*

## SHIGA Naoya (1883-1971)

Viết truyện ngắn và truyện dài. Shiga Naoya được xem là "vua truyện ngắn", là nhà văn tiêu biểu của loại tự truyện, là một "thánh chủ" của nền văn học Nhật hiện đại. Ông theo học đại học Tokyo, nhưng không tốt nghiệp ngành nào. Ông bắt đầu viết từ năm 21 tuổi : *"Con bé và cây hoa cải dầu"* là truyện ngắn đầu tay. Sự nghiệp viết văn của ông chịu ảnh hưởng nặng nề và phản ánh một đời sống gia đình bất hạnh : mất mẹ năm 12 tuổi, ông có những quan hệ sóng gió với bố, đi tù xung khắc đến đoạn tuyệt, rồi hoà giải. Tác phẩm của ông - phần lớn đã được dịch ra Anh ngữ - có thể được chia làm 3

loại : loại dựa trên kinh nghiệm và quan sát ("*As far as Abashiri*", "*An Incident*"...) ; loại dựa vào đời sống tư tưởng và trí tưởng tượng ("*The Little girl and the Rapeseed Flower*", "*The Razor*", "*Han's crime*"... ) ; và loại ít nhiều là tự truyện ("*The Death of my mother and the new mother*", "*Reconciliation*", "*The Paper door*"...)





Nabil Naoum

## GIẾNG NƯỚC

**B**ác sĩ Amad lấy ống dòm ra khỏi bọc, chăm chú quan sát cái chấm kỳ bí xuất hiện ở đằng xa, hầy còn khó phân biệt. Điểm đó trở thành mối hy vọng duy nhất của anh từ khi chiếc xe bị hỏng. Nước dự trữ gần hết mà chung quanh là sa mạc khô cằn vô tận.

- Có thể có tên du mục nào ở đó chăng ?

Anh nói với vợ, về bọc bọc. Đây là chuyến du lịch đầu tiên họ đi với nhau sau lễ kết hôn mấy tháng.

Lần đầu tiên Samia nhìn thấy vùng ốc đảo, cũng là kinh nghiệm đầu đời trên những con đường bất an như vậy, và thái độ của chị trước tình huống này đã khiến chồng bực bội, sự bực bội mà anh đổ lỗi là do tính trẻ con và sự không ý thức được thực tế vấn đề của vợ.

- Chắc là một giếng nước hay cái lều.

Anh vừa lặp lại vừa sỏi bước xuống những đụn cát di động ngăn cách giữa họ với cao nguyên tận chân trời, chỗ vừa phát hiện cái điểm kỳ bí qua ống dòm.

- Sao không ở cạnh xe chờ có xe nào khác tới ?

Samia hỏi, khó nhọc theo chân chồng trong một cuộc viễn du không có điểm mốc này. Amad trả lời khô khan :

- Và để chết bên cạnh nó ! Cả đêm qua, rồi suốt từ sáng tới trưa ... và bây giờ thì mặt trời ở ngay trên đỉnh đầu, mà mình cũng chẳng thấy một bóng xe hay bóng ma nào !...

Anh dừng lại để nhìn lần nữa vào ống dòm. Bây giờ anh có thể thấy rõ một thân cây nhỏ gần cái điểm sậm màu.

- Samia, mình lạc mất con đường chính rồi...

Amad nhắc đi nhắc lại những tiếng anh đã thốt ra không biết bao nhiêu lần. Và cũng bao nhiêu lần rồi anh đã chỉ trở suốt đêm trên bản đồ, dưới ánh sáng đèn pin, con đường kia đáng lẽ phải theo, và con đường chẳng dẫn đến đâu này mà không may họ đã chọn.

- Và mình cũng chẳng biết đã tách khỏi con đường đúng bao xa !

Thình lình Amad im lặng, phải nói chuyện, cộng với cố gắng nhắc bước trong cát, với sự mệt mỏi và nỗi lo âu, làm anh thấy trong người khó chịu. Anh đưa tay lên ngực và cơn suy kiệt buộc anh phải tựa vào tay Samia rồi ngồi bệt xuống cát. Cổ họng khô khốc, Amad thì thào :

- Huyết áp lại hạ... Anh sợ chết mất... Phải tiếp tục...

Vài phút sau Samia giúp chồng đứng lên và khuyến khích anh đi tiếp tới đích đã nhắm. Hai vợ chồng lại lên đường.

Amad tưởng tượng đủ mọi chuyện có thể xảy ra mà không nói cho Samia nghe vì nói thì anh mệt... Chắc đó là một nguồn nước... Có cả vài tên du mục ở đấy cũng nên, để dẫn mình ra đường lớn... Chớ phải chết như thế này thì buồn qua. Cũng có thể chẳng có ma nào... Nhưng nếu có người thì có nên cùng đi tới đó... hay tốt hơn là mình đi trước còn Samia chờ ở đây...

- Em nên cởi nhẫn cưới và chiếc đồng hồ vàng ra.

Cuối cùng anh thốt lên, rồi tự tay lột đồng hồ và dây xích bằng vàng ra. Samia không có cùng nỗi sợ, nhưng chị làm theo để chồng khỏi thêm lo lắng.

Khoảng cách giữa họ và điểm cứu tinh rút ngắn lại. Cạnh cái thân cây, bây giờ trông rất rõ, là một căn lều vải màu, chung quanh có vài con dê đang gặm cỏ. Và còn nữa : bên cạnh là gờ miệng giếng đá gây cho Amad một nỗi hạnh phúc vô biên.

- Một cái giếng. Anh hớn hờ nói, rồi...

- Tạ ơn Trời ! Những chữ đó tủa ra khỏi miệng anh, và Samia nhận ra âm hưởng của một lời cầu khẩn.

- Anh chắc chắn mà. A, nếu tụi mình đi từ lúc rạng đông... thì đã không phải chờ muốn chết như thế này. Giọng anh lại bắt đầu có hơi hướng phàn nàn trách móc.

Mỗi một vì những trò đó, Samia không nói gì. Amad không ngớt nói về mình, về các đức tính và những thành công của mình... Đối với chị, niềm vui trông thấy cái giếng gắn liền với cảnh lộng lẫy hoang dã của sa mạc. Từ lúc xe hỏng, không lúc nào chị nghĩ tới cái chết. Họ còn một bình nước đầy, đủ sống vài ngày, và một ít lương thực. Thêm vào đó là cuộc du hành mà ngay từ đầu, đối với chị, cũng ít thú vị như khoảng đời đã sống mấy tháng qua : Amad biết hết mọi điều, quyết định hết mọi chuyện, và giải quyết hết mọi sự. Lúc đầu chị thử phát biểu vài ý kiến, nhưng rồi để tránh đụng chạm, chị luôn luôn thuận theo ý chồng.

Chỉ còn vài phút nữa là họ tới lều mà bật không thấy ai xuất hiện. Để trấn an, Amad đặt tay một cách máy móc lên dây nịt có đeo con dao mà cho tới lúc đó chỉ dùng để lột vỏ cam hay cắt pho mát.

- Là coi thử xem nó còn đó không. Anh nói với Samia khi bắt gặp chị trở mặt nhìn. Ở đây không có chó !... Cái lều này bỏ hoang chắc ? Nỗi lo sợ lại xâm chiếm anh.

- Nhưng mà mấy con dê... Anh nói tiếp.

Từ nãy giờ Samia không nghe anh nữa, chị bị thu hút bởi tình cảnh lạ lùng mà mình đang sống. Giữa sa mạc hoang vu này, ai có thể ở trong căn lều này và... còn sống ?

Với vẻ thận trọng, Amad tiến tới căn lều. Anh đập tay vào nhau nhiều lần để báo động với người bên trong. Không ai trả lời. Anh liếc nhìn Samia cũng đang tiến tới lều và khẽ dờ tấm thảm dùng làm rèm cửa lên. Ánh sáng chan hoà tràn vào lều giúp chị phân biệt được, sau cái nhìn bao quát, một người đàn ông nằm ngủ trong góc, phần lớn khuôn mặt dưới chăn. Dù vậy, chị cũng nhận thấy diện mạo thanh tú của ông ta : nếu chẳng còn trẻ thì chắc chắn cũng không quá năm mươi. Chị cảm thấy Amad đứng bên cạnh và anh tiếp tục đập tay vào nhau để đánh thức người đang ngủ. Chị bảo :

- Khẽ thôi, ông ta đang ngủ.

- Phải đánh thức ông ta dậy. Này Cheikh, bậc đáng kính ! Anh kêu lớn giọng.

Người đàn ông khó nhọc mở mắt nhìn chỗ ra vào có hai người lạ mặt đang đứng trong ánh sáng chói chang.

- Chào Cheikh, bậc đáng kính của dân tộc Ả Rập <sup>[1]</sup> ! Amad nói từ cửa lều.

- Chào ông bà. Người đàn ông vừa thì thào vừa kéo tấm che mắt để ngủ ra, lộ khuôn mặt với những đường nét đều đặn. Ông ta ráng ngồi lên mà không được.

- Người này bị bệnh. Samia vừa nói vừa tiến tới.

- Khoan đã... Amad nhanh nhẹn níu chị lại, không cho tới gần.

- Chúng tôi lạc đường, Cheikh ạ, Amad tiếp, ... và gần hết nước rồi. Ông có nước không ? Ông có biết đường Farafra ở đâu không ? Ông có biết chỗ nào tìm ra xăng không ?

Những câu hỏi dồn dập và người đàn ông không trả lời. Mắt ông ta lại nhắm nghiền và không cử động nữa.

- Người này bị bệnh. Samia vừa nói vừa bước vào lều. Chị quý xuống bên cạnh người đàn ông :

- Chào tôn sư <sup>[2]</sup>. Chị nói dịu dàng.

Người đàn ông mở mắt ra rất khó nhọc để trả lời tiếng chào. Ông ta lại cố ngồi lên, lại cũng không được.

- Bệnh hả ? Vừa nói chị vừa đưa tay sờ cái trán nóng bỏng với mồ hôi vã ra vì cố gắng vừa rồi.

Amad nhủ thầm : Lại một tai họa nữa rồi... Vị cứu tinh của ta phải được cứu chữa trước đã...

- Khám bệnh cho ông ta đi, Amad. Samia bảo.

Amad từ từ tiến lại phía họ và quỳ xuống bên cạnh người đàn ông để sờ trán ông ta :

- Tôn sư đau bệnh gì ?

Amad vừa nói nhanh vừa đảo mắt dò la bên trong căn lều. Chỉ có cái thùng nhỏ, vài cái đai da, mấy mẩu gỗ, và hai bình nhựa đựng nước. Amad chồm tới nhấc bình lên coi thử có đầy không, và trọng lượng của chúng làm anh yên bụng. Anh hỏi người đàn ông :

- Trong giếng có nước không ?

- Có.

- Ông có biết đường Farafra ở đâu không ?

- Biết.

- Chúng ta đang ở đâu đây ? Gần đây có trại lính không ? Ai có thể giúp chúng tôi ?

Người đàn ông lại gượng ngồi dậy, lại vẫn không được. Ông ta khó nhọc nói :

- Trại lính... cách đây chừng hai... giờ đường, về phía tây.

Bây giờ thì Amad an tâm. Anh đứng lên và ra dấu cho Samia đi theo.

- Người này đang bệnh, Amad. Phải làm gì giúp ông ta chứ.

- Ông ta bị sốt mà mình thì chẳng có thuốc men gì. Nên thử đi tới trại lính trước khi trời tối, rồi trở lại đây trong chuyến về.

- Anh không biết trại lính ở đâu cả... Mình ở đây là an toàn rồi, tại sao phải vội ?... Bộ không có thuốc gì trong xe có thể làm ông ta dịu bớt sốt sao ?

- Nhưng mình đang ở đâu ?... Còn xe hơi thì ở đâu ?

Người đàn ông mở mắt ra trong tích tắc và bắt gặp ánh mắt Samia làm chị bối rối - trong mắt Samia lóng lánh một tia chớp. Chị nói với vẻ cả quyết :

- Phải cứu ông ta.

- Chẳng có gì trầm trọng cả... Thân nhiệt hơi cao một chút thôi... Mình phải gấp lên trước khi mặt trời lặn.

- Mình để ông ta chết à ?...

- Ông ta không chết đâu. Bà con ông ta sẽ tới cứu. Cái chính của mình là không nên mất thì giờ.

Người đàn ông nhắm mắt lại và quay mặt tránh cuộc cãi vã, mà cũng có thể là ông ta hôn mê rồi. Samia hỏi Amad với vẻ oán giận :

- Ít nhất anh cũng biết anh đi đâu chứ ?

- Ủ, thì như ông ta đã nói, chỉ hai giờ đi bộ là tới trại thôi.

- Trại nào ? Tốt hơn hết là ở đây qua đêm rồi sáng mai hẵng đi.

- Trái lại, mình phải tới trại ngay tối nay.

Người đàn ông có vẻ đau đớn và run lên vì sốt.

Amad bước ra khỏi lều. Anh dừng lại ở cửa rút cái địa bàn vẫn không bao giờ rời anh trong suốt chuyến đi để định hướng đâu là phía tây. Tìm ra rồi, anh chực bước đi và bảo Samia :

- Nhanh lên !

Samia trả lời giọng chắc nịch :

- Em không đi đâu. Khi về thì ghé qua đây đón em. Em không còn sức để bước nữa.

- Được mà, em còn đi được mà. Chớ em ở lại với người đàn ông xa lạ này à ? Amad nói với giọng chê trách. Anh chờ.

- Không... em chờ cho tới khi anh trở lại.

Samia nói với giọng cả quyết, không để lại chút nghi ngờ nào về ý định của chị. Amad hiểu cố thuyết phục nữa cũng vô ích :

- Cô điên rồi. Việc cô muốn làm quả là trò điên. Anh nói một cách giận dữ rồi làm như thể trút bỏ hết trách nhiệm trước sự bướng bỉnh đó. Được, tùy cô.

Rồi anh bỏ đi.

Samia canh chừng người bệnh thâu đêm. Thỉnh thoảng chị nhúng khăn quàng của mình vào nước và áp lên trán ông nóng hổi.

Nhiều ngày như vậy trôi qua. Chị đã săn sóc người đàn ông chu đáo. Ông ta bình phục. Và Amad không trở lại.

**MIÊNG**



*Dịch theo bản tiếng Pháp của Luc Barbulesco và Philippe  
Cardinal*

**"Le Puits",**

Paris, Octobre 1995-Aout 2000

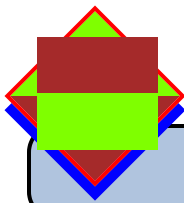
### **NAOUM, Nabil (1944-....)**

Viết truyện ngắn và truyện dài. Sinh tại Le Caire, Nabil Naoum thuộc thế hệ của các nhà văn Ai Cập được trong và ngoài nước biết đến vào những năm 1980. Từ nhỏ ông đã cảm nhận thiên hướng viết văn, trong khi gia đình muốn hướng ông về các bộ môn y khoa hoặc kỹ thuật. Ông đã học ở Đại học Le Caire và sau đó sống 10 năm ở Hoa Kỳ với nghề kỹ sư. Ông không hề hối tiếc và xem khoảng thời gian này là bổ ích cho cách suy nghĩ và đánh giá sự việc. Trở về Ai Cập, ông sống ở Héliopolis và mở tại đây một phòng triển lãm nghệ thuật hiện đại, "Atelier 49" , và đóng vai trò tiên phong trong lãnh vực này. Ông thường lui tới các nước Pháp và Mỹ. Về văn học, ông thuộc thế hệ những nhà văn giao thời, và có lẽ là tác giả đã chịu ảnh hưởng bốn phương nhiều nhất trong số các nhà văn Ai Cập hiện nay. Nhiều tác phẩm của ông đã được dịch ra tiếng Pháp, như "Le Voyage de Râ", "Retour au temple" và "Le Rêve de l'esclave" ...

---

**[1]** Cheikh

**[2]** Hâgg.



Fernando Ainsa

## SỐ MẠNG CỦA HECTOR

**H**ector vừa giam mình trong chòi. Cửa lớn và cửa sổ đều đóng, chắc có điều gì khác thường trong mấy hôm nay. Mũ sụp xuống mắt, điều thuốc cầm trong tay phải, gã dán mắt vào cây xà cao nhất trên trần, ám đen vì nhà không có ống khói. Vẻ trầm tĩnh của mọi cử chỉ biểu hiện một niềm tin mãnh liệt do tập trung ý chí. Nếu gã cầm điều thuốc ở bàn tay phải, thì bàn tay kia trong túi quần nắm chặt cái vé số mà gã hy vọng là sẽ trúng được con ngựa màu xám vàng tuyệt đẹp.

Khi con vật được dắt đi dạo trên đường làng, vừa thấy nó là Hector có cái ham muốn không kìm được, và vô lý nữa. Gã tức khắc cảm thấy bị thu hút bởi bộ áo bóng loáng, lung linh của nó. Gã quyết định mua và hỏi giá.

Lắc nhẹ đai yên ngựa, Matias nói với Hector :

- Nó không có giá. Con ngựa xám vàng này không bán, ai mà thắng giải tombola thì được nó thôi.

Bây giờ thì ai cũng rõ là - bởi vì chắc Matias có kẻ trong quán cà phê - Hector đã nản nì mãi như thể không hiểu :

- Cho biết nó đáng bao nhiêu, tớ trả. Tớ chịu nó quá.

Matias giải thích :

- Tớ thì, công việc của tớ là tổ chức các giải tombola với những con ngựa thuộc loại này đây... Có may mắn hay không là chuyện của người khác.

Và Matias sửng sờ khi Hector quay gót bỏ đi mà không hề mua vé nào.

Chúng tôi, những người hay tới lui quán cà phê Jimenez, đã cắt nghĩa cho Matias rằng không bao giờ Hector thử thời vận nữa đâu, bởi từ lâu gã tin là mình không bao giờ có may mắn. Gã từ chối tất cả mọi trò chơi may rủi từ khi người ta đọc các đường chỉ trên tay gã. Gã không bao giờ cá độ nữa, khinh bỉ các trò chơi tombola và xổ số, và xem thường tiền đặt cùng các trò gian xảo trong quán cà phê. Để đáp lại sự nhạo báng về thái độ "thiếu nam tính" của mình, gã chỉ mỉm một nụ cười ngạo nghễ.

Mọi việc xảy ra như thế này : Hector tin một cách mù quáng cái điều cô gái gi-tăng với giọng đặc sệt Bồ Đào Nha đã vừa nói, vừa lướt nhẹ các móng tay dài bản thủ của mình trong lòng tay gã :

- Anh sẽ rất thành công trong đời, mọi thứ sẽ đến với anh do sức làm việc và do lòng chân thật chứ không do may rủi. Cái gì do may rủi sẽ mang lại cho anh bất hạnh.

Và để chứng thực những gì mình nói, cô gái chỉ cho gã cái đường chỉ tay khúc khuỷu của sự rủi ro trong trò chơi may rủi, và đường thật sâu của những lợi lộc gã sẽ có được nhờ sức lực và ý chí của mình. Cứ mỗi lần chúng tôi cố thuyết phục Hector chơi cái gì, gã đều nhìn vào lòng bàn tay để xem, với thời gian, các đường ngang dọc có khác xưa không. Nhưng những đường chỉ định mệnh không bao giờ thay đổi.

Khi chúng tôi kể những điều này cho Matias, Matias đưa cao ly rượu lên thề là sẽ không rời khỏi El Paso nếu không bán được cho Hector cái vé. Không ai bị quyến rũ bởi bộ vó kiêu hãnh của con ngựa này như Hector. Làm sao gã có thể bỏ qua một cơ hội để thắng nó như vậy ? Matias gần hết vé rồi, tất cả dân làng đều ít nhiều tham gia vào trò chơi, vậy mà anh ta thề là sẽ không để yên Hector. Cuộc độ sức rất đặc biệt giữa hai người bắt đầu như vậy, với ý muốn hoàn toàn đối nghịch : kẻ muốn bán và người không muốn mua.

Không có gì đáng ngạc nhiên nếu Hector đụng đầu Matias và con ngựa rất nhiều lần. Cũng chẳng có gì lạ lùng nếu Hector thường nghe tiếng hí sau cánh cửa và chợt thấy cái bờm in bóng trên kính cửa sổ. Trong những cuộc gặp gỡ thoáng qua ấy, Matias không quên nhắc khéo Hector với nụ cười khả ái nhất của mình, rằng anh ta hãy còn vài cái vé, và rằng cứ mỗi ngày trôi qua, số vé càng giảm đi chừng nào thì cơ may của Hector cũng sẽ giảm theo chừng đó.

Tất cả chúng tôi đều nghĩ rằng tới ngày xổ tombola, chắc Matias cũng vẫn không toại nguyện thì, một buổi sáng, mọi người nghe nói Nilda - con gái của Sébastien và Na Catalina, chuyên gia của đủ thứ trò phù thủy - vừa trở về từ biên giới phía bắc, với nhiều ngón mới mẻ. Sáng hôm đó, Hector khăng khăng đi tìm cô ta với một sự bướng bỉnh đến nỗi không ai dẫu được ngạc nhiên. Tiếng đồn lan rất nhanh trước vẻ nghiêm trọng của Hector và vẻ an nhiên bất ngờ khi gã từ giã Nilda sau một giờ trò chuyện. Hector quả quyết bước vào cà phê Jimenez ngay, và gọi giật Matias lúc đó đang uống bia lạnh ở quầy. Chúng tôi chứng kiến tất cả, và ai cũng nhận thấy là Matias chờ đợi cơ hội này từ lâu. Nếu mọi việc đang thay đổi thì rõ ràng là người này cũng như người kia đều đã thấy trước rồi.

Những gì Hector và Nilda nói với nhau trước đó, mọi người đều được biết cũng chính từ miệng cô, vì cô ta hấp tấp muốn chứng minh bằng thực tế những gì mình đã học được. Cô ta kể rằng điều mà Hector tới hỏi là : những gì cô gái gi-tăng đã nói về chỉ tay gã có đúng không. Cô ta bèn cầu khẩn Xango, thần bổn mạng của Hector, và ném mấy con ốc sên giữa các đốt tay của Ogun và bảy đường của Umbanda. Xem cách phân tán và kiểu bố trí của chúng, cô ta cho rằng không có gì bất lợi cho gã hết, rằng tất cả đều tùy thuộc vào sức mạnh tinh thần và sự tập trung tư tưởng của gã thôi. Bởi vì sự thiếu niềm tin luôn luôn giết chết cái may mắn, và chỉ nhờ khả năng tư tưởng mà người ta có thể kéo lại cơ may khiến cho các con số trên vé tombola của mình trùng hợp với những con số sẽ trúng. Rồi để cho lời mình đáng tin cậy thêm, Nilda kể là đã làm lại nhiều lần các trò phù phép đó trước mặt Hector.

Nilda nói Hector không hoàn toàn tin tưởng cô ta, vì gã chìa cho cô xem lòng bàn tay với đường chỉ bất hạnh, mà đối với gã mới là những lý lẽ không bác được. Dường như chính Nilda cũng thấy nghi ngờ nên một lần nữa lại ném ốc sên vào các đốt tay, rồi xác nhận rằng, với một ý chí sắt đá, người ta có thể thay đổi cả những đường chỉ tay định mệnh. Cô ta nhắc đi nhắc lại là Hector phải đặt hết tin tưởng vào khả năng tư duy của mình.

Cô ta nói thêm :

- Không có gì sắp đặt trước cả. Và nếu ta tin rằng có gì sắp đặt trước, thì tinh thần ta có thể xóa bỏ cũng dễ dàng như khi nó được viết ra vậy.

Chính nhờ sự tin tưởng và sự bảo đảm mới từ Nilda mà Hector đã vào quán cà phê và tới thẳng chỗ Matias. Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên khi nghe Hector bảo Matias :

- Lấy quyền sở chết tiệt của cậu ra và cho tớ bất kỳ con số nào cậu muốn, bởi vì đó sẽ là con số trúng giải và con ngựa sẽ thuộc về tớ thôi.

Matias bán cho Hector một vé và nhìn gã bỏ đi, với một nụ cười mãn nguyện. Hector đi ra, cái vé nằm trong túi quần trái, chẳng chào ai cả. Lúc đó chúng tôi hiểu là đối với Hector, trò chơi đã trở thành xác tín.

Nếu còn tí nghi ngờ nào cũng sẽ bị khắc phục ngay : nửa giờ sau, Hector tới tiệm mua hoa cỏ để làm trà maté, mua thuốc lá, xúc xích và bích-quì. Rồi không một lời hay cử chỉ gì khác, gã tự giam mình vào chòi.

Và bây giờ gã nằm đó, điều thuốc trong tay phải, tay trái luôn luôn thủ trong túi quần, mũ sụp xuống trán, mắt dán chặt vào cây xà cao nhất của căn chòi. Đó là hình ảnh trông thấy mỗi lần chúng tôi liếc nhìn qua khe hở cửa.

Ban đầu mọi người đều chế nhạo. Trẻ con đập vào cửa và la to : " Có cháy ở El Paso ", hay giả cảnh sát. Nhưng dần dà, với sự im lặng lì lợm, gã chiếm lòng tôn trọng của mọi người. Ba ngày trước hôm xổ tombola, mọi người im phắc khi đi ngang nhà gã, có người còn cường điệu bước trên đầu ngón chân như thể sự yên tĩnh sẽ thực sự giúp gã tập trung tư tưởng và kéo may mắn tới cho con số trên cái vé, số 342, con số mà gã nằm bất động, vừa hút thuốc, vừa miên man nghĩ tới.

Nếu sự chế diễu nhường chỗ cho lòng kính trọng, vài giờ trước khi xổ, một nỗi lo âu bất rút bất thường xâm chiếm tâm trí chúng tôi. Ngay cả Matias, luôn luôn tự mãn, dường như cũng muốn chấm dứt cái trò xổ số tombola với ngựa này phút cho rồi, và rời làng tới nơi

nào mà trò may rủi không phải là một cuộc độ sức căng như vậy. Matias ngồi suốt ngày ở cà phê Jiminez, trả lời nhát gừng những câu hỏi lo âu của chúng tôi, và dường như chỉ chú tâm tới mấy giây phút ít ỏi còn lại sẽ tách anh ra khỏi cuộc xổ số cùng số phận của con ngựa, mới đây còn dặt đi diểu với biết bao kiêu kỳ.

Tôi chắc là không ai làm việc ngày xổ tombola. Tôi cũng chắc rằng cả làng đã im lặng theo sau Matias khi Matias tới trường, mang theo một quả cầu đầy số ; trẻ con thì leo bám trên mép cửa sổ lớp học, cố xem bằng được nghi lễ sắp diễn ra. Ông hiệu trưởng là người bảo lãnh cuộc xổ, thằng bé Romualdo Perez quay quả cầu, và con bé Celeste bốc một tờ rồi hát to con số lên cho chúng tôi nghe cái điều mình hy vọng từ khi Hector mua vé : con số 342.

Sau cơn nhẹ nhõm, một nỗi lo âu dữ dội xâm chiếm cử tọa. Tiếng xầm xì theo sau tiếng rao con số 342 của Celeste bỗng tan loãng đi và chúng tôi hoàn toàn bất động. Nhiều giây, có lẽ nhiều phút trôi qua trước khi Matias chụp lấy lá số để kiểm chứng cái điều tai đã nghe, và ông hiệu trưởng nói :

- Đúng, đúng là số 342 thật !

Và tất cả chúng tôi cùng đồng thanh lặp lại : "Số 342", như thể không một con số nào khác có cơ may thắng được, như thể trong cái tranh tối tranh sáng của căn chòi mình, Hector đã biến tất cả các lá số trong quả cầu thành con số duy nhất 342 không thể tránh vậy.

Hầu như cả làng đi theo Matias, tay nắm bộ dây cương, như một đám rước. Mọi người dừng lại trước cửa chòi Hector mà không ai dám lên tiếng gọi gã. Vicente tới gần nói :

- Hector, cậu đã trúng con ngựa.

Và vì không ai trả lời, anh ta nói thêm một cách trịnh trọng :

- Tớ thề trên sự bình yên phần hồn của vợ tớ đấy !

Chỉ lúc đó mới nghe tiếng kọt kệt, rồi tiếng chân bước chậm chậm, và cuối cùng là then cửa đẩy ra.

Hector xuất hiện ở ngưỡng cửa y hệt như lúc bắt đầu cuộc ẩn cư : điều thuốc trong tay phải, tay trái trong túi quần, mũ ẩn sâu xuống. Không một lời, nhưng khi mắt bắt đầu quen với ánh mặt trời, gã nhìn Matias chăm chăm, không quên đảo mắt qua con ngựa trước đã, như thể muốn kiểm tra xem có đúng là con vật ấy và nó có mạnh khỏe không.

Sự việc tiếp theo đối với chúng tôi là một điều khiêu khích dường như vô ích của Matias, bởi vì tới lúc đó mọi người đều tin chắc rằng lời khuyên của Nilda là có cơ sở, và sự tập trung tư tưởng của Hector đã đóng vai trò quyết định. Tất nhiên, chúng tôi cũng quên tuốt lời cô gái gi-tăng với giọng đặt sệt Bồ Đào Nha đã bói về chỉ tay Hector. Matias vừa hần học trao giây cương cho Hector, vừa nói :

- Này, cầm lấy, của cậu đấy. Nhưng đừng quên là chính tớ đã sắp đặt trước với Nilda để cô ta nói với cậu những điều như cô ta đã nói, để tớ bán cho cậu cái vé.

Hector không trả lời. Ném tàn thuốc, gã cầm cương ngựa và chậm chậm như thể bị đau, rút tay trái ra khỏi túi quần.

Trong tay gã là tờ tombola gấp đôi. Nhiều người trong chúng tôi nhìn thấy bàn tay ấy, dầm máu, da bị lột, hoàn toàn rách nát, kiểu không để nguyên dấu vết của đường chỉ tay nào, như thể là số



mạng gã đã được bôi xoá đi bằng cách duy nhất của người đời : sự đau đớn.

**MIÈNG**

*Dịch theo bản tiếng Pháp của Catherine Guiloineau-Hubert*

*"Le destin d'Hector"*

*Paris, Octobre 1996*

### **AINSA, Fernando (1937-....)**

Viết truyện ngắn, truyện dài và tiểu luận. Người Uruguay tuy sinh ở Tây Ban Nha, Fernando Ainsa đã hành nghề luật sư và ký giả tại Uruguay giữa những năm 1952 và 1970 (cộng tác với các báo *"La manana"*, *"Epoca"* và *"Ección"*, cùng nhiều báo ngoại quốc khác ; chủ nhiệm tờ *"Hechos"*). Từ 1974, ông sống ở Paris và là công chức của UNESCO cho đến khi về hưu giữa năm 2000. Nhiều tác phẩm của ông được giải thưởng tại Uruguay và ông thường được mời tham dự các Hội nghị quốc tế về văn học của Châu Mỹ La Tinh. Ainsa là thành viên của Hàn lâm viện Uruguay từ năm 1997. Ông chịu nhiều ảnh hưởng của các tác giả Pháp ; ngược lại, nhiều tác phẩm của ông cũng đã được dịch ra Pháp văn. Trong văn nghiệp của Ainsa, các quyển *"En La Orilla"* và *"El Testigo"* đều được đánh giá cao ; nhưng chính truyện dài *"De Papá En Adelante"* mới thực sự là tác phẩm đã xác định vị trí của ông.